



CHỨNG THƯ THẨM ĐỊNH GIÁ

Số chứng thư: 010/2025/C07-0258

07/08/2025

ID: 197632

Khách hàng yêu cầu	: NGÂN HÀNG TMCP BẢO VIỆT
Địa chỉ liên lạc	: Tầng 1 và tầng 5, toà nhà Corner Stone, số 16 Phan Chu Trinh, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Tài sản thẩm định giá	: Giá trị còn lại của 01 Tàu chở hàng rời TM HẢI HÀ 988. Số hiệu/Số IMO: 3WFZ9/9331751 trọng tải toàn phần 53532,9 tấn đóng năm 2012 đã qua sử dụng thuộc sở hữu của Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Hải Hà
Mục đích thẩm định giá	: Làm cơ sở tham khảo để NGÂN HÀNG TMCP BẢO VIỆT tiến hành các thủ tục bán đấu giá tài sản bảo đảm
Thời điểm thẩm định giá	: Tháng 07 năm 2025

CHỨNG THƯ THẨM ĐỊNH GIÁ

Kính gửi: **NGÂN HÀNG TMCP BẢO VIỆT**

- Căn cứ Hợp đồng số 010/2025/C07-0258/HĐTĐG ngày tháng 07 năm 2025, giữa CÔNG TY CỔ PHẦN THẨM ĐỊNH GIÁ THẾ KỶ - CHI NHÁNH TẠI HÀ NỘI và NGÂN HÀNG TMCP BẢO VIỆT;
- Căn cứ Báo cáo thẩm định giá 010/2025/C07-0258 ngày 07 tháng 08 năm 2025, CÔNG TY CỔ PHẦN THẨM ĐỊNH GIÁ THẾ KỶ - CHI NHÁNH TẠI HÀ NỘI;
- Công ty Cổ phần Thẩm định giá Thế Kỷ - Chi nhánh tại Hà Nội cung cấp chứng thư thẩm định giá số 010/2025/C07-0258 ngày 07 tháng 08 năm 2025 với những nội dung sau:

I- THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP THẨM ĐỊNH GIÁ:

CÔNG TY CỔ PHẦN THẨM ĐỊNH GIÁ THẾ KỶ - CHI NHÁNH TẠI HÀ NỘI

- Địa chỉ : Số 2 hẻm 102/44/49 phố Pháo Đài Láng, Phường Láng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Văn phòng : Tầng 4, Tòa nhà Golden Palm, Số 21 Lê Văn Lương, Phường Thanh Xuân, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại : (04) 32222786 Fax: (04) 32222787
- Tài khoản số : 0011004419549
- Tại: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VIETCOMBANK) – Chi nhánh Sở Giao dịch, Hà Nội
- Mã số thuế : 0102658944-005
- Đại diện : Ông TRẦN TIẾN LẬP Chức vụ: Giám đốc chi nhánh

II- KHÁCH HÀNG YÊU CẦU THẨM ĐỊNH GIÁ

- Tên đơn vị : **NGÂN HÀNG TMCP BẢO VIỆT**
- Địa chỉ : Tầng 1 và tầng 5, toà nhà Corner Stone, số 16 Phan Chu Trinh, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

III- TÀI SẢN THẨM ĐỊNH GIÁ:

Giá trị còn lại của 01 Tàu chở hàng rời TM HẢI HÀ 988. Số hiệu/Số IMO: 3WFZ9/9331751 trọng tải toàn phần 53532,9 tấn đóng năm 2012 đã qua sử dụng thuộc sở hữu của Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Hải Hà

IV- MỤC ĐÍCH THẨM ĐỊNH GIÁ:

Làm cơ sở tham khảo để NGÂN HÀNG TMCP BẢO VIỆT tiến hành các thủ tục bán đấu giá tài sản bảo đảm.

V- CƠ SỞ GIÁ TRỊ:

Chi tiết tại Báo cáo thẩm định giá

VI- THỜI ĐIỂM THẨM ĐỊNH GIÁ:

Tháng 07 năm 2025.

VII- GIÁ THIẾT ĐẶC BIỆT:

Chi tiết tại Báo cáo thẩm định giá

VIII- CÁCH TIẾP CẬN; PHƯƠNG PHÁP THẨM ĐỊNH GIÁ:

Chi tiết tại Báo cáo thẩm định giá

IX- CĂN CỨ THẨM ĐỊNH GIÁ:

Chi tiết tại Báo cáo thẩm định giá

X- GIỚI HẠN KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH GIÁ

- Kết quả thẩm định giá chỉ có hiệu lực khi và chỉ khi các bên tham gia tuân thủ và hoàn thành các điều khoản trong hợp đồng (ký kết giữa Khách hàng và CEN VALUE để thực hiện thẩm định giá các tài sản

theo chứng thư này). Trong trường hợp khách hàng không thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ bao gồm nghĩa vụ thanh toán đã ghi trong Hợp đồng nêu trên trong thời hạn quy định thì CEN VALUE mặc nhiên coi là hợp đồng vô hiệu và toàn bộ Chứng thư/ Báo cáo kết quả thẩm định giá nếu CEN VALUE thoả thuận giao trước cho khách hàng sẽ không có giá trị pháp lý.

- Khách hàng là chủ tài sản hoặc bên thứ ba yêu cầu thẩm định giá phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp trong việc cung cấp hồ sơ pháp lý, tài liệu liên quan quyền sở hữu, quyền sử dụng, đặc tính kinh tế - kỹ thuật và các tính năng khác có liên quan đến tài sản thẩm định và hướng dẫn nhân sự của CEN VALUE khi khảo sát vị trí và hiện trạng thực tế tài sản.
- Kết quả thẩm định giá nêu trên chỉ có ý nghĩa tư vấn về mặt giá trị được căn cứ theo các tài liệu được cung cấp để tư vấn cho khách hàng tham khảo đưa ra quyết định trong giao dịch của mình, trên cơ sở đúng danh mục, số lượng và khối lượng công việc tại hồ sơ do khách hàng cung cấp và trong điều kiện giới hạn bởi các thông tin thị trường mà CEN VALUE thu thập tại thời điểm thẩm định giá.
- CEN VALUE không chịu trách nhiệm kiểm tra tính chính xác các thông tin của các tài liệu bản sao, bản photo các giấy tờ liên quan đến tính chất pháp lý của tài sản yêu cầu thẩm định giá so với bản gốc.
- CEN VALUE tiếp nhận những thông tin mà khách hàng cung cấp (bằng văn bản, điện tử, email, ghi chép, lời nói, ghi âm, phỏng vấn...) và kiểm chứng thông tin qua quá trình khảo sát hiện trạng, khảo sát thị trường để bảo đảm độ tin cậy, trước khi đưa vào phân tích thông tin, áp dụng các cách tiếp cận và phương pháp thẩm định. CEN VALUE giả định rằng tất cả giấy tờ pháp lý đã cung cấp là trung thực và chính xác.
- CEN VALUE cung cấp kết quả thẩm định giá để tư vấn theo đúng mục đích yêu cầu, do đó kết quả chỉ được sử dụng cho mục đích đã nêu trong hợp đồng & chứng thư và không thay thế cho bất kỳ quyết định nào của chủ tài sản hoặc bên thứ ba có liên quan đối với tài sản. Khách hàng phải chịu hoàn toàn trách nhiệm khi sử dụng sai mục đích đã ghi trên Chứng thư thẩm định giá.
- CEN VALUE hoạt động dưới sự quản lý và cấp phép của Bộ tài chính, kết quả Chứng thư thẩm định giá của CEN VALUE được công nhận và được sử dụng trên toàn lãnh thổ Việt Nam.
- Chứng thư thẩm định giá này do CEN VALUE cấp và chỉ sử dụng bản chính, số lượng bản chính được ghi rõ trong Chứng thư và chỉ cấp cho Khách hàng và người yêu cầu hợp pháp. Khi Khách hàng có nhu cầu cấp thêm bản chính phải có yêu cầu nêu rõ mục đích và kết quả thẩm định giá còn trong thời hạn hiệu lực.

XI- THỜI HẠN CÓ HIỆU LỰC CỦA KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH GIÁ

- Kết quả thẩm định giá tài sản chỉ được sử dụng cho mục đích được ghi tại Chứng thư thẩm định giá và có hiệu lực trong thời gian 180 ngày (đối với máy móc thiết bị, Phương tiện vận tải) kể từ ngày ký Chứng thư. Khách hàng phải chịu hoàn toàn trách nhiệm khi sử dụng sai mục đích đã ghi trên Chứng thư thẩm định giá.

XII- CÁC PHỤ LỤC KÈM THEO

- Báo cáo kết quả thẩm định giá số 010/2025/C07-0258 ngày 07 tháng 08 năm 2025 của Công ty Cổ phần Thẩm định giá Thế Kỷ - Chi nhánh tại Hà Nội.
- Chứng thư thẩm định giá được phát hành 03 bản chính bằng tiếng Việt tại Công ty Cổ phần Thẩm định giá Thế Kỷ - Chi nhánh tại Hà Nội. Công ty Cổ phần Thẩm định giá Thế Kỷ - Chi nhánh tại Hà Nội giữ 01 bản, khách hàng thẩm định giá giữ 02 bản.

XIII- KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH GIÁ

- Trên cơ sở phân tích những yếu tố có ảnh hưởng đến giá trị của tài sản thẩm định giá; Trên cơ sở theo dõi sự biến động của thị trường tài sản. CEN VALUE kết luận giá trị thẩm định tài sản phù hợp với những đặc điểm mô tả, tại thời điểm thẩm định giá cụ thể như sau.

TT	DANH MỤC	Thông số	Đơn giá thẩm định (VND)
1	* Tên tàu:	TM Hải Hà 988	236.119.800.000
	Loại tàu	Tàu chở hàng rời	
	Chủ tàu:	Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Hải Hà	
	Địa chỉ:	Số 132, TDP số 6, thị trấn Diêm Điền, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, Việt Nam	
	Hồ hiệu/IMO	3WFZ9/9331751	
	Năm, nơi đóng/ hoán cải	2012, Việt Nam	
	Kích thước cơ bản (LxBxDxd) (m):	183,05 x 32,26 x 17,53 x 12,62	
	Chiều dài thiết kế (m):	183,05	
	Chiều dài lớn nhất (m):	190	
	Chiều rộng thiết kế (m):	32,26	
	Chiều cao mạn (m):	17,53	
	Mớn nước/ Chiều chìm (m):	12,62	
	Tổng dung tích (GT):	32614	
	Số lượng máy chính:	1	
	Tổng Công suất (KW):	9480	
	Trong tải toàn phần (tấn):	53532,9	
	Vật liệu:	Thép	

(Bảng chữ: Hai trăm ba mươi sáu tỷ, một trăm mười chín triệu, tám trăm nghìn đồng chẵn./.)

Mức giá trên là mức giá đã bao gồm thuế GTGT

- Chi tiết theo báo cáo thẩm định giá;
- CÔNG TY CỔ PHẦN THẨM ĐỊNH GIÁ THẾ KỶ - CHI NHÁNH TẠI HÀ NỘI trả lời để NGÂN HÀNG TMCP BẢO VIỆT có cơ sở thực hiện các giao dịch của mình theo quy định của pháp luật hiện hành.

**CHUYÊN VIÊN
THẨM ĐỊNH GIÁ**

LÊ CÔNG TUẤN ANH

THẨM ĐỊNH VIÊN VỀ GIÁ
Số thẻ: XI16.1648
(Ký tên)

LƯU QUANG TÙNG

ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
Số thẻ: XII17.1775
(Ký tên, đóng dấu)



TRẦN TIẾN LẬP

CÔNG TY CỔ PHẦN THẨM ĐỊNH GIÁ THẾ KỲ -
CHI NHÁNH TẠI HÀ NỘI
Số: 010/2025/C07-0258

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----oOo-----

Hà Nội, ngày 07 tháng 08 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH GIÁ

Diễn giải chứng thư số 010/2025/C07-0258

I. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP THẨM ĐỊNH GIÁ

CÔNG TY CỔ PHẦN THẨM ĐỊNH GIÁ THẾ KỲ - CHI NHÁNH TẠI HÀ NỘI

- Địa chỉ : Số 2 hẻm 102/44/49 phố Pháo Đài Láng, Phường Láng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Văn phòng : Tầng 4, Tòa nhà Golden Palm, Số 21 Lê Văn Lương, Phường Thanh Xuân, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại : (04) 32222786 Fax: (04) 32222787
- Tài khoản số : 0011004419549 - Tại : Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VIETCOMBANK) - Chi nhánh Sở Giao dịch, Hà Nội
- Mã số thuế : 0102658944-005
- Đại diện : Ông TRẦN TIẾN LẬP Chức vụ: Giám đốc chi nhánh

II. THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ CUỘC THẨM ĐỊNH GIÁ

1. Khách hàng thẩm định giá:

NGÂN HÀNG TMCP BẢO VIỆT

- Địa chỉ : Tầng 1 và tầng 5, toà nhà Corner Stone, số 16 Phan Chu Trinh, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

2. Tài sản thẩm định giá: Giá trị còn lại của 01 Tàu chở hàng rời TM HẢI HÀ 988. Số hiệu/Số IMO: 3WFFZ9/9331751 trọng tải toàn phần 53532,9 tấn đóng năm 2012 đã qua sử dụng thuộc sở hữu của Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Hải Hà

3. Thời điểm thẩm định giá: Tháng 07 năm 2025

4. Mục đích thẩm định giá: Làm cơ sở tham khảo để NGÂN HÀNG TMCP BẢO VIỆT tiến hành các thủ tục bán đấu giá tài sản bảo đảm.

5. Các nguồn thông tin được sử dụng trong quá trình thẩm định giá và mức độ kiểm tra, thẩm định thông tin đó:

- Nguồn thông tin khảo sát:
- Biên bản khảo sát hiện trạng tài sản cần thẩm định giá do Công ty Cổ phần Thẩm định giá Thế Kỳ - Chi nhánh tại Hà Nội thực hiện.
- Nguồn thông tin do khách hàng cung cấp: Pháp lý tài sản

6. Các căn cứ thẩm định giá

6.1. Các văn bản pháp lý hiện hành về thẩm định giá

- Luật giá số 16/2023/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 19/6/2023;
- Nghị định số 78/2024/NĐ - CP ngày 01/07/2024 của Chính phủ v/v "Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật giá về thẩm định giá";

- Thông tư số 45/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn chế độ quản lý sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.
- Thông tư số 30/2024/TT-BTC ngày 16/05/2024 của Bộ tài chính Ban hành các chuẩn mực thẩm định giá Việt Nam về Quy tắc đạo đức nghề nghiệp thẩm định giá, Phạm vi công việc thẩm định giá, Cơ sở giá trị thẩm định giá, Hồ sơ thẩm định giá.
- Thông tư số 31/2024/TT-BTC ngày 16/05/2024 của Bộ tài chính ban hành các chuẩn mực thẩm định giá Việt Nam về cách tiếp cận từ thị trường, cách tiếp cận từ chi phí, cách tiếp cận từ thu nhập.
- Thông tư số 32/2024/TT-BTC ngày 16/05/2024 của Bộ tài chính ban hành chuẩn mực thẩm định giá Việt Nam về Thu thập và phân tích thông tin về tài sản thẩm định giá.
- Thông tư 34/2024/TT-BTC ngày 16/05/2024 của Bộ tài chính quy định về thi, cấp, quản lý, thu hồi thẻ thẩm định viên về giá
- Thông tư 36/2024/TT-BTC ngày 16/05/2024 của Bộ tài chính ban hành chuẩn mực thẩm định giá Việt Nam về Thẩm định giá doanh nghiệp.
- Thông tư 37/2024/TT-BTC ngày 16/05/2024 của Bộ tài chính ban hành chuẩn mực thẩm định giá Việt Nam về Thẩm định giá tài sản vô hình.
- Cơ sở dữ liệu của Công ty Cổ phần Thẩm định giá Thế Kỳ - chi nhánh tại Hà Nội. Khảo sát giá thị trường tại thời điểm hiện nay.

6.2 Căn cứ pháp lý khác

- Hợp đồng số: 010/2025/C07-0258/HĐTĐG ngày tháng 07 năm 2025 giữa NGÂN HÀNG TMCP BẢO VIỆT và CÔNG TY CỔ PHẦN THẨM ĐỊNH GIÁ THẾ KỲ- CHI NHÁNH TẠI HÀ NỘI;
- Căn cứ cơ sở dữ liệu của Công ty cổ phần Thẩm định giá Thế Kỳ- chi nhánh tại Hà Nội.
- Các hồ sơ pháp lý do khách hàng cung cấp

III. CƠ SỞ GIÁ TRỊ CỦA THẨM ĐỊNH GIÁ:

- Cơ sở áp dụng trong báo cáo kết quả thẩm định giá là cơ sở giá trị thị trường và giá trị đầu tư theo Thông tư số 30/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
- *"Giá trị thị trường là khoản tiền ước tính để tài sản có thể được giao dịch tại thời điểm thẩm định giá giữa người sẵn sàng mua và người sẵn sàng bán trong một giao dịch khách quan, độc lập, sau khi được tiếp thị đầy đủ và các bên tham gia hành động có hiểu biết, thận trọng và không bị ép buộc."*

IV. GIÁ THIẾT ĐẶC BIỆT

- Tại thời điểm thẩm định giá tài sản, tình hình kinh tế xã hội ở Việt Nam tương đối ổn định, tình hình biến động về giao dịch tài sản tại khu vực có tài sản thẩm định giá cũng tương đối ổn định. Do đó kết quả thẩm định giá được đưa ra dựa trên giả định trong trường hợp tình hình phát triển kinh tế và biến động về giao dịch tài sản trong thời gian tới vẫn tiếp tục ổn định, không có tăng trưởng nóng hoặc suy thoái trầm trọng, tình hình xã hội vẫn ổn định không có chiến tranh, bạo loạn chính trị hoặc thiên tai, dịch bệnh,...;
- Tài sản thẩm định giá có đầy đủ pháp lý chứng minh tính sở hữu hợp pháp về tài sản. các hồ sơ này được khách hàng cung cấp dưới dạng bản chụp, bản photo. Do đó, tài sản thẩm định giá trên thực tế giả định là giống hệt là đúng với các bản được cấp.
- Đối với các tài sản so sánh, tại thời điểm thẩm định giá, Công ty Cổ phần Thẩm định giá Thế Kỳ thu thập được trực tiếp tại khu vực khảo sát và tham khảo chọn lọc các giao dịch tin cậy trên mạng internet. Vì lý do khách quan, tổ chuyên viên gặp khó khăn trong việc tiếp cận trực tiếp các tài sản so sánh, thu thập hồ sơ liên quan mà chỉ thu thập được các thông tin cơ bản như giá sắt thép, giá các máy móc hàng hải kèm theo,... Các thông

tin đã được kiểm chứng, do vậy kết quả trên được xác định trong trường hợp các thông tin thu thập được là tương đối chính xác

- Tài sản được đóng mới để làm căn cứ xác định giá cho tài sản thẩm định được xây dựng theo đúng quy cách, kết cấu, hình dáng, công suất tương đồng với tài sản cần thẩm định giá.
- Kết quả thẩm định giá được ước tính giá trị trong trường hợp không có sự biến đổi, tranh chấp về chất cũng như về lượng so với thời điểm thẩm định giá

V. CÁCH TIẾP CẬN, NGUYÊN TẮC, PHƯƠNG PHÁP THẨM ĐỊNH GIÁ

1. Cách tiếp cận, phương pháp thẩm định giá

- Căn cứ vào hồ sơ pháp lý, đặc điểm kỹ thuật và hiện trạng tài sản, CÔNG TY CỔ PHẦN THẨM ĐỊNH GIÁ THẾ KỶ - CHI NHÁNH TẠI HÀ NỘI sau khi xem xét các cách tiếp cận khác nhau trong tình toán thẩm định giá cách tiếp cận từ thị trường, phương pháp so sánh để tiến hành thẩm định giá đối với tài sản có những đặc điểm kỹ thuật và hình dạng giống (tương tự) như tài sản nêu trong danh mục tài sản yêu cầu thẩm định giá.

Cách tiếp cận từ thị trường

Điều chỉnh bước 1: Điều chỉnh các yếu tố định lượng

- Do đặc điểm của tài sản thẩm định ghi rõ đặc điểm kỹ thuật, nguồn gốc xuất xứ của tài sản, các thông tin này đã cung cấp cho bên cung cấp báo giá.
- Khi thu thập thông tin báo giá, các nhà cung cấp thông tin về tài sản so sánh trên thị trường đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật tối thiểu của tài sản thẩm định để có giá chào bán phù hợp nhất, đảm bảo yếu tố cạnh tranh, cung cầu. Do đó, tổ thẩm định giá không lập bảng so sánh điều chỉnh các yếu tố định lượng.

Điều chỉnh bước 2: Điều chỉnh yếu tố định tính

- Do đặc điểm của tài sản thẩm định ghi đủ các yêu cầu về điều khoản thương mại của tài sản, các thông tin này đã cung cấp cho bên cung cấp báo giá.
- Khi thu thập thông tin tài sản so sánh, Tổ thẩm định đã thông báo rõ điều kiện thương mại về chế độ bảo hành và thời gian giao hàng, đặc điểm thanh toán ... nên các yếu tố định tính đã được các nhà cung cấp báo giá tính đầy đủ chi phí trong giá chào bán nên không lập bảng so sánh, điều chỉnh yếu tố định tính.

Điều chỉnh bước 3: Lựa chọn kết quả thẩm định

- Trong số tài sản so sánh thu thập được có mức giá khác nhau do chính sách về lợi nhuận chi phí giữa các nhà phân phối, tuy nhiên mức giá báo có mặt bằng tương đối ổn định, không chênh lệch quá nhiều.
- Do hàng hóa thẩm định là sản có tương đối phổ biến trên thị trường, Thẩm định viên không có điều kiện thỏa thuận, hiệp thương giá với từng nhà cung cấp (TSSS) nên việc lựa chọn mức giá chào bán trên cơ sở so sánh trực tiếp không điều chỉnh (Bước 1, bước 2); căn cứ vào nguyên tắc thị trường về cạnh tranh, cung cầu, Tổ thẩm định giá xác định mức giá của tài sản thẩm định giá được xác định là đơn giá thấp nhất trong các mức giá chỉ dẫn của các tài sản so sánh thu thập được, các mức giá còn lại được xác định để các bên có liên quan tham khảo.

2. Các nguyên tắc áp dụng

- Nguyên tắc sử dụng tốt nhất và có hiệu quả nhất
- Việc sử dụng tốt nhất và có hiệu quả nhất của tài sản là đạt được mức hữu dụng tối đa trong những hoàn cảnh kinh tế - xã hội thực tế phù hợp, có thể cho phép về mặt kỹ thuật, về pháp lý, về tài chính và đem lại giá trị lớn nhất cho tài sản.
- Tuy nhiên, một tài sản đang sử dụng thực tế không nhất thiết đã thể hiện khả năng sử dụng tốt nhất và có hiệu quả nhất của tài sản đó.

- Nguyên tắc cung - cầu
- Giá trị của một tài sản được xác định bởi mối quan hệ cung và cầu về tài sản đó trên thị trường. Ngược lại, giá trị của tài sản đó cũng tác động đến cung và cầu về tài sản. Giá trị của tài sản thay đổi tỷ lệ thuận với cầu và tỷ lệ nghịch với cung về tài sản.
- Giá trị của tài sản được xác định bởi mối quan hệ cung và cầu, trong đó có các yếu tố về đặc điểm vật lý và đặc điểm kinh tế - xã hội khác biệt với những thuộc tính của các tài sản khác. Sự ảnh hưởng của những đặc tính phụ thêm này được phản ánh trong cung - cầu và giá trị tài sản.
- Nguyên tắc cạnh tranh
- Lợi nhuận cao vượt trội sẽ thúc đẩy cạnh tranh, ngược lại, cạnh tranh quá mức có thể làm giảm lợi nhuận và cuối cùng có thể không còn lợi nhuận. Đối với tài sản, mối quan hệ cạnh tranh cũng được quan sát giữa các tài sản với nhau và giữa tài sản này với tài sản khác. Do đó, giá trị của tài sản được hình thành là kết quả của sự cạnh tranh trên thị trường.
- Nguyên tắc đóng góp
- Mức độ mà mỗi bộ phận của tài sản đóng góp vào tổng thu nhập từ toàn bộ tài sản có tác động đến tổng giá trị của tài sản đó.
- Giá trị của một tác nhân sản xuất hay một bộ phận cấu thành tài sản phụ thuộc vào sự vắng mặt của tác nhân đó làm giảm đi bao nhiêu giá trị của toàn bộ tài sản, có nghĩa là lượng giá trị mà nó đóng góp vào giá trị toàn bộ là bao nhiêu.
- Nguyên tắc này là nguyên tắc cơ bản trong việc xem xét tính khả thi của việc đầu tư bổ sung vào tài sản khi thẩm định viên xác định mức sử dụng tài sản tốt nhất và có hiệu quả nhất.

VI. THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN THẨM ĐỊNH GIÁ

1. Phân tích về đặc điểm tài sản thẩm định giá

1.1. Hồ sơ pháp lý

TT	Tài sản thẩm định	Tên, số hiệu văn bản pháp lý, cơ quan ban hành	Ghi chú
1	Tàu chở hàng rời TM HẢI HÀ 988. Số hiệu/Số IMO: 3WFFZ9/9331751, trọng tải toàn phần 53532,9 tấn đóng năm 2012 đã qua sử dụng	- Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển số: HP-BUL-001190-6 do Chi cục Hàng hải Việt Nam tại Thành phố Hải Phòng cấp ngày 08/7/2021; - Giấy chứng nhận phân cấp số 816/22TB-CL do Cục đăng kiểm Việt Nam cấp ngày 10/10/2022; - Giấy chứng nhận định biên an toàn tối thiểu tàu biển số TT03-651.HP/ĐKTB ngày 08/07/2021; - Giấy chứng nhận phù hợp quản lý nước dẫn số 00250/23TN-BWM do Cục đăng kiểm Việt Nam cấp ngày 21/07/2023; - Giấy chứng nhận dung tích quốc tế (1969) số 00250/23TN-TN do Cục đăng kiểm Việt Nam cấp ngày 21/07/2023;	- Hồ sơ pháp lý của tài sản phù hợp theo yêu cầu của pháp luật - CENVALUE có yêu cầu khách hàng/ ngân hàng bổ sung thêm các hồ sơ pháp lý khác (GCN mạn khô, an ninh, cứu hỏa/cứu sinh, chống hà, an toàn kết cấu/thiết bị, bản vẽ,...) nhưng chưa được cung cấp. Kính đề nghị Ngân hàng và các bên liên quan lưu ý về pháp lý của tài sản thẩm định như trên trong quá trình nhận và quản lý tài sản đảm bảo

1.2. Thông số kỹ thuật chính của tài sản thẩm định giá

TT	DANH MỤC	Thông số
1	* Tên tàu:	TM Hải Hà 988
	Loại tàu	Tàu chở hàng rời
	Chủ tàu:	Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Hải Hà
	Địa chỉ:	Số 132, TDP số 6, thị trấn Diêm Điền, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, Việt Nam
	Hồ hiệu/IMO	3WFZ9/9331751
	Năm, nơi đóng/ hoán cải	2012, Việt Nam
	Kích thước cơ bản (LxBxDxd) (m):	183,05 x 32,26 x 17,53 x 12,62
	Chiều dài thiết kế (m):	183,05
	Chiều dài lớn nhất (m):	190
	Chiều rộng thiết kế (m):	32,26
	Chiều cao mạn (m):	17,53
	Mớn nước/ Chiều chìm (m):	12,62
	Tổng dung tích (GT):	32614
	Số lượng máy chính:	1
	Tổng Công suất (KW):	9480
	Trọng tải toàn phần (tấn):	53532,9
	Vật liệu:	Thép

1.3. Hiện trạng tài sản thẩm định giá

- Tại thời điểm thẩm định giá, theo thông tin được cung cấp tài sản đã dùng từ đầu năm 2025. Do đó chuyên viên thẩm định không thể kiểm tra, xác nhận tình trạng hoạt động của máy móc, thiết bị cũng như các hệ thống liên quan đến vận hành của tàu:
 - + Thân vỏ tàu bị trầy xước, rỉ sét, bong tróc sơn và bị hà bám nhiều, nhưng chưa có dấu hiệu mục thủng, ngoại quan khá.
 - + Nhìn tổng thể bên ngoài đánh giá các cụm chức năng chính của máy móc chính và các thiết bị phụ trợ đi kèm vẫn đầy đủ. Ngoại quan của hệ thống máy khá, lớp sơn chưa bị bong tróc, gỉ sét, chảy dầu, chưa có dấu hiệu xuống cấp, tuy nhiên chưa xác định được tình trạng hoạt động. Số lượng cần được kiểm chứng thường xuyên, vì có thể di dời được khỏi tàu.
 - + Tổng thể hệ thống PCCC, trang thiết bị cứu sinh, thiết bị hàng hải, hệ thống điện ngoại quan khá. Số lượng cần được kiểm chứng thường xuyên, vì có thể di dời được khỏi tàu.

TT	Danh mục	Mô tả
I	Kết cấu	
1	Thân tàu (vỏ tàu)	Vỏ thép một vỏ với đáy đôi và boong chính; gồm tấm vỏ đáy, vỏ mạn và vỏ boong được gia cường bởi khung sườn và giằng dọc
2	Đáy đôi	Hai lớp đáy (đáy ngoài và đáy trong) liên kết qua mã hồng lớn. Bên trong có kết nước ballast và kết hàng lớn dùng đỡ hàng
3	Mũi tàu	Phần đầu tàu nhọn, có khung gia cường va chạm (collision bulkhead) và kết neo; thường tích hợp khoang neo chứa hệ thống neo-nghia.
4	Lái tàu	Phần đuôi tàu, bao gồm sàn lái, bánh lái gắn trên trục, giá đỡ ống trục và khung đuôi; chịu lực thủy động và trọng tải của bánh lái, chân vịt.
5	Boong chính	Mặt boong lớn bằng thép, chia thành các khoảng hầm hàng bởi thành quây nắp hầm. Boong được gia cường bằng các nẹp dọc và dầm ngang tại thành nắp hầm để chịu tải trọng nặng.
6	Thượng tầng	Kết cấu trên boong chính chứa phòng lái và khu sinh hoạt; bố trí phía sau (sau mạn giữa tàu). Thượng tầng có vách chịu lực riêng và nhiều lỗ cửa ra
7	Vách ngăn ngang kín nước	Vách thép từ đáy lên đến boong, chia thân tàu thành các khoang kín nước
8	Vách ngăn giữa hầm	Vách chắn thép không kín nước ngăn cách các khoang hàng với khu vực khác, dùng cho lối đi và phân chia chức năng nội bộ.
9	Nắp hầm hàng	Tấm che kín cửa hầm hàng, thường là loại thủy lực đóng/mở, phải chịu tải lớn và

TT	Danh mục	Mô tả
10	Bệ máy	đảm bảo kín nước. Kết cấu đỡ máy chính, gồm các dầm dọc và ngang gắn ổ trục máy.
11	Ổng trục và khung đỡ lái	Ổng cổ và vách khung ở lái tàu giữ ống trục cùng bạc đỡ. Chịu lực của trục chân vịt và bánh lái; làm bằng thép
II Các hệ thống đi kèm		
1	Hệ thống lái	Gồm bánh lái và máy lái điều khiển bằng thủy lực hoặc điện thủy lực.
2	Hệ thống đẩy	Dùng động cơ diesel hai kỳ chậm tốc trực tiếp truyền động qua trục đến chân vịt cánh quạt cố định. Công suất lớn giúp tàu đạt tốc độ ~12-15 hải lý. Hệ thống bao gồm bơm dầu, béc phun, bộ điều khiển máy
3	Hệ thống mũi neo	Mũi neo không gông ở mũi tàu với kết neo và dây xích nối dài; hệ thống máy kéo xích để thả/cố định neo. Trên boong có các guốc, trụ và máy xếp dây dùng cho neo và buộc tàu vào cầu bến
4	Hệ thống thoát nước	Bao gồm máng xối và van thoát nước trên boong để nước mưa hoặc nước trên boong thoát ra nhanh. Trong thân có bơm nước đáy hút nước lẫn dầu ở đáy hầm và khoang máy; bơm nước thải và nước sinh hoạt được xử lý qua bộ tách dầu trước khi thải ra biển
5	Hệ thống thông gió – điều hòa	Quạt thông gió khoang hàng đảm bảo không khí lưu thông, giảm bụi và hơi ẩm. Phòng máy có hệ thống quạt hút khói, quạt đẩy gió tươi để làm mát động cơ và đưa không khí tươi vào. Các hầm chứa nhiên liệu, bãi hàng cũng bố trí đường thông gió phục vụ cứu hỏa (Halon/CO ₂ , hút mùi)
6	Hệ thống điện	Gồm bộ máy phát chính và máy phát dự phòng, cung cấp điện 380V/220V AC cho toàn bộ tàu và 24V DC cho hệ thống điều khiển. Nguồn điện chính cấp cho các máy bơm, quạt, đèn chiếu sáng, radar, ECDIS...; nguồn dự phòng (pin Ắc-quy 24V) duy trì thông tin quan trọng và tín hiệu khẩn cấp khi mất điện
7	Thiết bị cứu sinh	Xuồng cứu sinh phóng tự do ở hai bên tàu. Ngoài ra có ca nô cứu sinh, xuồng di chuyển và áo phao, phao tròn, mặt nạ dưỡng khí theo quy định.
8	Thiết bị hàng hải (hàng hải – định vị – thông tin)	Bộ thiết bị điều hướng bao gồm radar, ECDIS (bản đồ điện tử), bộ định vị GPS, la bàn quán tính, thiết bị ghi nhật ký hành trình, thiết bị đo tốc độ, cùng hệ thống truyền tin VHF, MF/HF theo quy định GMDSS để liên lạc khẩn cấp. Đèn tín hiệu hàng hải (ngũ sắc, hai tầm) đảm bảo nhận biết hướng đi chuyển và phân loại tàu
9	Phòng cháy chữa cháy	Hệ thống đường ống nước ngọt bao quanh thân tàu, với các trụ chữa cháy và vòi phun ở nhiều vị trí (boong, thượng tầng, phòng máy). Trong phòng máy có hệ thống CO ₂ tự động khi có cháy động cơ; trong khoang nhiên liệu dầu có hệ thống foam. Trên boong có bình chữa cháy di động, lăng vòi và van ướm nước tự động cho phòng ngủ

1.4. Tổng quan về thị trường

Bối cảnh, xu hướng thế giới tác động đến ngành đóng tàu

- Giai đoạn 1999 - 2007: Ngành Công nghiệp đóng tàu của thế giới phát triển rất mạnh với tổng trọng tải đóng mới bằng 51% tổng tải trọng của toàn bộ đội tàu đang hoạt động trên thế giới.
- Giai đoạn 2008 - 2017: Ngành vận tải biển thế giới bị đình đốn, công nghiệp đóng tàu rơi vào suy thoái. Các nước như Trung Quốc, Hàn Quốc, ... đều có chính sách hỗ trợ ngành vượt qua khó khăn.
- Giai đoạn 2018 - 2021: Chiến tranh thương mại Mỹ - Trung và dịch Covid-19 làm chậm đà phục hồi của ngành Công nghiệp đóng tàu.
- Giai đoạn 2022 - nay: Xung đột giữa Nga – Ukraine, Hamas – Israel gia tăng, tạo ra ảnh hưởng xấu tới vận tải biển cũng như thị trường đóng tàu.

Chuyển dịch và xu hướng của ngành đóng tàu

- Trong thập niên 80 - 90 của thế kỉ 20, ngành Công nghiệp tàu thủy thế giới chứng kiến sự chuyển dịch mạnh mẽ từ Châu Âu sang Châu Á, đặc biệt là các nước: Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản. Năm 2023, 3 quốc gia này chiếm đến 85% tổng số đơn đặt hàng tàu mới.

- Bên cạnh đó, đóng tàu tại châu Âu sụt giảm, chỉ chiếm 7% tổng đơn đặt hàng trên toàn cầu năm 2023, các nhà máy chủ yếu tập trung vào phân khúc tàu du lịch, du thuyền sang trọng và tàu quân sự. Thị trường chủ lực như tàu container và tàu hàng rời bị Trung Quốc và Hàn Quốc chiếm lĩnh.
- Chuyển đổi xanh và nhiên liệu thay thế đang là xu hướng của ngành đóng tàu với việc sử dụng tàu chạy bằng LNG (khí tự nhiên hoá lỏng), dùng Methanol, amoniac, hydrogen thay thế nhiên liệu hóa thạch hay sử dụng pin nhiên liệu (Fuel Cell) và điện khí hóa;... Tuy nhiên, qua khảo sát, đánh giá năng lực của một số cơ sở đóng và sửa chữa tàu ở nước ta chưa có đủ nguồn lực để thực hiện các dự án tàu xanh sử dụng nhiên liệu thay thế.
- Tự động hoá và số hoá cũng góp phần lớn vào việc chuyển dịch của ngành đóng tàu bằng việc sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI), tàu tự hành (Một số dự án như Yara Birkeland (Na Uy) đã thử nghiệm tàu không người lái), cảm biến IoT;...
- Xu hướng về chuyển đổi năng lượng xanh và nhiên liệu thay thế không thể thiếu vật liệu và thiết kế tàu tiên tiến, đóng tàu mô-đun, tự động hóa sản xuất giúp giảm thời gian đóng tàu, giảm trọng lượng, tăng hiệu suất, tiết kiệm nhiên liệu.

Lợi thế cạnh tranh và cơ hội của Việt Nam trong phát triển Công nghiệp tàu thủy

- Việt Nam có đường bờ biển dài, vị trí địa lý thuận lợi cho sự phát triển của ngành vận tải biển, đóng tàu, phục vụ cả nhu cầu nội địa và xuất khẩu. Chính phủ Việt Nam đã và đang có nhiều chính sách hỗ trợ phát triển ngành công nghiệp đóng tàu bao gồm việc thúc đẩy liên kết với các đối tác quốc tế, khuyến khích đầu tư về cơ sở hạ tầng, hỗ trợ hiện đại hóa công nghệ. Công nghiệp tàu thủy Việt Nam đã đóng được hầu hết các gam tàu tổng hợp, tàu hàng rời, tàu dầu, tàu chở ô tô; xây dựng được một số cơ sở công nghiệp phụ trợ hỗ trợ ngành công nghiệp tàu thủy; thiết kế công nghệ cho một số gam tàu hàng rời.
- Nền kinh tế đang phát triển và hội nhập quốc tế sâu rộng, nhu cầu về vận tải biển của Việt Nam không ngừng tăng cao, xuất khẩu hàng hóa qua đường biển chiếm tỷ trọng lớn trong tổng kim ngạch xuất khẩu.
- Đầu tư nước ngoài vào ngành Công nghiệp đóng tàu đang gia tăng, đặc biệt từ các nước có công nghệ tiên tiến, tạo cơ hội học hỏi kinh nghiệm, chuyển giao công nghệ, nâng cao năng lực khai thác của doanh nghiệp đóng tàu nội địa thông qua cơ hội hợp tác và chuyển giao công nghệ.
- Việt Nam có nguồn lao động dồi dào, trẻ, có kỹ năng, dễ đào tạo chi phí lao động thấp hơn so với nhiều nước trong khu vực, tạo lợi thế cạnh tranh về giá thành sản phẩm.
- Tính đến tháng 12/2024 tổng số tàu biển, phương tiện đăng ký là 1.490 chiếc. Bên cạnh đó, xu hướng chuyển dịch của ngành đóng tàu chuyển từ châu Âu sang châu Á sẽ là cơ hội rất lớn cho ngành đóng tàu có thể nắm bắt đổi mới với thiết kế "xanh", tận dụng công nghệ ít phát thải để phục vụ cho cả thị trường nội địa lẫn xuất khẩu.

Tổng GT (triệu)	Tổng DWT (tấn)	Tổng số tàu	
6.8	11.367	1.430	Đội tàu biển
6.2	10.5	956	Tàu vận tải

- Theo quy định của Tổ chức hàng hải quốc tế IMO về bắt buộc chuyển đổi năng lượng sạch theo (COP 26) là nhân tố thúc đẩy sự tăng trưởng của ngành công nghiệp đóng tàu trong thời gian tới. Đây cũng là điều kiện để sản xuất thế hệ tàu mới, hiện đại thay thế cho đội tàu cũ đã già.

Loại tàu vận tải	Số lượng tàu	Tuổi bình quân
Tàu chở hàng rời, tổng hợp	660	17.6
Tàu chở container	43	18.5
Tàu chở dầu, hoá chất	164	18.8
Tàu chở khí hoá lỏng	21	24.2
Tàu chở khách	66	9.5
Tàu vận tải khác	2	

- Quy mô thị trường đóng tàu thế giới đã tăng trưởng mạnh mẽ trong những năm gần đây thể hiện qua mức tăng trưởng đơn hàng đóng mới tàu. Dự báo giai đoạn 2024 - 2028, quy mô thị trường đóng tàu dự kiến sẽ tăng khoảng 22,1 tỷ USD với tốc độ tăng trưởng bình quân là 3,95%/năm và sẽ dự kiến đạt khoảng 195 tỷ USD vào năm 2030. Đây cũng là cơ hội cho ngành Công nghiệp tàu thủy Việt Nam nắm bắt và triển khai.
- Trong giai đoạn 2023 - 2030, với sự phát triển của thương mại toàn cầu, nhu cầu vận tải biển của Việt Nam cũng được dự báo sẽ tăng trưởng mạnh mẽ khoảng 10%/năm, với mục tiêu tăng thị phần vận tải hàng xuất nhập khẩu cũng như đảm nhận 100% nhu cầu vận tải nội địa.
- Định hướng giai đoạn đến năm 2030 đội tàu biển Việt Nam được cơ cấu lại và phát triển khoảng 1.600 - 1750 chiếc với tổng trọng tải đạt từ 17 - 18 triệu tấn để phát triển kinh tế biển (trong đó đội tàu vận tải biển khoảng 1.200 chiếc với tổng trọng tải khoảng 13 - 14 triệu tấn).
- Dự báo tổng nhu cầu đóng mới bổ sung, thay thế đội tàu vận tải biển Việt Nam giai đoạn từ nay đến năm 2030 khoảng 4 - 5 triệu DWT, bình quân khoảng 0,7 - 0,8 triệu DWT/năm (bao gồm cả số lượng tàu đóng mới và thay thế đội tàu cũ).



- Việt Nam có hệ thống nhà máy trải dài đất nước - năng lực sản xuất đa dạng, đáp ứng nhu cầu trong nước và quốc tế (trong đó SBIC, PVN chiếm phần lớn). Tính đến hết năm 2024, Việt Nam có 88 doanh nghiệp đóng tàu biển, 411 cơ sở đóng phương tiện thủy nội địa, trong đó 120 doanh nghiệp đóng, sửa chữa tàu trên 1.000 tấn. Tổng năng lực đóng mới 3,5 triệu DWT (bao gồm liên doanh với Hyundai). Các sản phẩm có chất lượng cao, đa dạng (tàu công suất lớn, tàu chuyên dụng, tàu cao tốc, tàu công nghệ cao,...) đáp ứng nhu cầu trong nước và quốc tế, khẳng định vị thế của Việt Nam trên thị trường quốc tế. Đây là những năng lực mà ngành Công nghiệp tàu thủy Việt Nam cần tận dụng và phát huy hiệu quả, kịp thời nắm bắt cơ hội, phát huy lợi thế.
- Các doanh nghiệp Việt Nam vẫn luôn tích cực tham gia, hội nhập cùng thị trường quốc tế. Tuy nhiên, thị phần xuất khẩu có phần hạn chế do chưa có ngành công nghiệp hỗ trợ và chưa làm chủ được khâu thiết kế kỹ thuật, thiết kế công nghệ
- Ngành đóng tàu đã khẳng định sứ mệnh, tầm quan trọng trong sự phát triển kinh tế đất nước, đảm bảo an ninh quốc phòng cũng như tham gia sâu vào quá trình hội nhập, hợp tác quốc tế.

- Xu hướng chuyển dịch của ngành đóng tàu từ Châu Âu sang châu Á là cơ hội rất lớn cho Công nghiệp tàu thủy Việt Nam, để nắm bắt được cơ hội đó, chúng ta cần tận dụng và phát huy những lợi thế sẵn có: Ngành đóng tàu phát triển nhanh chóng; Vị trí chiến lược và chi phí lao động cạnh tranh; Chuyển giao công nghệ và đầu tư nước ngoài;...
- Việc xây dựng và phát triển kinh tế biển (trong đó có ngành đóng tàu) đã trở thành nhiệm vụ chiến lược trọng tâm hàng đầu của mỗi quốc gia có biển, đặc biệt với những quốc gia có lợi thế như Việt Nam. Chúng ta phải tiếp tục phấn đấu khai thác lợi thế, tiềm năng này để phát triển kinh tế quốc gia trong Kỷ nguyên mới - Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

Phân tích tính sử dụng cao nhất và tốt nhất

- Tài sản vẫn được tiếp tục hoạt động trong việc vận tải hàng hóa đường thủy

VII. ÁP DỤNG PHƯƠNG PHÁP THẨM ĐỊNH GIÁ

1. Xác định Giá trị còn lại của Tàu chở hàng rời TM HẢI HÀ 988. Số hiệu/Số IMO: 3WFZ9/9331751, trọng tải toàn phần 53532,9 tấn đóng năm 2012 đã qua sử dụng

1.1. Thông tin từ thị trường

TT	Chi tiêu so sánh	TSTSD	SS1	SS2	SS3
1	Nguồn thông tin		Theo báo cáo tuần của Nillimar	Theo báo cáo tuần của VOSAL	Theo báo cáo tuần của pioneershipbrokers
2	Tình trạng giao dịch		Đã giao dịch tuần 28/2025	Đã giao dịch tuần 26/2025	Đã giao dịch tuần 28/2025
3	Pháp lý		Đầy đủ	Đầy đủ	Đầy đủ
4	Thông số chi tiết	Tàu chở hàng rời: TM Hải Hà 988 Số hiệu/IMO: 3WFZ9/9331751 Năm, nơi đóng: 2012, Việt Nam Kích thước: 183,05 x 32,26 x 17,53 x 12,62 (m) (SMAx) Công suất máy: 9480 Kw Trọng tải toàn phần: 53532,9 tấn	Tàu chở hàng rời: Mindanao (Tên cũ: NORD ANGEL - 2018) Số hiệu/IMO: D5P19/9478963 Năm, nơi đóng: 2010, Nhật Bản Kích thước: 182 x 32,26 x 17,9 x 12,53 (m) (SMAx) Công suất máy: 9480 Kw Trọng tải toàn phần: 55696 tấn	Tàu chở hàng rời: JUNIPER (Tên cũ: SERENE JUNIPER - 2022) Số hiệu/IMO: C02397/9451238 Năm, nơi đóng: 2011, Trung Quốc Kích thước: 183,3 x 32,26 x 18,5 x 12,53 (m) (SMAx) Công suất máy: 9480 Kw Trọng tải toàn phần: 57185 tấn	Tàu chở hàng rời: API JAI (Tên cũ: Zhong Yuan 14 - 2011) Số hiệu/IMO: 3FY88/9491393 Năm, nơi đóng: 2011, Trung Quốc Kích thước: 183 x 32,31 x 18,5 x 12,53 (m) (SMAx) Công suất máy: 9480 Kw Trọng tải toàn phần: 56594 tấn
5	Năm đóng	2012	2010	2011	2011
6	Nơi đóng	Việt Nam	Mitsui Tamano, Nhật Bản	Đại Liên, Trung Quốc	Bắc Kinh, Trung Quốc
7	Tình trạng hoạt động	Đang không hoạt động thời gian dài	Đang hoạt động	Đang hoạt động	Đang hoạt động
8	DD/SS (Thời gian bảo dưỡng, kiểm tra định kỳ tiếp theo)	Tháng 07/2026 so với thời điểm TĐG 07/2025 (~12 tháng)	03/2028 và 01/2030 so với thời điểm mua tháng 07/2025 (~40 tháng/ ~64 tháng)	Tháng 02/2026 so với thời điểm mua tháng 06/2025 (~8 tháng)	Tháng 12/2025 so với thời điểm mua tháng 07/2025 (~5 tháng)
9	Kích thước cơ bản (LxBxDxd hoặc Lmax x Bmax)	183,05 x 32,26 x 17,53 x 12,62	182 x 32,26 x 17,9 x 12,53	183,3 x 32,26 x 18,5 x 12,53	183 x 32,31 x 18,5 x 12,53
10	Vật liệu	Thép	Thép	Thép	Thép
11	Số lượng/ công suất máy chính (KW)	01/ 9480 KW	01/ 9480 KW	01/ 9480 KW	01/ 9480 KW
12	Trọng tải toàn phần (tấn)	53532,9	55696	57185	56594
13	Ngoại quan tổng thể	Thân vỏ khá, gỉ sét, bị bong tróc/phai màu sơn. Tổng thể ngoại quan khá	Thân vỏ khá, gỉ sét, bị bong tróc/phai màu sơn. Tổng thể ngoại quan khá	Thân vỏ khá, gỉ sét, bị bong tróc/phai màu sơn. Tổng thể ngoại quan khá	Thân vỏ khá, gỉ sét, bị bong tróc/phai màu sơn. Tổng thể ngoại quan khá
14	Giá giao dịch ước tính (USD)		15.030.000	12.120.000	10.907.500

1.2. Bảng điều chỉnh dữ liệu so sánh

TT	Yếu tố so sánh	Đơn vị tính	Tài sản TĐG	Tài sản SS1	Tài sản SS2	Tài sản SS3
A	Đơn giá thị trường (đơn giá trước điều chỉnh)	USD		15.030.000	12.120.000	10.907.500
B	Đơn giá quy đổi về đơn vị so sánh chuẩn	USD		15.030.000	12.120.000	10.907.500
C	Điều chỉnh theo các yếu tố so sánh					
C1	Pháp lý		Đầy đủ	Đầy đủ	Đầy đủ	
	Tỷ lệ điều chỉnh	%		Tương đồng	Tương đồng	Tương đồng
	Mức điều chỉnh	USD		0%	0%	0%
C2	Giá sau điều chỉnh	USD		0	0	0
	Năm đóng		2012	2010	2011	2011
	Tỷ lệ điều chỉnh	%		Kém hơn BDS TĐ	Tương đồng	Tương đồng
C3	Mức điều chỉnh	USD		1%	0%	0%
	Giá sau điều chỉnh	USD		150.300	0	0
	Nơi đóng		Việt Nam	Mitsui Tamano, Nhật Bản	Đại Liên, Trung Quốc	Bắc Kinh, Trung Quốc
C4	Tỷ lệ điều chỉnh	%		Tốt hơn BDS TĐ	Tốt hơn BDS TĐ	Tốt hơn BDS TĐ
	Mức điều chỉnh	USD		-16%	-8%	-8%
	Giá sau điều chỉnh	USD		-2.404.800	-969.600	-872.600
C5	Tính trạng hoạt động	km	Đang không hoạt động thời gian dài	Đang hoạt động	Đang hoạt động	Đang hoạt động
	Tỷ lệ điều chỉnh	%		Tốt hơn BDS TĐ	Tốt hơn BDS TĐ	Tốt hơn BDS TĐ
	Mức điều chỉnh	USD		-15%	-15%	-15%
C6	Giá sau điều chỉnh	USD		-2.254.500	-1.818.000	-1.636.125
	DD/SS (Thời gian bảo dưỡng, kiểm tra định kỳ tiếp theo)		Tháng 07/2026 so với thời điểm TĐG 07/2025 (~12 tháng)	03/2028 và 01/2030 so với thời điểm mua tháng 07/2025 (~40 tháng/ ~64 tháng)	Tháng 02/2026 so với thời điểm mua tháng 06/2025 (~8 tháng)	Tháng 12/2025 so với thời điểm mua tháng 07/2025 (~5 tháng)
	Tỷ lệ điều chỉnh	%		Tốt hơn BDS TĐ	Kém hơn BDS TĐ	Kém hơn BDS TĐ
C7	Mức điều chỉnh	USD		-10%	1%	2%
	Giá sau điều chỉnh	USD		-1.503.000	121.200	218.150
	Kích thước cơ bản (LxBxDxd hoặc Lmax x Bmax)	USD		9.018.000	9.453.600	8.616.925
C8	Tỷ lệ điều chỉnh	%		182 x 32,26 x 17,9 x 12,53	183,3 x 32,26 x 18,5 x 12,53	183 x 32,31 x 18,5 x 12,53
	Mức điều chỉnh	USD		17,53 x 12,62		
	Giá sau điều chỉnh	USD				

TT	Yếu tố so sánh	Đơn vị tính	Tài sản TĐG	Tài sản SS1	Tài sản SS2	Tài sản SS3
C6	Mức điều chỉnh	USD		0	0	0
	Giá sau điều chỉnh	USD		9.018.000	9.453.600	8.616.925
	Vật liệu		Thép	Thép	Thép	Thép
	Tỷ lệ điều chỉnh	%		Tương đồng	Tương đồng	Tương đồng
C7	Mức điều chỉnh	USD		0%	0%	0%
	Giá sau điều chỉnh	USD		0	0	0
	Số lượng/ công suất máy chính (KW)		01/ 9480 KW	01/ 9480 KW	01/ 9480 KW	01/ 3480 KW
	Tỷ lệ điều chỉnh	%		Tương đồng	Tương đồng	Tương đồng
C8	Mức điều chỉnh	USD		0%	0%	0%
	Giá sau điều chỉnh	USD		0	0	0
	Trọng tài toàn phần (tấn)		53532,9	9.018.000	9.453.600	8.616.925
	Tỷ lệ điều chỉnh	%		55696	57185	56594
C9	Mức điều chỉnh	USD		Tương đồng	Tốt hơn BDS TĐ	Tốt hơn BDS TĐ
	Giá sau điều chỉnh	USD		0%	-1%	-1%
	Ngoại quan tổng thể		Thân vỏ khá, gi sét, bị bong tróc/phai màu sơn. Tổng thể ngoại quan khá	Thân vỏ khá, gi sét, bị bong tróc/phai màu sơn. Tổng thể ngoại quan khá	Thân vỏ khá, gi sét, bị bong tróc/phai màu sơn. Tổng thể ngoại quan khá	Thân vỏ khá, gi sét, bị bong tróc/phai màu sơn. Tổng thể ngoại quan khá
	Tỷ lệ điều chỉnh	%		Tương đồng	Tương đồng	Tương đồng
D	Mức điều chỉnh	USD		0%	0%	0%
	Giá sau điều chỉnh	USD		0	0	0
	Đơn giá chi dẫn			9.018.000	9.332.400	8.507.850
	Giá trị trung bình của đơn giá chỉ dẫn	USD		9.018.000	9.332.400	8.507.850
E	Mức độ chênh lệch với giá trị trung bình của các đơn giá chỉ dẫn	%			8.952.750	
	Tổng hợp các số liệu điều chỉnh tại mục C			0,73%	4,24%	-4,97%
	Tổng giá trị điều chỉnh gộp	USD		6.312.600	3.030.000	2.835.950
	Tổng số lần điều chỉnh	Lần		4	4	4
F	Biên độ điều chỉnh	%		(0%) - (16%)	(0%) - (15%)	(0%) - (15%)
	Tổng giá trị điều chỉnh thuần	USD		-6.012.000	-2.787.600	-2.399.650
	Xác định đơn giá cho tài sản thẩm định giá	USD			8.952.750	
G	Tỷ giá của ngân hàng nhà nước tại thời điểm 24/07/2025 (VND/USD)				26.374	
H	Xác định đơn giá cho tài sản thẩm	VND			236.119.828.500	

TT	Yếu tố so sánh	Đơn vị tính	Tài sản TĐG	Tài sản SS1	Tài sản SS2	Tài sản SS3
	định giá theo tỷ giá của ngân hàng nhà nước tại thời điểm 24/07/2025					

- Trong bảng điều chỉnh trên, CENValue thực hiện điều chỉnh yếu tố liên quan đến giao dịch của tài sản (tình trạng pháp lý) trước, điều chỉnh các yếu tố so sánh

về đặc điểm của tài sản sau theo đúng quy định về thứ tự điều chỉnh tại Chuẩn mực thẩm định giá Việt Nam về Cách tiếp cận từ thị trường;

- Về nguyên tắc không chế: Chênh lệch giữa đơn giá trung bình của các đơn giá chỉ dẫn không quá 15%;

- Về thống nhất mức giá chỉ dẫn: Thẩm định viên đánh giá chất lượng thông tin về các tài sản so sánh là tương đương nhau; đơn giá chỉ dẫn, tổng giá trị điều chỉnh gộp, tổng số lần điều chỉnh, biên độ điều chỉnh của các tài sản so sánh chênh lệch không đáng kể. Do đó, CENValue sử dụng đơn giá chỉ dẫn trung bình của 03 tài sản so sánh làm đơn giá của tài sản thẩm định giá;

- Về mức giá chỉ dẫn nội suy về giá trị của tài sản mục tiêu thẩm định giá là: **8.952.750 USD.**

- Tỷ giá ngoại hối USD/VND của Ngân hàng Vietcombank ngày 24/07/2025 là **26.374 VND/USD.**

=> Giá trị còn lại của Tàu chở hàng rời TM HẢI HÀ 988. Số hiệu/Số IMO: 3WFFZ9/9331751, trọng tải toàn phần 53532,9 tấn đóng năm 2012 đã qua sử dụng là 8.952.750 x 26.374 = 236.119.800.000 VND (Làm tròn)

VIII. THỜI HẠN CÓ HIỆU LỰC CỦA KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH GIÁ

- Kết quả thẩm định giá tài sản chỉ được sử dụng cho mục đích được ghi tại Chứng thư thẩm định giá và có hiệu lực trong thời gian 180 ngày kể từ ngày ký Chứng thư. Khách hàng phải chịu hoàn toàn trách nhiệm khi sử dụng sai mục đích đã ghi trên Chứng thư thẩm định giá.

IX. NHỮNG ĐIỀU KHOẢN LOẠI TRỪ VÀ HẠN CHẾ

- Kết quả thẩm định giá chỉ có hiệu lực khi và chỉ khi hợp đồng thẩm định giá số 010/2025/C07-0258/HĐTĐG có hiệu lực và các bên tham gia thực hiện hoàn thành các điều khoản trong hợp đồng theo luật định. Bao gồm: Ký kết hợp đồng kinh tế, thực hiện thanh lý và thanh toán hợp đồng v.v... Trường hợp, Khách Hàng không thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ thanh toán đã ghi trong Hợp đồng dịch vụ thẩm định giá thì mặc nhiên coi là Hợp đồng vô hiệu và Chứng thư Thẩm định giá này không còn giá trị pháp lý.
- Mức giá trên chỉ xác nhận cho tài sản có đặc điểm, hiện trạng kinh tế/kỹ thuật, chủng loại và số lượng như mô tả tại Báo cáo thẩm định giá đính kèm.
- CEN VALUE chỉ chịu trách nhiệm về giá trị của số lượng tài sản được thẩm định và số lượng Chứng thư (bản chính và bản sao y) do CENVALUE phát hành. Các Chứng thư sao không có xác nhận của CEN VALUE đều không có giá trị. Khách hàng và các bên liên quan chịu trách nhiệm về thông tin đã cung cấp cho CEN VALUE trong quá trình thẩm định giá.
- Khách hàng hay bên thứ ba là người yêu cầu thẩm định giá, cung cấp hồ sơ, tài liệu liên quan đến tài sản thẩm định và hướng dẫn thực hiện thẩm định thực tế hiện trạng tài sản phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về các đặc điểm kinh tế - kỹ thuật cũng như tính pháp lý của tài sản định giá mà khách hàng đã cung cấp;
- CEN VALUE không thẩm định tính sở hữu hợp pháp hay những thay đổi pháp lý trên giấy tờ gốc mà có thể hiện hoặc không thể hiện trên bản sao đã được cung cấp, và CEN VALUE giả định rằng tất cả giấy tờ pháp lý đã cung cấp là trung thực và chính xác;
- CEN VALUE không được khách hàng cung cấp bất kỳ hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp nào. Để phục vụ cho mục đích thẩm định giá, CEN VALUE giả định rằng tài sản thẩm định không bị tranh chấp, thế chấp và xung đột lợi ích;

X. CÁC PHỤ LỤC KÈM THEO

- Pháp lý tài sản thẩm định giá.
- Phụ lục hình ảnh hiện trạng tài sản thẩm định giá
- Biên bản khảo sát tài sản thẩm định giá.
- Báo cáo kết quả thẩm định giá được phát hành 03 bản chính bằng tiếng Việt kèm theo Chứng thư thẩm định giá số 010/2025/C07-0258 ngày 07 tháng 08 năm 2025 tại Công ty Cổ phần Thẩm định giá Thế Kỷ- Chi nhánh tại Hà Nội

XI. KẾT LUẬN

- Trên cơ sở phân tích những yếu tố có ảnh hưởng đến giá trị của tài sản thẩm định giá; Trên cơ sở theo dõi sự biến động của thị trường và kết quả khảo sát thực trạng của tài sản cần thẩm định giá. CEN VALUE kết luận giá trị tài sản tại thời điểm thẩm định giá như sau:

TT	DANH MỤC	Thông số	Đơn giá thẩm định (VND)
1	* Tên tàu:	TM Hải Hà 988	236.119.800.000
	Loại tàu	Tàu chở hàng rời	
	Chủ tàu:	Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Hải Hà	
	Địa chỉ:	Số 132, TDP số 6, thị trấn Diêm Điền, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, Việt Nam	
	Hồ hiệu/IMO	3WFZ9/9331751	
	Năm, nơi đóng/ hoàn cài	2012, Việt Nam	
	Kích thước cơ bản (LxBxDxd) (m):	183,05 x 32,26 x 17,53 x 12,62	
	Chiều dài thiết kế (m):	183,05	
	Chiều dài lớn nhất (m):	190	
	Chiều rộng thiết kế (m):	32,26	
	Chiều cao mạn (m):	17,53	
	Mớn nước/ Chiều chìm (m):	12,62	
	Tổng dung tích (GT):	32614	
	Số lượng máy chính:	1	
	Tổng Công suất (KW):	9480	
	Trọng tải toàn phần (tấn):	53532,9	
	Vật liệu:	Thép	

(Bảng chữ: Hai trăm ba mươi sáu tỷ, một trăm mười chín triệu, tám trăm nghìn đồng chẵn./.)

Mức giá trên là mức giá đã bao gồm thuế GTGT

- CÔNG TY CỔ PHẦN THẨM ĐỊNH GIÁ THẾ KỶ - CHI NHÁNH TẠI HÀ NỘI trả lời để NGÂN HÀNG TMCP BẢO VIỆT có cơ sở thực hiện các giao dịch của mình theo quy định của pháp luật hiện hành.

**CHUYÊN VIÊN
THẨM ĐỊNH GIÁ**

THẨM ĐỊNH VIÊN VỀ GIÁ
Số thẻ: XI16.1648
(Ký tên)

ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
Số thẻ: XII17.1775
(Ký tên, đóng dấu)

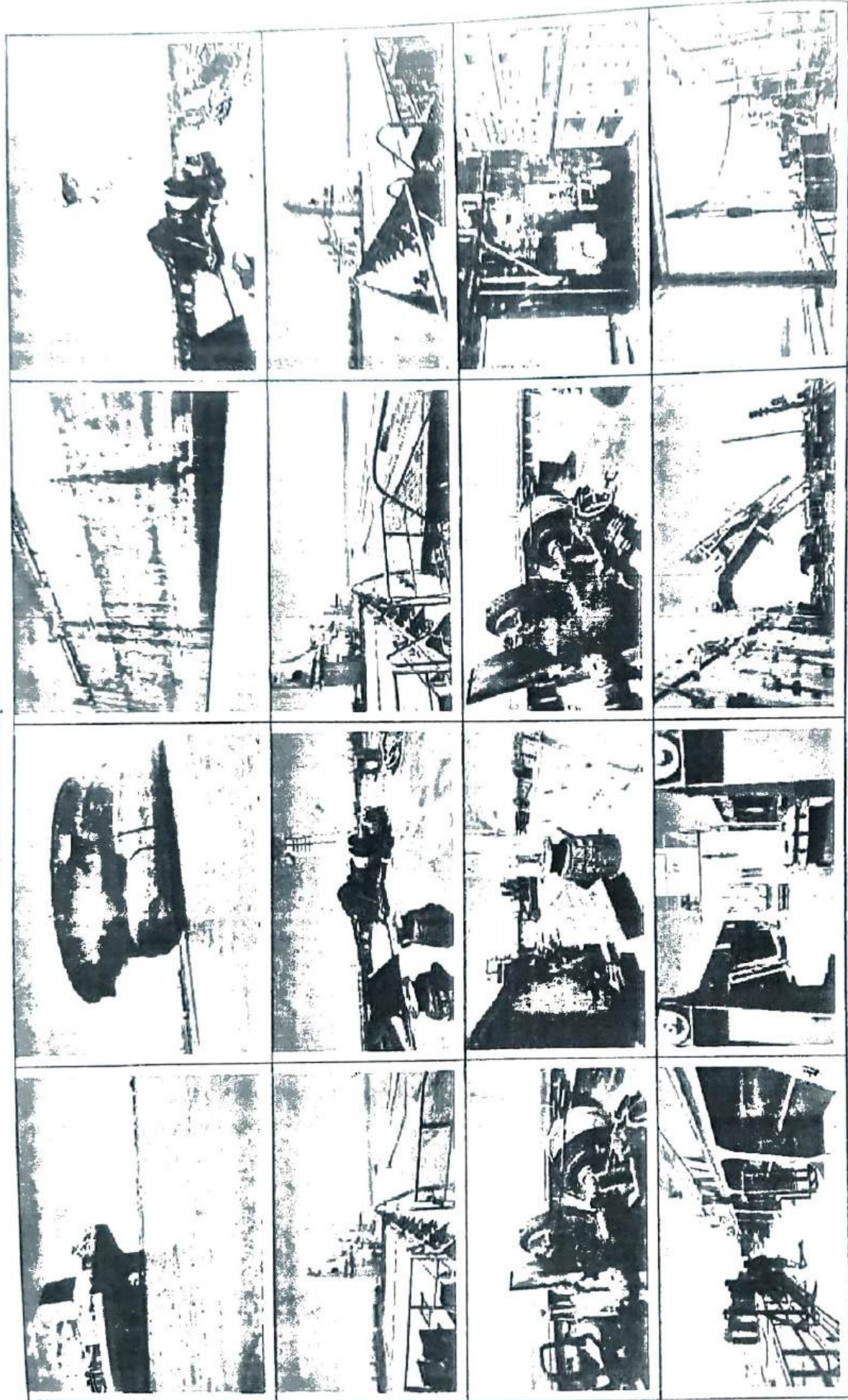
LÊ CÔNG TUẤN ANH

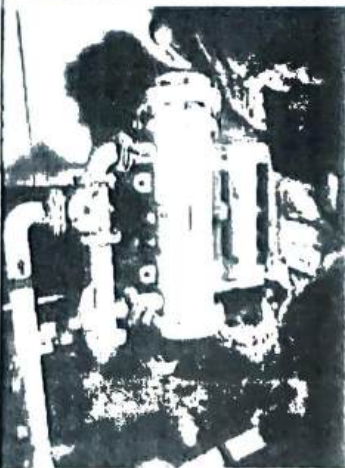
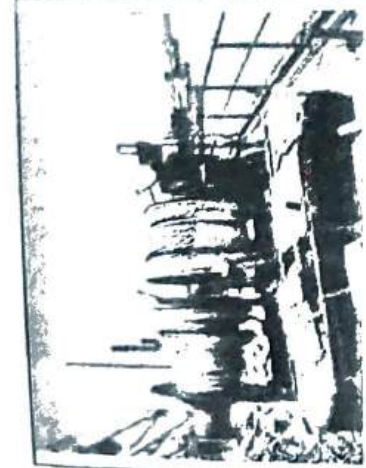
LƯU QUANG TÙNG



TRẦN TIẾN LẬP

HÌNH ẢNH THẨM ĐỊNH





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness



GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ
CERTIFICATE OF REGISTRY

Chi cục Hàng hải Việt Nam tại thành phố Hải Phòng chứng nhận: tàu biển có các thông số dưới đây đã được đăng ký vào Sổ đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam:

Branch of Viet Nam Maritime Administration in Hai Phong City hereby certify that ship with the following particulars has been registered into The Viet Nam national ships registration book:

Tên: **TM HẢI HÀ 988**

Name

Hồ hiệu/Số IMO: **3WFZ9/9331751**

Call sign/IMO number

Loại tàu: **M. Tàu chở hàng rời**

Type of ship: M. Bulk carrier

Chiều dài lớn nhất: **190.000 M**

Length over all:

Chiều rộng: **32.260 M**

Breadth

Mớn nước: **12.620 M**

Draft

Tổng công suất máy chính: **9480 KW**

M.E. power

Trọng tải toàn phần: **53532,2 MT**

Dead weight

Tổng dung tích: **32614 GT**

Gross tonnage

Dung tích thực dụng: **18062 MT**

Net tonnage

Năm đóng: **2012**

Year of building

Nơi đóng: **Việt Nam**

Place of building: Vietnam

Nơi đăng ký: **HẢI PHÒNG**

Place of registry

Tổ chức đăng kiểm: **VR + DMV**

Classification Agency: VR + DMV

NỘI DUNG ĐĂNG KÝ
CONTENT OF REGISTRATION

A. ĐĂNG KÝ MANG CỜ QUỐC TỊCH VIỆT NAM

Registration for being Vietnamese flagged ship

Tàu biển **TM HẢI HÀ 988** được phép treo cờ quốc tịch Việt Nam từ ngày **27/06/2012**

TM HAI HA 988 is sailing under Vietnamese flag from date 27th Jun 2012

B. ĐĂNG KÝ QUYỀN SỞ HỮU TÀU BIỂN

Registration for ownership

Tàu biển **TM HẢI HÀ 988** thuộc sở hữu của (tên, địa chỉ, tỷ lệ sở hữu): Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Hải Hà, địa chỉ: Số 132, tổ dân phố số 6, Thị trấn Diêm Điền, Huyện Thái Thụy, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

TM HAI HA 988 is owned by the (name, address, ratio of ownership): Hai Ha WaterWay Transport Company Limited, address: No 132, Group 6, Diem Dien Town, Thai Thuy District, Thai Binh Province, Vietnam

Số đăng ký: **IIP-BUL-001190-6**

Number of registration

Ngày đăng ký: **07/05/2021**

Date of registration

Cấp tại Hải Phòng, ngày 08 tháng 07 năm 2021

Issued at Hai Phong on date month year



CHI CỤC TRƯỞNG

Đoàn Tuấn Nguyên

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness



GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỊNH BIÊN AN TOÀN TỐI THIỂU TÀU BIỂN
MINIMUM SAFE MANNING CERTIFICATE

Cấp theo quy định của Quy tắc 14 Chương V SOLAS 74 và các sửa đổi
 Issued under the provisions of Regulation 14 of Chapter V of the SOLAS 74 as amended

Chi cục Hàng hải Việt Nam tại thành phố Hải Phòng chứng nhận (Branch of Vietnam Maritime Administration in Hai Phong City certifies):

Tên tàu (Ship's Name): **TM HẢI HÀ 988**

Hồ hiệu (Callsign): **3WFZ9**

Loại tàu (Type of Ship): **M.Bulk carrier**

Số IMO (IMO number): **9331751**

Tổng dung tích (Gross Tonnage): **32614 GT**

Nơi đăng ký (Place of Registry): **HẢI PHÒNG**

Vùng hoạt động: **Unrestricted Area of Navigation**
 (Trading Area)

Công suất máy chính: **9480 KW**
 (Main Propulsion Power)

Buồng máy không được trực ca thường xuyên (đúng/ không đúng): **Không đúng**
 Periodically unattended machinery space (yes/no): **No**

Doanh nghiệp quản lý, khai thác (Operating Company): **Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Hải Hà (Hai Ha WaterWay Transport Company Limited)**

Tàu biển có tên trong Giấy chứng nhận này được xem xét bố trí định biên an toàn, bất kể khi nào tàu hành trình ra biển đều phải bố trí không được ít hơn số lượng chức danh và trình độ chuyên môn được chỉ ra ở bảng dưới đây (The ship named in this Certificate is considered to be safely manned if, whenever she proceeds to sea, she carries not less than the number and grades/capacities of personnel specified in the table below)

Chức danh (Grade/Capacity)	GCNKNCM (STCW Reg.) Hạn chế (nếu có) Limitation applying (if any)	Số lượng (Number)	Chức danh (Grade/Capacity)	GCNKNCM (STCW Reg.) Hạn chế (nếu có) Limitation applying (if any)	Số lượng (Number)
Thuyền trưởng (Master)	II/2	01	Máy trưởng (Chief Engineer)	III/2	01
Đại phó (Chief Officer)	II/2	01	Máy hai (Second Engineer)	III/2	01
Sỹ quan boong (Deck Officer)	II/1	02	Sỹ quan máy (Engine Officer)	III/1	01
Thủy thủ trực ca AB (Able Seafarer Deck Rating)	II/5	01	Thợ máy trực ca AB (Able Seafarer Engine Rating)	III/5	02
Thủy thủ trực ca OS (Rating forming part of a navigational watch)	II/4	01	Thợ máy trực ca Oiler (Rating forming part of an engine-room watch)	III/4	01
Sỹ quan TTVT hoặc Sỹ quan boong có G.O.C (Radio Officer or Deck Officer holding G.O.C)		01			

Ghi chú (Remark): The deck officer holding G.O.C and replacing radio officer

Giấy chứng nhận này có giá trị theo Giấy chứng nhận Đăng ký tàu. Khi thông tin về doanh nghiệp quản lý, khai thác thay đổi, giấy chứng nhận này phải được cấp lại (This Certificate is subject to the validity of the Ship's Certificate of Registry. When information on management and operation company changes, this certificate must be re-issued)

Số: **TT03-651.HP/ĐKTB**
 No.

Cấp tại Hải Phòng, ngày 08/07/2021
 Issued at date



CHI CỤC TRƯỞNG

Đoàn Văn Ngưng



CỤC DĂNG KIỂM VIỆT NAM
VIETNAM REGISTER

BWM 1/3

GIẤY CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP QUẢN LÝ NƯỚC DÀN
CERTIFICATE OF COMPLIANCE FOR INTERNATIONAL
BALLAST WATER MANAGEMENT

Số: 00250/23TN-BWM
No:

Giấy chứng nhận này được CỤC DĂNG KIỂM VIỆT NAM cấp nhằm cung cấp thông tin cho các bên liên quan để thể hiện sự phù hợp với các điều khoản của Công ước quốc tế về kiểm soát và quản lý nước dằn và cặn lắng (sau đây được gọi là "Công ước").

This Certificate is issued by Vietnam Register for the information of interested parties to indicate compliance with the provisions of the International Convention for the Control and Management of Ship's Ballast Water and Sediments (hereinafter referred to as "the Convention").

Đặc điểm tàu
Particulars of Ship

Tên tàu Name of Ship	Số đăng ký hoặc ký hiệu Distinctive Number or Letters	Cảng đăng ký Port of Registry	Tổng dung tích Gross Tonnage	Số IMO IMO Number
TMS HAI ILA 988	3WFZ9	Hải Phòng	32614	10109331751

Ngày đóng tàu: 30 July 2008
Date of construction:

Thể tích nước dằn: 31840,6 m³
Ballast Water Capacity:

Chi tiết Phương pháp quản lý nước dằn được sử dụng:
Details of Ballast Water Management Method(s) used:

Phương pháp quản lý nước dằn được sử dụng: Filter + UV
Method of Ballast Water Management used:

Ngày trang bị (nếu có): 06 July 2021
Date installed (if applicable):

Nhà chế tạo (nếu có): Shanghai Lee's Fuda Electromechanical Technology Co., Ltd
Name of manufacturer (if applicable):

Phương pháp quản lý nước dằn của tàu:
The principal Ballast Water Management method(s) employed on this ship is/are:

☐ Phù hợp với quy định D-1
In accordance with regulation D-1

☒ Phù hợp với quy định D-2
In accordance with regulation D-2

Mô tả: Filter + UV
Description:

☐ Phù hợp với quy định D-4
In accordance with regulation D-4

CHỨNG NHẬN RẰNG:
THIS IS TO CERTIFY:

- Tàu đã được kiểm tra phù hợp với Quy định E-1 của Phụ lục Công ước; và
That the ship has been surveyed in accordance with Regulation E-1 of the Annex to the Convention; and
- Dự kiến kiểm tra cho thấy việc quản lý nước dằn của tàu phù hợp với Phụ lục của Công ước.
That the survey shows that Ballast Water Management on the ship complies with the Annex to the Convention.

01/2023

Certificate No. 00250/23TN-BWM

06 July 2021

Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến:

This Certificate is valid until

với điều kiện tàu phải kiểm tra phù hợp theo Quy định E-1 của Phụ lục Công ước,
subject to surveys in accordance with Regulation E-1 of the Annex to the Convention.

06 July 2021

Ngày hoàn thành kiểm tra lần cơ sở cấp Giấy chứng nhận này:
Completion date of the survey on which this certificate is basedCấp tại:
Issued at

Thái Bình

Ngày:
Date

21 July 2023

CỤC DĂNG KIỂM VIỆT NAM
VIETNAM REGISTER

This document is signed electronically in
accordance with IMO FAL.5/Circ.39/Rev.2.
Validation and authentication can be
obtained from <http://xmi.vr.org.vn/c-cert> by
using ID: 123660 and the Unique Tracking
Number (UTN): 00250/23TN-BWM

Trần Thế Anh
Phó Giám đốc
Chi cục đăng kiểm số 11
Cục Đăng kiểm Việt Nam
Hạ Giảo thông vận tải



NĂM KIỂM TRA HÀNG NĂM VÀ KIỂM TRA TRUNG GIẠN
ANNUAL AND INTERMEDIATE SURVEYS

Chúng tôi nhận rằng kết quả kiểm tra theo Quy định E-5.8.3 của Phụ lục Công ước, tàu đã đáp ứng các yêu cầu tương ứng của Công ước.
This is to certify that, as a survey required by Regulation E-5.8.3 of the Annex to the Convention, the ship was found to comply with the relevant requirements of the Convention.

Kiểm tra hàng năm - Annual survey

Nơi kiểm tra: Quảng Ninh
Place:
Ngày: 30/06/2022
Date:

CỤC DĂNG KIỂM VIỆT NAM (VR)



Confirmed carried out

Kiểm tra hàng năm/trung gian* - Annual/intermediate* survey

Nơi kiểm tra: Thái Bình
Place:
Ngày: 21/07/2023
Date:

CỤC DĂNG KIỂM VIỆT NAM (VR)



Confirmed carried out

Kiểm tra hàng năm/trung gian* - Annual/intermediate* survey

Nơi kiểm tra:
Place:
Ngày:
Date:

CỤC DĂNG KIỂM VIỆT NAM (VR)

Kiểm tra hàng năm - Annual survey

Nơi kiểm tra:
Place:
Ngày:
Date:

CỤC DĂNG KIỂM VIỆT NAM (VR)

KIỂM TRA HÀNG NĂM/ TRUNG GIẠN THEO QUY ĐỊNH E-5.8.3
ANNUAL/ INTERMEDIATE SURVEY IN ACCORDANCE WITH REGULATION E-5.8.3

Chúng tôi nhận rằng kết quả kiểm tra hàng năm/ trung gian* theo Quy định E-5.8.3 của Phụ lục Công ước, tàu này đã thỏa mãn các yêu cầu tương ứng của Công ước.
This is to certify that, as an annual/ intermediate* survey in accordance with Regulation E-5.8.3 of the Annex to the Convention, the ship was found to comply with the relevant provisions of the Convention.

CỤC DĂNG KIỂM VIỆT NAM (VR)

Nơi kiểm tra:
Place:
Ngày:
Date:

* Ghi bỏ nội dung không thích hợp.
Delete as appropriate.

9/1/2023

Scanned with
CamScanner

CỤC ĐĂNG KIỆM VIỆT NAM
VIETNAM REGISTERCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAMSố
No. 00250/23TN-TNGIẤY CHỨNG NHẬN DUNG TÍCH QUỐC TẾ (1969)
INTERNATIONAL TONNAGE CERTIFICATE (1969)

Thực ủy quyền của Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Cục Đăng kiểm Việt Nam cấp theo các điều khoản của Công ước quốc tế về đo dung tích tàu biển, 1969.
Issued by the Vietnam Register under the provisions of the International Convention on Tonnage Measurement of Ships, 1969 under the authority of the Government of the Socialist Republic of Vietnam.

Tên tàu Name of Ship	Số đăng ký hoặc hồ hiệu Distinctive Number or Letters	Cảng đăng ký Port of Registry	Ngày đặt sống chính (*) Date (*)
TM HAI HA SSS	3WFZ9	Hải Phòng	30/07/2008

- (*) Ngày đặt sống chính hoặc ngày tàu ở giai đoạn đóng mới tương đương [Điều 2(6)] hoặc ngày tàu được hoán cải hay sửa đổi đặc tính cơ bản [Điều 3(2)(b)].
(*) Date on which the keel was laid or the ship was at a similar stage of construction [Article 2(6)] or date on which the ship underwent alterations or modifications of a major character [Article 3(2)(b)] as appropriate.

CÁC KÍCH THƯỚC CHÍNH - MAIN DIMENSIONS

Chiều dài [Điều 2(8)] Length [Article 2(8)] (m)	Chiều rộng [Quy định 2(3)] Breadth [Regulation 2(3)] (m)	Chiều cao mạn đến boong cao nhất tại giữa tàu [Quy định 2(2)] Moulded Depth amidships to Upper Deck [Regulation 2(2)] (m)
163.440	32.260	17.530

DUNG TÍCH CỦA TÀU LÀ - THE TONNAGES OF THE SHIP ARE

TỔNG DUNG TÍCH:
GROSS TONNAGE

32614

DUNG TÍCH CÓ ÍCH:
NET TONNAGE

18062

Xác nhận rằng dung tích của tàu đã được xác định phù hợp với các điều khoản của Công ước quốc tế về đo dung tích tàu biển, 1969.

This is to certify that the tonnages of this ship have been determined in accordance with the provisions of the International Convention on Tonnage Measurement of the Ships, 1969

Cấp tại:
Issued

Thái Bình

Ngày:
Date

21 July 2023

Người ký tên dưới đây đã được sự ủy quyền của Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam để cấp giấy chứng nhận này.
The undersigned declares that he is duly authorized by the said Government to issue this Certificate.

CỤC ĐĂNG KIỆM VIỆT NAM
VIETNAM REGISTER

This document is signed electronically in accordance with IMO FAL.5/Circ.39/Rev.2. Validation and authentication can be obtained from <http://xm.vr.org.vn/e-cert> by using ID: 123660 and the Unique Tracking Number (UTN): 00250/23TN-TN

Trần Thế Anh
Phó Giám đốc
Chỉ cục đăng kiểm số 11
Cục Đăng kiểm Việt Nam
Bộ Giao thông vận tải



CÁC KHÔNG GIAN TÍNH VÀO DUNG TÍCH - SPACES INCLUDED IN TONNAGE

TỔNG DUNG TÍCH - GROSS TONNAGE

Tên không gian - Name of Space	Vị trí - Location	C, chiều dài - Length (m)
Underdeck	A-E-F-E	189.85
File space	Fr.213 - F.E	15.88
1st Tier (incl. engine casing)	Fr.6 - Fr.34	22.40
2nd Tier (incl. engine casing)	Fr.6 - Fr.34	22.40
3rd Tier (incl. engine casing)	Fr.6 - Fr.34	22.40
4th Tier	Fr.19 - Fr.34	12.00
5th Tier	Fr.19 - Fr.34	12.00
6th Tier	Fr.19 - Fr.34	12.00
HPU room and deck store	On upper deck	
Crane Post (4 sets)	On upper deck	6.40
Funnel	Fr.6- Fr.14	19.20
No.01 CH hatch coaming	Fr.185- Fr.209	21.60
No.02 CH hatch coaming	Fr.149- Fr.176	21.60
No.03 CH hatch coaming	Fr.113- Fr.140	21.60
No.04 CH hatch coaming	Fr.77- Fr.104	21.60
No.05 CH hatch coaming	Fr.41- Fr.68	19.60
No.01 CH hatch cover	Fr.185-200 - Fr.209+200	22.00
No.02 CH hatch cover	Fr.149-200 - Fr.176+200	22.00
No.03 CH hatch cover	Fr.113-200 - Fr.140+200	22.00
No.04 CH hatch cover	Fr.77-200 - Fr.104+200	22.00
No.05 CH hatch cover	Fr.41-200 - Fr.68+200	22.00

DUNG TÍCH CỒ ICH - NET TONNAGE		
Tên không gian - Name of Space	Vị trí - Location	Chiều dài - Length (m)
No.01 CH hatch coaming	Fr.185- Fr.209	19.20
No.02 CH hatch coaming	Fr.149- Fr.176	21.60
No.03 CH hatch coaming	Fr.113- Fr.140	21.60
No.04 CH hatch coaming	Fr.77- Fr.104	21.60
No.05 CH hatch coaming	Fr.41- Fr.68	21.60
No.01 Cargo hold	Fr.180- Fr.219	31.20
No.02 Cargo hold	Fr.144- Fr.181	29.60
No.03 Cargo hold	Fr.108- Fr.145	29.60
No.04 Cargo hold	Fr.72- Fr.109	29.60
No.05 Cargo hold	Fr.34- Fr.73	31.20

CÁC KHÔNG GIAN KHẤU TRỪ [QUY ĐỊNH 2(5)] EXCLUDED SPACES [Regulation 2(5)]	SỐ HÀNH KHÁCH [QUY ĐỊNH 4(1)] NUMBER OF PASSENGERS [Regulation 4(1)]
NIL	Số hành khách trong các buồng không quá 8 giường: NIL Number of passengers in cabins with not more than 08 berths Số hành khách còn lại: NIL Number of other passengers
	CHIỀU CHÌM LÝ THUYẾT [QUY ĐỊNH 4(2)] MOULDED DRAUGHT [Regulation 4(2)] (m) 12.620
Phải ghi thêm dấu (*) vào những không gian liệt kê ở trên nếu chúng vừa là không gian kín và vừa là không gian khẩu trừ. An asterisk (*) should be added to those spaces listed above which comprise both enclosed and excluded spaces.	
Ngày và địa điểm đo dung tích lần đầu: Date and place of original measurement	04/05/2012, HA NOI, VIETNAM
Ngày và địa điểm đo dung tích lần gần nhất: Date and place of last previous remeasurement	



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

GIẤY CHỨNG NHẬN DUNG TÍCH QUỐC TẾ (1969) INTERNATIONAL TONNAGE CERTIFICATE (1969)

Theo ủy quyền của Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Cục Đăng kiểm Việt Nam cấp theo các điều khoản của Công ước quốc tế về đo dung tích tàu biển, 1969.

Issued by the Vietnam Register under the provisions of the International Convention on Tonnage Measurement of Ships, 1969 under the authority of the Government of the Socialist Republic of Vietnam.

Tên tàu Name of Ship	Số đăng ký hoặc hồ hiệu Distinctive Number or Letters	Cảng đăng ký Port of Registry	Ngày đặt sống chính (*) Date (*)
TM HAI HA 988	3WFZ9	Hai Phong	30/07/2008

(*) Ngày đặt sống chính hoặc ngày tàu ở giai đoạn đóng mới tương đương [Điều 2(6)] hoặc ngày tàu được hoàn cải hay sửa đổi đặc tính cơ bản [Điều 3(2)(b)].

(*) Date on which the keel was laid or the ship was at a similar stage of construction [Article 2(6)] or date on which the ship underwent alterations or modifications of a major character [Article 3(2)(b)] as appropriate.

CÁC KÍCH THƯỚC CHÍNH - MAIN DIMENSIONS

Chiều dài [Điều 2(8)] Length [Article 2(8)] (m)	Chiều rộng [Quy định 2(3)] Breadth [Regulation 2(3)] (m)	Chiều cao mạn đến boong cao nhất tại giữa tàu [Quy định 2(2)] Moulded Depth amidships to Upper Deck [Regulation 2(2)] (m)
183.440	32.260	17.530

DUNG TÍCH CỦA TÀU LÀ - THE TONNAGES OF THE SHIP ARE

TỔNG DUNG TÍCH:
GROSS TONNAGE

32614

DUNG TÍCH CÓ ÍCH:
NET TONNAGE

18062

Xác nhận rằng dung tích của tàu đã được xác định phù hợp với các điều khoản của Công ước quốc tế về đo dung tích tàu biển, 1969.

This is to certify that the tonnages of this ship have been determined in accordance with the provisions of the International Convention on Tonnage Measurement of the Ships, 1969

Cấp tại:
Issued

Thái Bình

Ngày:
Date

21 July 2023

Người ký tên dưới đây đã được sự ủy quyền của Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam để cấp giấy chứng nhận này.

The undersigned declares that he is duly authorized by the said Government to issue this Certificate.

CỤC ĐĂNG KIỆM VIỆT NAM
VIETNAM REGISTER

This document is signed electronically in accordance with IMO FAL.5/Circ.39/Rev.2. Validation and authentication can be obtained from <http://xm.vr.org.vn/e-cert> by using ID: 123660 and the Unique Tracking Number (UTN): 00250/23TN-TN

Trần Thế Anh
Phó Giám đốc
Chi cục đăng kiểm số 11
Cục Đăng kiểm Việt Nam
Bộ Giao thông vận tải



CÁC KHÔNG GIAN TÍNH VÀO DUNG TÍCH - SPACES INCLUDED IN TONNAGE		
TỔNG DUNG TÍCH - GROSS TONNAGE		
Tên không gian - Name of Space	Vị trí - Location	Chiều dài - Length (m)
Underdeck	A.E-F.E	189.85
File space	Fr.213- F.E	15.68
1st Tier (incl. engine casing)	Fr.6 - Fr.34	22.40
2nd Tier (incl. engine casing)	Fr.6 - Fr.34	22.40
3rd Tier (incl. engine casing)	Fr.6 - Fr.34	22.40
4th Tier	Fr.19 - Fr.34	12.00
5th Tier	Fr.19 - Fr.34	12.00
6th Tier	Fr.19 - Fr.34	12.00
HPU room and deck store	On upper deck	
Crane Post (4 sets)	On upper deck	
Funnel	Fr.6- Fr.14	6.40
No.01 CH hatch coaming	Fr.185- Fr.209	19.20
No.02 CH hatch coaming	Fr.149- Fr.176	21.60
No.03 CH hatch coaming	Fr.113- Fr.140	21.60
No.04 CH hatch coaming	Fr.77- Fr.104	21.60
No.05 CH hatch coaming	Fr.41- Fr.68	21.60
No.01 CH hatch cover	Fr.185-200 - Fr.209+200	19.60
No.02 CH hatch cover	Fr.149-200 - Fr.176+200	22.00
No.03 CH hatch cover	Fr.113-200 - Fr.140+200	22.00
No.04 CH hatch cover	Fr.77-200 - Fr.104+200	22.00
No.05 CH hatch cover	Fr.41-200 - Fr.68+200	22.00

DUNG TÍCH CỐ ÍCH - NET TONNAGE		
Tên không gian - Name of Space	Vị trí - Location	Chiều dài - Length (m)
No.01 CH hatch coaming	Fr.185- Fr.209	19.20
No.02 CH hatch coaming	Fr.149- Fr.176	21.60
No.03 CH hatch coaming	Fr.113- Fr.140	21.60
No.04 CH hatch coaming	Fr.77- Fr.104	21.60
No.05 CH hatch coaming	Fr.41- Fr.68	21.60
No.01 Cargo hold	Fr.180- Fr.219	31.20
No.02 Cargo hold	Fr.144- Fr.181	29.60
No.03 Cargo hold	Fr.108- Fr.145	29.60
No.04 Cargo hold	Fr.72- Fr.109	29.60
No.05 Cargo hold	Fr.34- Fr.73	31.20



CÁC KHÔNG GIAN KHẨU TRỪ [QUY ĐỊNH 2(5)] EXCLUDED SPACES [Regulation 2(5)]	SỐ HÀNH KHÁCH [QUY ĐỊNH 4(1)] NUMBER OF PASSENGERS [Regulation 4(1)]
NIL	Số hành khách trong các buồng không quá 8 giường: NIL Number of passengers in cabins with not more than 08 berths Số hành khách còn lại: NIL Number of other passengers
	CHIỀU CHÌM LÝ THUYẾT [QUY ĐỊNH 4(2)] MOULDED DRAUGHT [Regulation 4(2)] (m) 12.620
Phải ghi thêm dấu (*) vào những không gian liệt kê ở trên nếu chúng vừa là không gian kín và vừa là không gian khẩu trừ. An asterisk (*) should be added to those spaces listed above which comprise both enclosed and excluded spaces.	
Ngày và địa điểm đo dung tích lần đầu: Date and place of original measurement	04/05/2012, HA NOI, VIETNAM
Ngày và địa điểm đo dung tích lần gần nhất: Date and place of last previous remeasurement	

CỤC DĂNG KIỂM VIỆT NAM
VIETNAM REGISTER

GIẤY CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP QUẢN LÝ NƯỚC DÀN
CERTIFICATE OF COMPLIANCE FOR INTERNATIONAL
BALLAST WATER MANAGEMENT

Giấy chứng nhận này được CỤC DĂNG KIỂM VIỆT NAM cấp nhằm cung cấp thông tin cho các bên liên quan để thể hiện sự phù hợp với các điều khoản của Công ước quốc tế về kiểm soát và quản lý nước dằn và cặn lắng (sau đây được gọi là "Công ước").

This Certificate is issued by Vietnam Register for the information of interested parties to indicate compliance with the provisions of the International Convention for the Control and Management of Ship's Ballast Water and Sediments (hereinafter referred to as "the Convention").

Đặc điểm tàu
Particulars of Ship

Tên tàu Name of Ship	Số đăng ký hoặc hủ hiệu Distinctive Number or Letters	Cảng đăng ký Port of Registry	Tổng dung tích Gross Tonnage	Số IMO IMO Number
TM ILAI ILA 988	3WFZ9	Hai Phong	32614	IMO9331751

Ngày đóng tàu:
Date of construction:

30 July 2008

Thể tích nước dằn:
Ballast Water Capacity:

31840.6

m³

Chi tiết Phương pháp quản lý nước dằn được sử dụng:
Details of Ballast Water Management Method(s) used:

Phương pháp quản lý nước dằn được sử dụng:
Method of Ballast Water Management used:

Filter + UV

Ngày trang bị (nếu có):
Date installed (if applicable):

06 July 2021

Nhà chế tạo (nếu có):
Name of manufacturer (if applicable):

Shanghai Lee's Fuda Electromechanical Technology Co., Ltd

Phương pháp quản lý nước dằn của tàu:
The principal Ballast Water Management method(s) employed on this ship is/are:

☐ Phù hợp với quy định D-1
In accordance with regulation D-1

☒ Phù hợp với quy định D-2
In accordance with regulation D-2

Mô tả: Filter + UV
Description:

☐ Phù hợp với quy định D-4
In accordance with regulation D-4

CHỨNG NIỆN RẰNG:
THIS IS TO CERTIFY:

- Tàu đã được kiểm tra phù hợp với Quy định E-1 của Phụ lục Công ước; và
That the ship has been surveyed in accordance with Regulation E-1 of the Annex to the Convention; and
- Đợt kiểm tra cho thấy việc quản lý nước dằn của tàu phù hợp với Phụ lục của Công ước.
That the survey shows that Ballast Water Management on the ship complies with the Annex to the Convention.

01/2023

Certificate No. 00250/23TN-BWM

Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến:

06 July 2026

This Certificate is valid until

với điều kiện tàu phải kiểm tra phù hợp theo Quy định E-1 của Phụ lục Công ước.
subject to surveys in accordance with Regulation E-1 of the Annex to the Convention.

06 July 2021

Ngày hoàn thành kiểm tra làm cơ sở cấp Giấy chứng nhận này:

Completion date of the survey on which this certificate is based

Cấp tại:
Issued at

Thái Bình

Ngày:
Date

21 July 2023

CỤC ĐĂNG KIỆM VIỆT NAM
VIETNAM REGISTER

This document is signed electronically in
accordance with IMO FAL.5/Circ.39/Rev.2.
Validation and authentication can be
obtained from <http://xm.vr.org.vn/e-cert> by
using ID: 123660 and the Unique Tracking
Number (UTN): 00250/23TN-BWM

Trần Thế Anh
Phó Giám đốc
Chi cục đăng kịch số 11
Cục Đăng kịch Việt Nam
Bộ Giao thông vận tải



XÁC NHẬN KIỂM TRA HÀNG NĂM VÀ KIỂM TRA TRUNG GIẠN
ENDORSEMENT FOR ANNUAL AND INTERMEDIATE SURVEYS

Chứng nhận rằng, căn cứ kết quả kiểm tra theo Quy định E-1 của Phụ lục Công ước, tàu đã thỏa mãn các yêu cầu tương ứng của Công ước.
 This is to certify that, at a survey required by Regulation E-1 of the Annex to the Convention, the ship was found to comply with the relevant requirements of the Convention.

Kiểm tra hàng năm - Annual survey

Nơi kiểm tra: Quảng Ninh
 Place:
 Ngày: 30/06/2022
 Date:

CỤC DĂNG KIỂM VIỆT NAM (VR)



Confirmed carried out

Kiểm tra hàng năm/trung gian* - Annual/intermediate* survey

Nơi kiểm tra: Thái Bình
 Place:
 Ngày: 21/07/2023
 Date:

CỤC DĂNG KIỂM VIỆT NAM (VR)



Confirmed carried out

Kiểm tra hàng năm/trung gian* - Annual/intermediate* survey

Nơi kiểm tra:
 Place:
 Ngày:
 Date:

CỤC DĂNG KIỂM VIỆT NAM (VR)

Kiểm tra hàng năm - Annual survey

Nơi kiểm tra:
 Place:
 Ngày:
 Date:

CỤC DĂNG KIỂM VIỆT NAM (VR)



KIỂM TRA HÀNG NĂM/ TRUNG GIẠN THEO QUY ĐỊNH E-5.8.3
ANNUAL/ INTERMEDIATE SURVEY IN ACCORDANCE WITH REGULATION E-5.8.3

Chứng nhận rằng theo kết quả kiểm tra hàng năm/ trung gian* theo Quy định E-5.8.3 của Phụ lục Công ước, tàu này đã thỏa mãn các yêu cầu tương ứng của Công ước.
 This is to certify that, at an annual/ intermediate* survey in accordance with Regulation E-5.8.3 of the Annex to the Convention, the ship was found to comply with the relevant provisions of the Convention.

Nơi kiểm tra:
 Place:
 Ngày:
 Date:

CỤC DĂNG KIỂM VIỆT NAM (VR)

* Gạch bỏ nội dung không thích hợp.
 Delete as appropriate.

PHÂN DÀNH CHO NGÂN HÀNG

Mã KH (CIF):

HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG

(Cho vay theo hạn mức đối với Khách hàng Pháp nhân)

Số Hợp đồng: 0066-2022-HĐTD1-BVB007

Ngày ký: 09/11/2022

Nơi ký:

1. NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẢO VIỆT- HỘI SỞ CHÍNH

(Với tư cách là Bên cho vay)

Địa chỉ trụ sở: Tầng 1 và Tầng 5, Tòa nhà Corner Stone, Số 16, đường Phan Chu Trinh, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ thông tin, liên lạc: Trung tâm kinh doanh - Tầng 1 và Tầng 5, Tòa nhà Corner Stone, Số 16, đường Phan Chu Trinh, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mã số doanh nghiệp: 0103126572 do Phòng Đăng ký kinh doanh số 01 Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 24 tháng 12 năm 2008; đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 19 tháng 08 năm 2021

Điện thoại: 024.39 288989

Fax: 024.3928.8899

Người đại diện: Ông Lê Quang Huy

Chức vụ: Giám đốc Trung tâm kinh doanh

Theo văn bản ủy quyền: Theo Quyết định số 4539/2020/QĐ-TGD ngày 07/09/2020 về việc Ủy quyền ký hợp đồng, giao dịch với Khách hàng và các bên liên quan, các giấy tờ/tài liệu liên quan đến hoạt động ngân hàng tại các Đơn vị kinh doanh do ông Cao Nam Giang - Quyền Tổng Giám đốc BAOVIET Bank ký

Sau đây gọi là Ngân hàng

Và

2. CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẠN TÀI NGỌC MAI

(Với tư cách là Bên vay)

Địa chỉ trụ sở: Số nhà 128, tổ dân phố số 6, Thị trấn Diêm Điền, Huyện Thái Thụy, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

Địa chỉ thông tin, liên lạc: Số nhà 128, tổ dân phố số 6, Thị trấn Diêm Điền, Huyện Thái Thụy, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

Mã số doanh nghiệp: 2900904322 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp, đăng ký lần đầu ngày 11/07/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 03/11/2020

Điện thoại: 0972416622

Fax:

Người đại diện: Ông Nguyễn Đình Hưng

Chức vụ: Giám đốc

Mẫu 02/2022/HĐTDHMPN-PC-BVB

Theo văn bản ủy quyền Biên bản họp Hội đồng quản trị số 01/2022/BB-HĐQT ngày 18/10/2022 của Công ty Cổ phần sản xuất thương mại dịch vụ Vận tải Ngọc Mai

Sau đây gọi là Khách hàng

Hai bên thỏa thuận ký Hợp đồng tín dụng (Sau đây gọi là Hợp đồng) với các điều khoản, điều kiện sau đây

ĐIỀU 1. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

Trong Hợp đồng này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. **Hạn mức cho vay:** là mức dư nợ cho vay tối đa mà Ngân hàng xác định và thỏa thuận với Khách hàng (Sau đây gọi là hạn mức).
2. **Thời hạn duy trì hạn mức:** là khoảng thời gian Khách hàng được rút vốn đảm bảo tổng dư nợ cho vay tối đa không vượt quá hạn mức.
3. **Thời hạn cho vay:** là khoảng thời gian tính từ ngày tiếp theo ngày Ngân hàng giải ngân vốn vay cho Khách hàng cho đến hết ngày Khách hàng trả hết nợ vay cho Ngân hàng theo thỏa thuận tại từng Khế ước nhận nợ.
4. **Kỳ hạn trả nợ:** là khoảng thời gian trong thời hạn cho vay mà tại cuối mỗi khoảng thời gian đó Khách hàng phải trả một phần hoặc toàn bộ nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay cho Ngân hàng.
5. **Cơ cấu lại thời hạn trả nợ:** là việc Ngân hàng chấp thuận điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ theo đề nghị của Khách hàng:
 - a) **Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ:** là việc Ngân hàng chấp thuận kéo dài thêm một khoảng thời gian trả nợ một phần hoặc toàn bộ nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay của kỳ hạn trả nợ đã thỏa thuận với Khách hàng (bao gồm cả việc không thay đổi về số kỳ hạn trả nợ đã thỏa thuận), thời hạn cho vay không thay đổi.
 - b) **Gia hạn nợ:** là việc Ngân hàng chấp thuận kéo dài thêm một khoảng thời gian trả nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay, vượt quá thời hạn cho vay đã thỏa thuận.
6. **Số ngày thực tế kỳ tính lãi:** là số ngày trong khoảng thời gian kể từ ngày giải ngân hoặc từ ngày tính lãi trước đó đến ngày Khách hàng thực thanh toán được nợ lãi bao gồm cả thời gian điều chỉnh kỳ hạn trả nợ.
7. **Số ngày chậm trả gốc:** được tính từ ngày đến hạn phải trả gốc theo thỏa thuận mà Khách hàng không trả đúng hạn đến hết ngày Khách hàng trả hết phần nợ gốc bị quá hạn.
8. **Số ngày chậm trả lãi:** được tính từ ngày đến hạn trả lãi cho đến hết ngày Khách hàng trả hết phần lãi chậm trả.
9. **Ngày làm việc:** là bất kỳ ngày nào trừ (i) ngày nghỉ, ngày lễ, tết của Việt Nam, và (ii) bất kỳ ngày nào mà vào ngày đó các Ngân hàng tại Việt Nam được phép không giao dịch theo quy định của các Cơ quan Nhà Nước có thẩm quyền.
10. **Một năm:** là 365 ngày.
11. **Các Bên:** được hiểu là cả Ngân hàng và Khách hàng trong Hợp Đồng này.
12. **Mỗi Bên:** được hiểu là từng bên Ngân hàng hoặc Khách hàng.

ĐIỀU 2. HẠN MỨC CHO VAY

1. **Hạn mức cho vay:**

Theo Hợp đồng này Ngân hàng đồng ý duy trì cho Khách hàng một khoản tín dụng cho vay với hạn mức là:

Bằng số : 300.000.000.000 VND

(Bằng chữ: Ba trăm tỷ Việt Nam đồng./.)

(Giới hạn này đã bao gồm: Toàn bộ dư nợ vay, L/C, bảo lãnh theo Hợp đồng tín dụng nguyên tắc số 0065-2021-HĐTD1-BV8007 ngày 19/10/2021 và Hợp đồng tín dụng số 0066-2021-HĐTD1-BV8007 ngày 19/10/2021).

2. Thời hạn duy trì hạn mức: 12 hàng kể từ ngày ký Hợp đồng tín dụng
3. Thời hạn cho vay: tối đa không quá 04 tháng được thỏa thuận tại Khế ước nhận nợ.
4. Kỳ trả nợ gốc và lãi: Lãi trả hàng tháng. Gốc trả cuối kỳ hoặc trong kỳ.
5. Hình thức rút vốn: Chuyển khoản cho nhà cung cấp.
6. Mục đích sử dụng vốn: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh xăng dầu của khách hàng (ngoại trừ nhu cầu giải ngân mua xăng A92).
7. Phương thức cho vay: Cho vay theo hạn mức tín dụng.

ĐIỀU 3. LÃI SUẤT CHO VAY VÀ PHÍ

1. **Lãi suất cho vay:**
 - a) Lãi suất cho vay: quy định tại Khế ước nhận nợ
 - b) Thời hạn điều chỉnh lãi suất: định kỳ 03 tháng/lần.
 - c) Ngày điều chỉnh lãi suất: quy định tại Khế ước nhận nợ
 - d) Điều chỉnh lãi suất: Lãi suất của kỳ tiếp theo: Bằng lãi suất cơ sở kỳ hạn 6 tháng VND cộng biên độ 3.8%/năm
 - e) Lãi suất áp dụng với dư nợ gốc bị quá hạn: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn (Lãi suất quá hạn).
 - f) Lãi suất áp dụng đối với lãi tiền vay chậm trả (Lãi suất chậm trả lãi): 10%/năm.
2. **Phương thức tính lãi:**
 - a) Lãi tiền vay được tính trên cơ sở dư nợ gốc thực tế và thời gian vay thực tế, kể cả thời gian gia hạn nợ vay, điều chỉnh kỳ hạn trả nợ theo quy định của Hợp đồng này, trừ khi hai Bên có thỏa thuận khác bằng văn bản, theo công thức:

$$\text{Lãi tiền vay} = (\text{Dư nợ vay thực tế} \times \text{Lãi suất cho vay}/365 \text{ ngày}) \times \text{số ngày thực tế kỳ tính lãi.}$$
 - b) Lãi quá hạn được tính trên cơ sở dư nợ gốc bị quá hạn thực tế và thời gian chậm trả gốc, theo công thức:

$$\text{Lãi quá hạn} = (\text{Dư nợ gốc bị quá hạn} \times \text{Lãi suất quá hạn}/365 \text{ ngày}) \times \text{số ngày chậm trả gốc.}$$
 - c) Lãi chậm trả lãi được tính trên cơ sở số dư nợ lãi tiền vay chậm trả và thời gian chậm trả lãi, theo công thức:

$$\text{Lãi chậm trả lãi} = (\text{Dư lãi tiền vay chậm trả} \times \text{Lãi suất chậm trả lãi}/365 \text{ ngày}) \times \text{số ngày chậm trả lãi.}$$
3. **Phí:**
 - a) Phí trả nợ trước hạn: Mức phí theo biểu phí của Ngân hàng tại thời điểm thanh toán
 - b) Phí cam kết rút vốn: Mức phí theo biểu phí của Ngân hàng tại thời điểm thanh toán
 - c) Các phí khác: Theo quy định của Ngân hàng từng thời kỳ phù hợp với quy định của Pháp luật.

ĐIỀU 4. ĐIỀU KIỆN RÚT VỐN/GIẢI NGÂN

1. Trong thời hạn duy trì hạn mức, Ngân hàng chỉ thực hiện nghĩa vụ giải ngân khi Khách hàng đáp ứng các điều kiện sau:
 - a) Khách hàng có đề nghị giải ngân và gửi kèm theo các tài liệu chứng minh mục đích sử dụng vốn vay hợp pháp phù hợp với nội dung ghi trong Hợp đồng này;

[Chữ ký]

[Chữ ký] 3

- b) Khách hàng đã thực hiện các nghĩa vụ pháp luật đầy đủ, nhất là nghĩa vụ (nếu có) và đáp ứng các điều kiện khác theo yêu cầu của Ngân hàng
- c) Khách hàng không vi phạm các quy định về việc hành vi điều kiện, văn bản hoặc thay đổi nội dung (nếu có) của Ngân hàng là có ảnh hưởng bất lợi đáng kể tới việc kinh doanh, tính minh bạch chính tài sản và các tài sản đảm bảo, khả năng thanh toán, khả năng thực hiện Hợp đồng và các điều kiện khác theo quy định này.

d) Các điều kiện khác

1) Phát hành trước khi gửi ngân phát hành bảo lãnh

Các cơ đồng góp vốn cam kết và điều kiện và không hủy ngang về việc sẽ dùng toàn bộ tài sản cá nhân để trả nợ thay khách hàng trong trường hợp Khách hàng không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tín dụng với Ngân hàng theo quy định tại Hợp đồng tín dụng

- Không cấp tín dụng đối với các phương án kinh doanh liên quan đến các đối tác mà khách hàng/Ban lãnh đạo của Khách hàng có mối quan hệ sở hữu/góp vốn/điều hành kiểm soát (ngoại trừ Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Hải Hà) Công ty này bao gồm nhưng không giới hạn: Các Chi nhánh trực thuộc Công ty (Nếu có), Công ty TNHH VTTB Long Hải, Công ty TNHH VTB Tùng Linh, Công ty Vận Tải Biển Trung Huy

- Đối với trường hợp giải ngân để thanh toán cho Công ty TNHH vận tải thủy bộ Hải Hà, chỉ giải ngân sau khi hàng hóa đã được bàn giao và hóa đơn VAT;

- Tỷ lệ tài trợ Ngân hàng tài trợ tối đa 70% giá trị VAT đầu vào/giá trị hợp đồng cụ thể. Vốn tự có của Khách hàng đi trước hoặc song song cùng vốn vay.

- Khách hàng cam kết:

- + Chuyển toàn bộ dòng tiền từ phương án kinh doanh được Ngân hàng tài trợ tín dụng và đạt tối thiểu 120% doanh số giải ngân lũy kế (bao gồm vay vốn, phát hành bảo lãnh) về tài khoản của Khách hàng tại Ngân hàng.

- + Định kỳ hàng quý theo năm tài chính, Ngân hàng kiểm tra đánh giá tình hình thực hiện của khách hàng. Trường hợp giải ngân phát sinh lần đầu vào tháng thứ 3 của Quý đánh giá đầu tiên, Ngân hàng sẽ thực hiện đánh giá từ Quý tiếp theo.

- + Trường hợp Khách hàng vi phạm 02 quý liên tiếp, Ngân hàng có quyền chủ động tăng lãi suất cho vay tối thiểu 01%/năm so với lãi suất đang áp dụng đối với toàn bộ dư nợ hiện tại và các khoản giải ngân mới cho đến khi Khách hàng thực hiện đúng cam kết.

- Chỉ giải ngân để thanh toán tiền hàng hóa đối với các Hợp đồng đầu vào ký kết với các thương nhân đầu mối theo Danh sách công bố của Bộ công thương theo từng thời kỳ và các thương nhân phân phối theo quy định của pháp luật.

- Theo từng lần giải ngân, khách hàng cung cấp các hồ sơ chứng minh mục đích sử dụng vốn, kế hoạch bán hàng của các lô hàng do Ngân hàng tài trợ, thể hiện cụ thể các nội dung bao gồm nhưng không hạn chế: Khối lượng, thời gian hàng về, đưa hàng về kho chưa, kế hoạch bán hàng, đối tượng dự kiến bán và doanh thu dự kiến.

- Ngân hàng thực hiện kiểm soát tại mọi thời điểm giới hạn tín dụng của Khách hàng và Nhóm khách hàng liên quan tuân theo quy định của Pháp luật và Ngân hàng.

- Khách hàng chịu trách nhiệm về tính xác thực, hợp lý, hợp pháp và đầy đủ, thống nhất của các hồ sơ, tài liệu cung cấp cho Ngân hàng.

- Trước từng lần giải ngân, Ngân hàng đảm bảo thời hạn của khế ước nhận nợ không vượt quá thời hạn hiệu lực của Giấy phép/Giấy chứng nhận/Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh xăng dầu và hiệu lực của các Hợp đồng mua bán/Hợp đồng đại lý/Hợp đồng tổng đại lý/Hợp đồng chuyển nhượng. Ngân hàng thực hiện dừng giải ngân khi các Giấy phép/Hợp đồng trên hết hiệu lực cho đến khi Khách hàng cung

[Signature]

việc chứng tỏ tài năng hay thể thể hiện hiệu lực gia hạn hiệu lực của các văn bản này

Thành quả tính hiệu quả khả thi khả năng tài trợ cho Ngân hàng theo từng phương án của tín dụng (tư vấn, bảo lãnh) đảm bảo Khách hàng và các bên liên quan (nếu có) đều năng lực thực hiện nghĩa vụ, điều kiện quy định tại Hợp đồng kinh tế, thỏa thuận liên quan đến phương án kinh doanh tuân thủ theo quy định của Pháp luật và Ngân hàng

➤ Điều kiện sau giải ngân

Khách hàng cam kết:

- + Khách hàng chủ động cập nhật kịp thời các thông tin thay đổi cho Ngân hàng về (i) Pháp lý Khách hàng; các cổ đông góp vốn; Ban lãnh đạo của Khách hàng (ii) Các thay đổi pháp lý liên quan đến hoạt động kinh doanh xăng dầu, các quyết định (nếu có) của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hoạt động kinh doanh xăng dầu của Khách hàng.
- + Định kỳ cung cấp: (i) Báo cáo tài chính bán niên và hàng năm trong vòng 90 ngày kể từ ngày kết thúc quý/năm tài chính; (ii) Tờ khai VAT định kỳ hàng tháng trong vòng 25 ngày đầu tiên của tháng kế tiếp. Cung cấp BCTC kiểm toán trong vòng 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
- + Ngân hàng được quyền trích nợ từ tài khoản của Khách hàng tại Ngân hàng để thanh toán các nghĩa vụ tín dụng nếu khách hàng phát sinh nợ nhóm 3 tại bất kỳ TCTD nào (Căn cứ CIC tại thời điểm đánh giá).
- + Hoạt động kinh doanh xăng dầu tuân thủ theo Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/09/2014 của Chính phủ và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
- + Không phân chia lợi nhuận sau thuế chưa phân phối khi tất toán nghĩa vụ tín dụng tại Ngân hàng.
- + Khách hàng chủ động cung cấp cho Ngân hàng các chứng từ nộp thuế/miễn giảm thuế của Công ty Hải Hà (phát sinh sau ngày 24/10/2022). Sau 06 tháng kể từ ngày phê duyệt tín dụng, Ngân hàng lập báo cáo đánh giá tình hình thực hiện các điều kiện phê duyệt/cam kết của Khách hàng (đánh giá chi tiết về việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán thuế của Công ty Hải Hà theo Công văn 2410/CV-HH ngày 24/10/2022), đề xuất các biện pháp quản lý và xem xét quyết định về việc tiếp tục sử dụng hạn mức tín dụng của khách hàng.
- + Ngân hàng thực hiện đánh giá tình hình thực hiện điều kiện dòng tiền của khách hàng định kỳ hàng quý. Trong vòng 10 (mười) ngày đầu tiên của quý kế tiếp, Ngân hàng đánh giá tình hình thực hiện của khách hàng trong quý trước đó. Nếu khách hàng vi phạm Ngân hàng thực hiện chế tài tăng lãi suất.
- + Khách hàng cung cấp các hồ sơ, tài liệu pháp lý cập nhật mới nhất liên quan đến tư cách chủ thể của Khách hàng và Người đại diện (theo pháp luật hoặc ủy quyền), hồ sơ pháp lý liên quan đến ngành nghề kinh doanh xăng dầu của Khách hàng trong suốt thời gian quan hệ tín dụng tại Ngân hàng.

Khách hàng thực hiện đúng các cam kết, đảm bảo tuân thủ các điều kiện

2. Khi giải ngân bất kỳ số tiền cho vay nào, các bên phải lập Khế ước nhận nợ. Căn cứ các Khế ước nhận nợ, Ngân hàng thực hiện hạch toán nợ vay theo quy định.

ĐIỀU 5. THANH TOÁN GỐC, LÃI, PHÍ VÀ CÁC CHI PHÍ KHÁC

1. Khách hàng có nghĩa vụ thanh toán hết nợ (gốc, lãi, phí và các chi phí khác) cho Ngân hàng theo thỏa thuận tại Hợp đồng này và các Phụ lục kèm theo (nếu có).
2. **Thanh toán gốc:**
 - a) Khách hàng thanh toán gốc như sau: Gốc trả cuối kỳ hoặc trong kỳ
 - b) Ngày thanh toán gốc cuối cùng của mỗi khoản nợ vay là ngày đáo hạn của khoản vay.

3. **Thanh toán lãi**
- a) Khách hàng thanh toán lãi (lãi tiền vay, lãi quá hạn, lãi chậm trả lãi) như sau: Lãi trả vào ngày ... hàng tháng. Ngày trả lãi đầu tiên là ngày .../.../2022.
- b) Ngày thanh toán lãi cuối cùng của mỗi khoản nợ vay là ngày đáo hạn của khoản vay.
4. **Thanh toán phí và các chi phí khác:** Khách hàng đồng ý thanh toán các khoản phí và chi phí khác liên quan tới việc vay vốn phù hợp với thỏa thuận của các Bên trong Hợp đồng này và các Phụ lục kèm theo (nếu có).
5. **Đồng tiền trả nợ:** VND
6. **Thứ tự thu nợ được các bên thống nhất như sau:**
- a) Đối với khoản vay trong hạn, Ngân hàng thu nợ theo thứ tự: Phí (nếu có), lãi tiền vay, gốc đến hạn, chi phí khác liên quan (nếu có).
- b) Đối với khoản vay bị quá hạn trả nợ gốc, Ngân hàng thu nợ theo thứ tự nợ gốc thu trước, nợ lãi tiền vay thu sau theo thứ tự: (i) lãi phạt do chậm trả lãi; (ii) lãi quá hạn; (iii) lãi trong hạn chậm trả, các loại phí (nếu có).
7. Trường hợp ngày trả nợ gốc, lãi vay, các phí và chi phí khác (nếu có) trùng với ngày không làm việc của Ngân hàng thì Khách hàng có thể trả nợ vào ngày làm việc kế tiếp.
8. **Trả nợ trước hạn:** Khách hàng có quyền thanh toán một phần hoặc toàn bộ dư nợ của các Khế ước nhận nợ trước hạn với điều kiện:
- a) Trường hợp thanh toán một phần dư nợ của Khế ước nhận nợ: Khách hàng sẽ thanh toán gốc trước hạn và thanh toán lãi khi đến kì thu nợ lãi;
- b) Trường hợp thanh toán toàn bộ dư nợ của Khế ước nhận nợ: Khách hàng phải thanh toán gốc, lãi;
- c) Trả phí trả nợ trước hạn theo thỏa thuận tại Hợp đồng này.

ĐIỀU 6. BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM

Nghĩa vụ trả nợ gốc, thanh toán lãi, phí và các nghĩa vụ tài chính khác của Khách hàng phát sinh bởi Hợp đồng này được bảo đảm và/hoặc dự kiến được bảo đảm bởi các tài sản:

- Tài sản bảo đảm 01: 01 Tàu biển có tên là TM HAI HA 988; Hồ hiệu/Số IMO: 3WFZ9/9331751 thuộc sở hữu của Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Hải Hà.
- Tài sản bảo đảm 02: Hàng tồn kho (Xăng không chì RON 95 -III, dầu DO 0,05S) luân chuyển thuộc sở hữu của Khách hàng (Kho, bể chứa đi thuê). Ngân hàng chỉ nhận thế chấp hàng hóa đã hình thành.
- Khách hàng thực hiện mua bảo hiểm cho các tài sản theo quy định của Ngân hàng.
- Khách hàng bổ sung tài sản bảo đảm hoặc giảm dư nợ tương ứng nếu giá trị định giá lại không đảm bảo hệ số tín dụng đã phê duyệt.

Biện pháp quản lý tài sản bảo đảm:

- Đối với tài sản là Tàu biển TM HAI HA 988:
 - + Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Hải Hà (sau đây gọi là Công ty Hải Hà) cung cấp Biên bản họp và Nghị quyết của Hội đồng thành viên Công ty thông qua việc chấp thuận dùng tài sản bảo đảm là Tàu TM HAI HA 988 để thế chấp, đảm bảo cho các nghĩa vụ tín dụng của Khách hàng tại Ngân hàng và cử/ủy quyền người ký kết các văn bản giao dịch với Ngân hàng. Ngân hàng kiểm soát điều kiện này để bảo đảm việc giao dịch của Khách hàng với Ngân hàng phù hợp theo điều lệ của Khách hàng và pháp luật.
 - + Tài sản thế chấp bao gồm tàu biển và toàn bộ vật phụ, trang thiết bị kèm theo; Phần giá trị đầu tư tăng thêm của tàu biển cũng thuộc tài sản thế chấp. Trang thiết bị kèm theo tàu biển bao gồm nhưng không giới hạn là máy móc, trang thiết

- bị phục vụ an toàn kỹ thuật hàng hải, an ninh hàng hải, điều kiện lao động hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường.
- + Hoàn thiện thủ tục thế chấp và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của Pháp luật và Ngân hàng. Ngân hàng giữ bản sao giấy chứng nhận đăng ký có chứng nhận của cơ quan công chứng, chủ phương tiện giữ bản chính giấy chứng nhận đăng ký để lưu hành phương tiện. Nhập kho đầy đủ hồ sơ tài sản bảo đảm theo quy định.
 - + Công ty Hải Hà (với tư cách chủ tàu và bên thế chấp) và Khách hàng (với tư cách bên vay) cam kết:
 - Cung cấp các hồ sơ cập nhật tình trạng hoạt động, tình hình khai thác và kế hoạch khai thác tàu tối thiểu định kỳ hàng quý theo năm tài chính hoặc ngay khi có yêu cầu của Ngân hàng. Chủ tàu đồng thời cam kết không tiến hành khai thác tàu tại các vùng biển nhạy cảm có tranh chấp chính trị, vùng biển nguy hiểm có thể phát sinh rủi ro tới tình trạng pháp lý tàu, tàu bị bắt giữ, tàu bị đắm,...
 - Đối với các Hợp đồng ký kết kể từ thời điểm ngày 01/11/2022, toàn bộ các hợp đồng/phụ lục Hợp đồng đầu ra và/hoặc văn bản thỏa thuận v/v khai thác tàu TM HAI HA 988 quy định số tài khoản thụ hưởng của Công ty Hải Hà là tài khoản thanh toán duy nhất mở tại Ngân hàng. Ngân hàng lập báo cáo đánh giá điều kiện này hàng quý, trường hợp Công ty Hải Hà/Khách hàng vi phạm, tăng lãi suất cho vay tối thiểu 0,5%/năm đối với toàn bộ dư nợ của Khách hàng cho đến khi khắc phục vi phạm. Lưu hồ sơ tín dụng.
 - + Ngân hàng chỉ giải chấp tài sản là Tàu TM HAI HA 988 khi Khách hàng tất toán toàn bộ nghĩa vụ tín dụng tại Ngân hàng.
 - Đối với tài sản là Hàng tồn kho (Xăng không chì RON 95 –III, dầu DO 0,05S luân chuyển thuộc sở hữu của Khách hàng (Kho, bể chứa đi thuê):
 - + Khách hàng cam kết không thế chấp tài sản bảo đảm là hàng hóa xăng dầu đang thế chấp tại Ngân hàng cho Tổ chức tín dụng khác và không thế chấp Tài sản bảo đảm là hàng hóa xăng dầu đang thế chấp tại Tổ chức tín dụng khác cho Ngân hàng.
 - + Ngân hàng chỉ nhận hàng hóa là xăng dầu thuộc sở hữu của Khách hàng, căn cứ theo Hợp đồng mua bán/Đơn đặt hàng, các chứng từ thanh toán, Hóa đơn, Biên bản bàn giao hàng hóa, Biên bản đối chiếu công nợ, Phiếu xăng hoặc Hợp đồng thuê kho có mô tả rõ hàng hóa thuộc sở hữu của khách hàng đang được gửi trong kho và các chứng từ tương đương khác.
 - + Hàng hóa thế chấp cho Ngân hàng được để trong bồn chứa riêng biệt, có thể dễ chung với hàng hóa thuộc sở hữu của khách hàng chưa thế chấp tại bất kỳ tổ chức tín dụng nào, đạt tiêu chuẩn kho chứa xăng dầu theo quy định của pháp luật.
 - + Kho hàng (Bên cho thuê kho và trông giữ sau đây gọi tắt là Bên trông giữ) thỏa mãn đồng thời các Điều kiện sau:
 - Kho phải thuộc sở hữu của Bên trông giữ hoặc kho mà đơn vị này có cổ phần chi phối (sở hữu trên 50% cổ phần);
 - Hợp đồng thuê kho giữa Khách hàng và Bên trông giữ phải còn hiệu lực ít nhất 06 tháng tính đến thời điểm đề xuất cấp tín dụng.

Và các tài sản bảo đảm khác thuộc sở hữu của Khách hàng hoặc Bên thứ ba được các bên thỏa thuận để bảo đảm cho toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của Khách hàng tại Ngân hàng.

Nội dung chi tiết về bảo đảm tiền vay theo các Hợp đồng bảo đảm được xác lập trước, cùng hoặc sau thời điểm ký kết Hợp đồng này.

ĐIỀU 7. CƠ CẤU LẠI THỜI HẠN TRẢ NỢ, CHUYỂN NỢ QUÁ HẠN

1. Cơ cấu lại thời hạn trả nợ

a) **Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ:**

- (i) Trong trường hợp Khách hàng nhận thấy không có khả năng trả nợ đúng kỳ hạn nợ gốc và/hoặc lãi vốn vay trong phạm vi thời hạn thỏa thuận của Hợp đồng này và mong muốn được điều chỉnh kỳ hạn trả nợ thì trước khi đến hạn của kỳ trả nợ gốc và/hoặc lãi ít nhất 10 (mười) ngày làm việc Khách hàng phải gửi tới Ngân hàng: văn bản đề nghị điều chỉnh kỳ hạn trả nợ (Trong đó giải thích rõ lý do xin điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, nội dung đề nghị điều chỉnh kỳ hạn trả nợ), tài liệu chứng minh, có kèm theo phương án trả nợ;
- (ii) Ngân hàng xem xét, đánh giá khả năng trả nợ, nguồn trả nợ của Khách hàng và các yếu tố khác Ngân hàng cho là cần thiết, Ngân hàng có thể chấp thuận hoặc không chấp thuận việc điều chỉnh kỳ hạn trả nợ. Ngân hàng sẽ thông báo cho Khách hàng bằng văn bản về việc chấp thuận hay không chấp thuận điều chỉnh kỳ hạn trả nợ. Hai bên sẽ thực hiện ký Phụ lục Hợp đồng này sau khi Ngân hàng chấp thuận điều chỉnh kỳ hạn trả nợ;
- (iii) Việc điều chỉnh kỳ hạn trả nợ không làm thay đổi thời hạn cho vay được thỏa thuận tại Hợp đồng này.

b) **Gia hạn nợ:**

- (i) Trong trường hợp Khách hàng nhận thấy không có khả năng trả hết nợ gốc và/hoặc lãi vay đúng thời hạn và mong muốn được gia hạn nợ thì trước khi đến hạn ít nhất 10 (mười) ngày làm việc, Khách hàng phải gửi tới Ngân hàng: văn bản đề nghị gia hạn nợ (trong đó giải thích rõ lý do xin gia hạn nợ, nội dung đề nghị gia hạn) và các tài liệu chứng minh, có kèm theo phương án trả nợ;
- (ii) Ngân hàng xem xét, đánh giá khả năng trả nợ, nguồn trả nợ của Khách hàng và các yếu tố khác Ngân hàng cho là cần thiết, Ngân hàng có thể chấp thuận hoặc không chấp thuận việc gia hạn nợ. Ngân hàng sẽ thông báo cho Khách hàng bằng văn bản về việc chấp thuận hay không chấp thuận gia hạn nợ. Hai bên sẽ thực hiện ký Phụ lục Hợp đồng này sau khi Ngân hàng chấp thuận gia hạn nợ.
- c) Nếu được chấp nhận gia hạn nợ, điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, Khách hàng phải chịu lãi suất cho vay mới trên toàn bộ dư nợ gốc còn lại. Mức cụ thể do các bên thỏa thuận tại Phụ lục Hợp đồng.

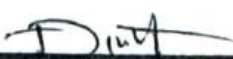
2. Chuyển nợ quá hạn:

- a) Ngân hàng chuyển nợ quá hạn đối với khoản nợ mà Khách hàng không trả đầy đủ, đúng hạn theo thỏa thuận tại Hợp đồng này và các khoản nợ khi Ngân hàng quyết định thu hồi nợ trước hạn.
- b) Thời điểm chuyển nợ quá hạn, áp dụng Lãi suất quá hạn và lãi suất chậm trả lãi
- (i) Thời điểm chuyển nợ quá hạn là: Ngày đến hạn của kỳ hạn hoặc thời hạn thanh toán nợ theo Khế ước nhận nợ; hoặc ngày Khách hàng phải thanh toán khi được yêu cầu trả nợ trước hạn của Ngân hàng, hoặc ngày đến hạn của khoản vay được gia hạn nợ hoặc điều chỉnh kỳ hạn trả nợ mà Khách hàng không thực hiện thanh toán được đầy đủ theo thỏa thuận tại Hợp đồng này;
- (ii) Khách hàng phải trả Lãi quá hạn theo Lãi suất quá hạn cho các khoản nợ gốc bị chuyển sang nợ quá hạn kể từ thời điểm bị chuyển nợ quá hạn cho đến khi Khách hàng thanh toán đầy đủ các khoản nợ gốc;
- (iii) Khách hàng phải trả lãi chậm trả lãi theo lãi suất chậm trả lãi cho các khoản nợ lãi chậm trả cho đến khi thanh toán đủ khoản lãi chậm trả.
- c) Ngân hàng thông báo về việc chuyển nợ quá hạn cho Khách hàng.

ĐIỀU 8. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NGÂN HÀNG

1. Ngân hàng có Quyền:

- a) Từ chối giải ngân khoản vay nếu Khách hàng không đáp ứng được các điều kiện giải ngân được thỏa thuận tại Hợp đồng này;



- b) Được quyền kiểm tra, theo dõi, giám sát quá trình vay vốn, sử dụng vốn vay và trả nợ của Khách hàng, cũng như tình hình tài sản bảo đảm của khoản vay theo Hợp đồng này.
 - c) Khi khoản vay của Khách hàng đến hạn trả nợ, Khách hàng đồng ý vô điều kiện, không hủy ngang việc Ngân hàng được quyền tự động trích tài khoản tiền gửi của Khách hàng tại Ngân hàng hoặc tại bất kỳ Chi nhánh nào của Ngân hàng hoặc các tổ chức tín dụng khác để thu hồi nợ gốc, lãi vay và các khoản đến hạn thuộc trách nhiệm thanh toán của Khách hàng theo Hợp đồng này.
 - d) Được quyền thu hồi nợ trước hạn khi có các sự kiện được thỏa thuận tại Hợp đồng này.
 - e) Có quyền khiếu nại, khởi kiện Khách hàng ra Tòa án có thẩm quyền để yêu cầu Khách hàng thực hiện đúng các thỏa thuận trong Hợp đồng này, thanh toán các khoản đến hạn và/hoặc bồi thường mọi thiệt hại phát sinh nếu Khách hàng vi phạm Hợp đồng này và/hoặc các thỏa thuận, cam kết có liên quan.
 - f) Được cung cấp các thông tin liên quan đến Hợp đồng tín dụng và các văn bản kèm theo cho Cơ quan nhà nước, Cơ quan có thẩm quyền khác có liên quan theo quy định của Ngân hàng và Pháp luật.
 - g) Được toàn quyền chuyển giao hoặc chuyển nhượng cho Bên thứ ba (gọi tắt là Bên nhận chuyển nhượng) thực hiện toàn bộ hoặc một phần các quyền, quyền lợi và nghĩa vụ của Ngân hàng theo quy định trong bản Hợp đồng này và các Hợp đồng, các phụ lục, bổ sung, sửa đổi kèm theo, bao gồm cả các quyền đòi nợ gốc, lãi, phí, phạt, bồi thường thiệt hại, các chi phí khác (nếu có) mà không cần sự chấp thuận của Khách hàng;
 - h) Được quyền yêu cầu Khách hàng trả tiếp số nợ còn thiếu nếu số tiền thu được từ việc xử lý các tài sản bảo đảm không đủ để trả nợ gốc, lãi, phí, phạt và các khoản bồi thường thiệt hại (nếu có);
 - i) Được kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất tình hình sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, dòng tiền, khả năng trả nợ của Khách hàng trong trường hợp cơ cấu lại thời hạn trả nợ. Ngân hàng có quyền điều chỉnh lại lịch trả nợ đã cơ cấu theo hướng tăng số tiền trả nợ vào các kỳ hạn trả nợ đến hạn sớm nhất và/hoặc rút ngắn thời hạn trả nợ nếu đánh giá hoạt động kinh doanh của Khách hàng tốt hơn. Trong trường hợp Khách hàng không phối hợp để đánh giá lại tình hình sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính hoặc không chấp thuận điều chỉnh lại lịch trả nợ đã cơ cấu, Ngân hàng có quyền dừng giải ngân, thu hồi nợ trước hạn;
 - j) Yêu cầu Khách hàng chịu phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại theo quy định của Ngân hàng nhà nước và Pháp luật có liên quan đối với trường hợp Khách hàng không thực hiện đúng các nội dung đã thỏa thuận trong Hợp đồng này, trừ trường hợp Khách hàng vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay;
 - k) Các quyền khác theo Hợp đồng này, các văn bản, cam kết liên quan, quy định của Ngân hàng và quy định của Pháp luật.
- 2. Ngân hàng có Nghĩa vụ:**
- a) Giải ngân cho Khách hàng số tiền cho vay khi Khách hàng đáp ứng đầy đủ các điều kiện giải ngân theo thỏa thuận tại Hợp đồng này;
 - b) Trong trường hợp chuyển giao việc thực hiện Hợp đồng này cho Bên thứ ba, Ngân hàng thực hiện thông báo cho Khách hàng bằng văn bản;
 - c) Các nghĩa vụ khác theo Hợp đồng này, các văn bản, cam kết liên quan, quy định của Ngân hàng và quy định của Pháp luật.

ĐIỀU 9. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA KHÁCH HÀNG

1. Khách hàng có Quyền:

- a) Đề nghị Ngân hàng giải ngân khi đã đáp ứng đủ các điều kiện theo thỏa thuận tại Hợp đồng này;



- b) Đề nghị Ngân hàng cơ cấu lại thời hạn trả nợ;
 - c) Khiếu nại, khởi kiện nếu Ngân hàng vi phạm các thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng này;
 - d) Được quyền trả nợ trước hạn theo đúng các thủ tục, điều kiện được thỏa thuận trong Hợp đồng này;
 - e) Các quyền khác theo Hợp đồng này, các văn bản, cam kết liên quan, quy định của Ngân hàng và quy định của Pháp luật.
- 2. Khách hàng có Nghĩa vụ:**
- a) Hoàn thiện các thủ tục pháp lý nội bộ và cung cấp đầy đủ, trung thực các thông tin, tài liệu liên quan đến việc vay vốn và chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin, tài liệu đã cung cấp;
 - b) Sử dụng vốn vay đúng mục đích theo thỏa thuận tại Hợp đồng này;
 - c) Trả nợ (gốc, lãi và phí), các khoản đến hạn khác (nếu có) đầy đủ và đúng hạn cho Ngân hàng hoặc Bên nhận chuyển nhượng (trong trường hợp Ngân hàng chuyển giao, chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ quyền và nghĩa vụ theo Hợp đồng này). Trường hợp Khách hàng không trả nợ gốc và lãi tiền vay đúng hạn, Khách hàng phải trả lãi quá hạn và lãi chậm trả lãi theo thỏa thuận tại Hợp đồng này;
 - d) Cam kết vô điều kiện dùng mọi nguồn thu và tài sản của Khách hàng để trả đủ nợ gốc, lãi, các khoản nợ đến hạn khác (nếu có) cho Ngân hàng hoặc Bên nhận chuyển nhượng, kể cả việc tự nguyện bán giao tài sản thế chấp, cầm cố hoặc bất kỳ tài sản nào khác thay thế, bổ sung cho tài sản thế chấp, cầm cố cho Ngân hàng hoặc Bên nhận chuyển nhượng để xử lý tài sản thanh toán nợ, đồng thời Khách hàng cam kết tôn trọng và tạo mọi điều kiện để Ngân hàng xử lý các tài sản nói trên vào các mục đích thu nợ có liên quan;
 - e) Tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Ngân hàng kiểm soát, giám sát mục đích, quá trình sử dụng vốn vay và tài sản bảo đảm;
 - f) Phải bồi thường mọi thiệt hại cho Ngân hàng nếu Khách hàng vi phạm Hợp đồng này;
 - g) Chấp thuận việc Ngân hàng chuyển giao hoặc chuyển nhượng cho Bên thứ ba (gọi tắt là Bên nhận chuyển nhượng) thực hiện toàn bộ hoặc một phần các quyền lợi và nghĩa vụ của Ngân hàng theo quy định trong bản Hợp đồng này và các Hợp đồng, phụ lục khác có liên quan trong đó có quyền đòi các khoản nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, phí phát sinh theo Hợp đồng này và chi phí khác (nếu có). Đồng thời Khách hàng cam kết tiếp tục thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng này và các Hợp đồng, phụ lục khác có liên quan đối với Bên nhận chuyển nhượng Hợp đồng này;
 - h) Khách hàng không được thực hiện việc tổ chức lại (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập); cổ phần hoá, chuyển nhượng, bán toàn bộ hoặc phần lớn tài sản của Khách hàng nếu không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Ngân hàng. Trong trường hợp tổ chức lại, các khoản nợ của Khách hàng tại Ngân hàng sẽ đương nhiên chuyển cho pháp nhân mới được hình thành sau khi Khách hàng tổ chức lại (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập); cổ phần hoá, chuyển nhượng, không phụ thuộc vào việc Khách hàng và pháp nhân mới có ký lại Hợp đồng hoặc có văn bản thỏa thuận chuyển giao Hợp đồng;
 - i) Định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của Ngân hàng, Khách hàng phải cung cấp cho Ngân hàng:
 - (i) Thông tin về việc sử dụng vốn, các tài liệu, chứng từ về việc sử dụng vốn vay;
 - (ii) Thông tin trung thực về bảng tổng kết tài sản, tình trạng tài chính và tên các Ngân hàng khác mà Khách hàng có tài khoản, số tài khoản, số dư tiền gửi, dư nợ tại các Ngân hàng này;
 - (iii) Khách hàng phải thông báo cho Ngân hàng, trong vòng 07 (bảy) ngày kể từ ngày Khách hàng có những thay đổi phát sinh trong quá trình hoạt động của Khách hàng, bao gồm: thay đổi thông tin pháp nhân, thay đổi cơ cấu tổ chức của pháp nhân và các thay đổi khác.
 - j) Các nghĩa vụ khác theo Hợp đồng này, các văn bản, cam kết liên quan, quy định của Ngân hàng và theo quy định của Pháp luật.

ĐIỀU 10. CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG, THU HỒI NỢ TRƯỚC HẠN

1. Hợp đồng chấm dứt trong những trường hợp sau:
 - a) Hết Thời hạn cho vay và Khách hàng thanh toán đầy đủ các khoản nợ gốc, lãi vay, phí phạt và các khoản bồi thường thiệt hại (nếu có) cho Ngân hàng.
 - b) Khách hàng thanh toán đầy đủ các khoản nợ gốc, lãi vay, phí, phạt và các khoản bồi thường thiệt hại (nếu có) theo yêu cầu của Ngân hàng và được Ngân hàng đồng ý chấm dứt hợp đồng.
 - c) Ngân hàng tuyên bố hủy bỏ hợp đồng theo quy định tại Khoản 2 Điều này.
 - d) Các trường hợp khác do hai Bên thỏa thuận;
2. **Hủy bỏ Hợp đồng** Ngân hàng có quyền tuyên bố hủy bỏ Hợp đồng và yêu cầu Khách hàng bồi thường thiệt hại và chịu phạt mức 8% tổng số tiền cho vay cùng với các khoản chi phí giám định, định giá, thẩm định mà Ngân hàng đã thanh toán khi có một trong các sự kiện sau:
 - a) Ngân hàng không thực hiện giải ngân được do Khách hàng không đáp ứng đủ các điều kiện giải ngân;
 - b) Các thông tin cung cấp cho Ngân hàng để giải ngân là không chính xác, không trung thực;
 - c) Khách hàng không thực hiện rút vốn trong thời hạn được thỏa thuận tại Hợp đồng này
3. **Quyền thu hồi nợ trước hạn:**

Ngân hàng có quyền thu hồi nợ trước hạn khi có một trong các sự kiện sau đây:

 - a) Ngân hàng phát hiện tài liệu, thông tin, báo cáo liên quan đến sử dụng vốn, mục đích vay vốn và các thông tin, tài liệu khác do Khách hàng cung cấp là không chính xác, không trung thực, sai sự thật;
 - b) Khách hàng không hoàn trả gốc, lãi vay theo đúng thời hạn đã cam kết mà không được Ngân hàng chấp thuận gia hạn nợ;
 - c) Tài sản đảm bảo tiền vay không còn hoặc giảm giá trị dưới mức được các Bên thỏa thuận tại Hợp đồng này hoặc Hợp đồng bảo đảm tiền vay có liên quan và Khách hàng không bổ sung tài sản bảo đảm theo yêu cầu của Ngân hàng;
 - d) Khách hàng phá sản, giải thể và/hoặc bên bảo đảm cho nghĩa vụ của Khách hàng (nếu có) giải thể, phá sản hoặc bị chết, di cư nơi cư trú không thông báo địa chỉ liên lạc hoặc không còn khả năng thực hiện nghĩa vụ của Khách hàng;
 - e) Khách hàng vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ, trách nhiệm của mình theo thỏa thuận tại Hợp đồng này và/hoặc các thỏa thuận có liên quan;
 - f) Phần lớn tài sản của Khách hàng bị kê biên, phong tỏa, cầm giữ;
 - g) Khách hàng sử dụng vốn sai mục đích và không khắc phục theo thông báo của Ngân hàng hoặc không có khả năng khắc phục;
 - h) Khách hàng vi phạm nghĩa vụ thông báo các thông tin theo thỏa thuận tại Hợp đồng này hoặc không khắc phục vi phạm trong thời hạn được quy định khi được Ngân hàng thông báo;
 - i) Trường hợp người quản lý, kiểm soát, điều hành của Khách hàng bị truy cứu trách nhiệm hình sự bởi Cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
 - j) Bất kỳ hành động, sự kiện nào xảy ra theo đánh giá của Ngân hàng là sẽ gây ra thay đổi bất lợi đáng kể đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính hoặc khả năng trả nợ của Khách hàng;
 - k) Các trường hợp khác theo thỏa thuận tại Hợp đồng này.
4. **Xử lý trong trường hợp thu hồi nợ trước hạn:**

Mẫu 02/2022/HĐTDHMPN-PC-BVN

- a) Quyết định thu hồi nợ trước hạn. Khi xảy ra một hoặc một số trường hợp nêu tại **Khoản 3 Điều này**, Ngân hàng có quyền căn cứ vào tình hình thực tế, lựa chọn thời điểm thích hợp để quyết định thu hồi nợ trước hạn;
- b) Khi Ngân hàng quyết định thu hồi nợ trước hạn:
- (i) Tất cả các khoản nợ gốc, lãi, phí, phạt theo thỏa thuận tại Hợp đồng này (dù đã đến hạn hay chưa đến hạn) đều trở thành khoản nợ đến hạn. Khách hàng có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ các khoản nợ gốc, lãi, phí, phạt và các nghĩa vụ tài chính khác có liên quan;
 - (ii) Ngân hàng có quyền thực hiện tất cả các biện pháp nghiệp vụ để thu hồi nợ. Các biện pháp này bao gồm:
 - + Ngân hàng tự động trích tài khoản tiền gửi của Khách hàng tại Ngân hàng hoặc tại bất kỳ chi nhánh nào của Ngân hàng hoặc các tổ chức tín dụng khác để thu hồi nợ;
 - + Xử lý, bán tài sản bảo đảm và/hoặc tài sản hình thành từ vốn vay (nếu có) của Khách hàng;
 - + Các biện pháp khác không trái với Pháp luật Việt Nam tại thời điểm áp dụng.
5. Khi thực hiện chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn theo thỏa thuận, Ngân hàng thông báo cho Khách hàng bằng văn bản về việc chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn: thời điểm chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn, số dư nợ gốc bị thu hồi trước hạn; thời hạn hoàn trả số dư nợ gốc bị thu hồi trước hạn, thời điểm chuyển nợ quá hạn và lãi suất áp dụng đối với số dư nợ gốc bị thu hồi trước hạn.

ĐIỀU 11. CÁC THỎA THUẬN KHÁC:

1. Trong trường hợp vì bất kỳ lý do nào, khoản tiền Khách hàng trả nợ cho Ngân hàng bị khấu trừ, thu hồi một phần hoặc toàn bộ theo lệnh hoặc quyết định của Cơ quan có thẩm quyền, Khách hàng có nghĩa vụ thanh toán ngay số tiền bị thu hồi, khấu trừ đó cho Ngân hàng khi Ngân hàng thông báo cho Khách hàng về việc bị khấu trừ, thu hồi đó. Khách hàng chấp nhận việc Ngân hàng phục hồi lại số nợ tương ứng với số tiền bị khấu trừ, thu hồi (ghi nợ lại hoặc coi như Khách hàng chưa thanh toán số nợ tương ứng số tiền bị khấu trừ, thu hồi như một khoản nợ vay quá hạn với các điều khoản thỏa thuận tại Hợp đồng này).
2. **Thông báo:** Các thông báo, thông tin liên quan đến Hợp đồng này theo thỏa thuận phải lập thành văn bản thì văn bản được lập phải bằng Tiếng Việt và gửi đi bằng một trong các phương thức sau: gửi bưu điện (thư tín); giao tận tay hoặc fax/telex (và các bản gốc được gửi bằng đường bưu điện trong vòng 02 (hai) ngày làm việc sau đó) theo địa chỉ của các bên ghi tại phần dấu Hợp đồng này.
 - a) Các văn bản thông báo, trao đổi thông tin giữa các bên được coi là đã nhận vào thời điểm dưới đây:
 - (i) Vào thời điểm giao: nếu chuyển tiếp bằng tay;
 - (ii) 7 (bảy) ngày làm việc theo dấu bưu điện (với điều kiện là cước phí đã trả trước và điền đúng địa chỉ) nếu là gửi bằng thư tín;
 - (iii) Khi đã được phát đi, nếu gửi bằng telex (với điều kiện là phải có tín hiệu phản hồi chuẩn ở phần đầu và phần cuối trên bản thông báo từ phía bên gửi); hoặc
 - (iv) 24 (hai mươi tư) giờ sau khi gửi và có báo cáo về việc gửi fax hoàn thành tại máy gửi, nếu gửi bằng fax.
 - b) Mọi thông báo, trao đổi thông tin thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này nhận được vào một ngày không phải là ngày làm việc hoặc vào sau giờ làm việc tại nơi nhận sẽ được coi là được nhận vào ngày làm việc tiếp theo tại địa điểm đó.
3. **Đầu mối liên hệ trực tiếp của các bên:**
 - a) **Ngân hàng: Ngân hàng TMCP Bảo Việt – Hội sở chính**
Địa chỉ liên hệ: Tầng 1 và tầng 5, Tòa nhà Corner Stone, Số 16 đường Phan Chu Trinh, Phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.
Điện thoại: 024.3928.8989

b) **Khách hàng:** Công ty cổ phần sản xuất thương mại dịch vụ vận tải Ngọc Mai.
Địa chỉ liên hệ: Số nhà 128, tổ dân phố số 6, Thị trấn Diêm Điền, Huyện Thái Thụy, Tỉnh
Thái Bình, Việt Nam
Điện thoại:

4. **Bảo mật thông tin:**

- a) Hai Bên thỏa thuận rằng các thông tin, bao gồm nhưng không giới hạn tới các thông tin mà một Bên cung cấp cho Bên kia theo quy định của Hợp đồng này; thông tin về các điều kiện, điều khoản của Hợp đồng này và các tài liệu khác là bộ phận của Hợp đồng này, Hợp đồng Bảo đảm và các Phụ lục liên quan là "Thông tin bảo mật".
- b) Các bên đồng ý rằng, không bên nào được sử dụng Thông tin bảo mật cho bất cứ mục đích nào ngoại trừ mục đích được phép hoặc cần thiết cho quá trình thực hiện Hợp đồng này.
- c) Mỗi bên không tiết lộ hoặc cung cấp Thông tin bảo mật cho bất kỳ bên thứ ba nào ngoại trừ:
 - (i) Các nhân viên trong quá trình thực hiện Hợp đồng này với điều kiện các nhân viên đó bị ràng buộc phải duy trì tính bảo mật đối với các thông tin bảo mật;
 - (ii) Việc một bên tiết lộ các dữ liệu cho các bên kiểm toán và các Cơ quan quản lý;
 - (iii) Liên quan đến bất kỳ thủ tục tố tụng trọng tài hoặc thủ tục pháp lý nào;
 - (iv) Cung cấp cho các Bên trong Hợp đồng bảo đảm hoặc các trường hợp khác được các Bên chấp nhận;
- d) Việc một bên tiết lộ các dữ liệu theo yêu cầu của Pháp luật. Tuy nhiên nếu không bị cấm theo quy định của Pháp luật hoặc bởi Cơ quan quản lý, mỗi bên sẽ thông báo trước bằng văn bản cho bên còn lại việc tiết lộ thông tin này.
- e) Nghĩa vụ bảo mật quy định tại Điều khoản này tiếp tục giữ nguyên hiệu lực sau khi Hợp đồng này chấm dứt hoặc hết hạn.

5. **Chuyển nhượng hợp đồng:**

- a) Ngân hàng có quyền chuyển giao, chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ quyền và/hoặc nghĩa vụ của mình phát sinh từ Hợp đồng này và Hợp đồng bảo đảm cho Bên thứ ba mà không cần phải có sự chấp thuận của Khách hàng, ngoại trừ nghĩa vụ thông báo về việc chuyển giao, chuyển nhượng;
 - b) Khách hàng có quyền chuyển giao, chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ quyền và/hoặc nghĩa vụ của mình phát sinh từ Hợp đồng này và Hợp đồng bảo đảm cho Bên thứ ba khi có sự chấp thuận trước của Ngân hàng bằng văn bản.
6. Khách hàng đồng ý rằng đã được Ngân hàng cung cấp đầy đủ các thông tin trước khi ký Hợp đồng này, bao gồm: Lãi suất cho vay; nguyên tắc và các yếu tố xác định, thời điểm xác định lãi suất cho vay đối với trường hợp áp dụng lãi suất cho vay có điều chỉnh; lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị quá hạn; lãi suất áp dụng đối với lãi chậm trả; phương pháp tính lãi tiền vay; loại phí và mức phí áp dụng đối với khoản vay; các tiêu chí xác định khách hàng vay vốn theo lãi suất cho vay theo quy định của Pháp luật.
7. Khách hàng có trách nhiệm thanh toán các khoản phí dịch vụ của Ngân hàng và các khoản phí, lệ phí: Phí dịch vụ phát sinh từ việc sử dụng dịch vụ của Bên thứ ba (ngoài Ngân hàng và Khách hàng) để thực hiện một phần hoặc toàn bộ các công việc phát sinh trong quá trình đàm phán, ký kết và thực hiện Hợp đồng này, bao gồm nhưng không giới hạn: lệ phí công chứng, chứng thực Hợp đồng, phí đăng ký giao dịch bảo đảm, phí giám định (trong trường hợp phải thuê tổ chức giám định độc lập mà không sử dụng dịch vụ của Ngân hàng giám định tài sản), phí dịch thuật, phí đăng báo, phí chuyển khoản vay từ Ngân hàng cho Khách hàng nếu tài khoản của Khách hàng ở Ngân hàng khác hệ thống của Ngân hàng.
8. **Bảo hiểm:** Trường hợp tài sản bảo đảm phải mua bảo hiểm theo quy định của Pháp luật hoặc theo thỏa thuận của các bên, Khách hàng và/ hoặc Bên thứ ba liên quan có nghĩa vụ phải thực hiện việc mua bảo hiểm/ thanh toán phí bảo hiểm/ tái tục bảo hiểm cho Tài sản bảo đảm

theo đúng điều kiện của Ngân hàng và chuyển quyền thụ hưởng bảo hiểm duy nhất cho Ngân hàng trong suốt thời hạn vay vốn.

Chậm nhất trước 05 (năm) ngày tính đến ngày hết hạn của hiệu lực bảo hiểm, nếu Khách hàng và/hoặc Bên thứ ba liên quan không thực hiện (các) nghĩa vụ nêu trên, Ngân hàng thực hiện áp dụng đồng thời các biện pháp sau đây:

- a) Ngân hàng chủ động mua bảo hiểm hoặc chủ động thanh toán bảo hiểm khi đến hạn thanh toán theo Hợp đồng bảo hiểm cho tài sản bảo đảm (bao gồm: lựa chọn, đàm phán với các Tổ chức kinh doanh bảo hiểm để thực hiện mua bảo hiểm/tái tục bảo hiểm với tài sản bảo đảm). Đối với việc thanh toán phí bảo hiểm, Ngân hàng ưu tiên trích bất kỳ tài khoản thanh toán, tài khoản tiền gửi nào của Khách hàng mở tại Ngân hàng để thanh toán phí bảo hiểm trước các nghĩa vụ nợ khác (bao gồm cả trả nợ gốc, lãi, phí...) của Khách hàng. Trường hợp tài khoản của Khách hàng không có hoặc không có đủ tiền để thanh toán tiền phí bảo hiểm thì Ngân hàng sẽ thanh toán phí bảo hiểm/tái tục Hợp đồng và việc hoàn trả phí này sẽ thực hiện theo quy định của Ngân hàng tại thời điểm phát sinh, bao gồm nhưng không giới hạn: Khách hàng phải hoàn trả với bất kỳ số tiền phí bảo hiểm nào đã được Ngân hàng thanh toán theo các điều kiện của Ngân hàng trong mọi trường hợp.
- b) Thực hiện tăng lãi suất cho vay thêm 1%/năm so với lãi suất đang áp dụng đối với toàn bộ dư nợ hiện tại được bảo đảm bằng tài sản phải mua bảo hiểm của Khách hàng bắt đầu từ ngày liền sau ngày hết hiệu lực bảo hiểm cho đến khi Khách hàng và/hoặc Bên thứ ba liên quan hoàn trả toàn bộ số tiền phí bảo hiểm mà Ngân hàng đã thanh toán và thông báo bằng văn bản tới Khách hàng.
- c) Ngân hàng có quyền thực hiện (các) biện pháp dưới đây:
 - (i) Dừng cấp tín dụng đối với toàn bộ các khoản cấp tín dụng còn hạn mức giải ngân.
 - (ii) Không cấp tín dụng mới trong trường hợp Khách hàng và/hoặc Bên thứ ba liên quan không thực hiện mua bảo hiểm tái tục đối với các khoản cấp tín dụng cũ hoặc chưa thanh toán phí bảo hiểm đến kỳ thanh toán.
 - (iii) Ngân hàng được quyền thu hồi nợ trước hạn đối với toàn bộ các khoản vay được bảo đảm bằng chính các tài sản phải mua bảo hiểm theo quy định của Khách hàng tại Ngân hàng.
 - (iv) Các biện pháp khác trong trường hợp cần thiết.
 Khách hàng đồng ý không hủy ngang và không có bất kỳ khiếu kiện, khiếu nại gì đối với nội dung này.
9. Bổ sung, sửa đổi Hợp đồng: Mọi sửa đổi, bổ sung Hợp đồng này phải được lập thành văn bản và phải được sự chấp thuận của cả hai Bên.
10. Các bên thực hiện các điều khoản, điều kiện khác gắn với Hợp đồng này (nếu có).
11. Các thỏa thuận khác: Không

ĐIỀU 12. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

1. **Hiệu lực:** Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký đến ngày Khách hàng hoàn thành nghĩa vụ thanh toán nợ, lãi, phí, phạt (nếu có) được thỏa thuận tại Hợp đồng này. *Hợp đồng tín dụng nguyên tắc số 0003-2022-HDTD1-BVB007 ký ngày 09/11/2022 là căn cứ để thỏa thuận hợp đồng này*
2. **Hiệu lực từng phần:** Trong trường hợp một điều khoản nào đó của Hợp đồng này bị vô hiệu theo phán quyết của Cơ quan có thẩm quyền hoặc do thay đổi luật thì các điều khoản còn lại vẫn giữ nguyên hiệu lực với các Bên. Các Bên sẽ bàn bạc, thỏa thuận để sửa đổi, bổ sung lại điều khoản đó cho phù hợp dựa trên các điều khoản còn lại của Hợp đồng hoặc theo quy định Pháp luật. Đối với những vấn đề phát sinh mà Hợp đồng này không quy định thì sẽ áp dụng quy định pháp luật hiện hành của Việt Nam để giải quyết.
3. **Luật điều chỉnh và giải quyết tranh chấp:**
 - a) Hợp đồng này, các quyền và nghĩa vụ theo Hợp đồng này được điều chỉnh và giải thích theo Pháp luật Việt Nam;

- b) Mọi tranh chấp sẽ được hai bên giải quyết thông qua thỏa thuận, thương lượng. Trong trường hợp không thương lượng được sẽ đưa ra Tòa án nhân dân có thẩm quyền giải quyết theo quy định của Pháp luật.
4. Hợp đồng này được lập thành 04 bản gốc gồm 15 trang có giá trị pháp lý như nhau, Ngân hàng giữ 03 bản, Khách hàng giữ 01 bản. Các phụ lục, sửa đổi, bổ sung và thay thế của Hợp đồng này được coi là phần không thể tách rời của Hợp đồng này.

NGÂN HÀNG



GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM KINH DOANH
LÊ QUANG HUY



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Đình Hùng

HỢP ĐỒNG THẺ CHẤP TÀU BIỂN

(Áp dụng đối với trường hợp tài sản đảm bảo cho nghĩa vụ của Bên thứ ba)

Số: 0050/2021/HĐTC/BVB-007

Hôm nay, ngày 19 tháng 10 năm 2021, các bên gồm:

▪ **Bên thẻ chấp:**

CÔNG TY TNHH VẬN TẢI THỦY BỘ HẢI HÀ

Địa chỉ trụ sở: Số nhà 132, tổ dân phố số 6, thị trấn Diêm Điền, Huyện Thái Thụy, Tỉnh Thái Bình

Địa chỉ thông tin, liên lạc: Số nhà 132, tổ dân phố số 6, thị trấn Diêm Điền, Huyện Thái Thụy, Tỉnh Thái Bình

Mã số doanh nghiệp: 1000336805 do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở kế hoạch và cầu tư tỉnh Thái Bình cấp lần đầu ngày 08/09/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 22 ngày 30/12/2020

Điện thoại: 02273.713.464

Fax: 02273.711.988

Người đại diện: Bà Trần Tuyết Mai

Chức vụ: Tổng giám đốc

Theo văn bản ủy quyền: Biên bản họp Hội đồng thành viên số 01./2021/BB-HĐTV ngày 15/9/2021 của Công ty TNHH Vận tải thủy bộ Hải Hà

▪ **Bên nhận thẻ chấp: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẢO VIỆT (BAOVIET Bank)**

Địa chỉ trụ sở: Tầng 1 và Tầng 5, Tòa nhà Corner Stone, Số 16, đường Phan Chu Trinh, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ thông tin, liên lạc: Trung tâm kinh doanh - Tầng 1 và Tầng 5, Tòa nhà Corner Stone, Số 16, đường Phan Chu Trinh, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mã số doanh nghiệp: 0103126572 do Phòng Đăng ký kinh doanh số 01 Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 24 tháng 12 năm 2008; đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 19 tháng 08 năm 2021.

Điện thoại: 024.39 288989

Fax: 024.3928.8899

Người đại diện: Ông Lê Quang Huy

Chức vụ: Giám đốc Trung tâm kinh doanh

Theo văn bản ủy quyền: Theo Quyết định số 4539/2020/QĐ-TGD ngày 07/09/2020 về việc Ủy quyền ký hợp đồng, giao dịch với Khách hàng và các bên liên quan, các giấy tờ/tài liệu liên quan đến hoạt động ngân hàng tại các Đơn vị kinh doanh do ông Cao Nam Giang – Quyền Tổng Giám đốc BAOVIET Bank ký

Mẫu 02/2020/ĐK-TĐN-PH-TT-BVB

Cùng thỏa thuận ký Hợp đồng thế chấp với các nội dung như sau:

Điều 1. Nghĩa vụ được bảo đảm

1. Bên thế chấp đồng ý thế chấp Tài sản được mô tả tại Điều 2 của Hợp đồng này để bảo đảm cho toàn bộ nghĩa vụ của Bên được cấp tín dụng phát sinh tại BAOVIET Bank, bao gồm: nghĩa vụ trả nợ gốc, nợ lãi, lãi quá hạn, lãi chậm trả lãi, phí, các chi phí định giá, công chứng, đăng ký, bảo hiểm, bảo quản và xử lý tài sản thế chấp; các khoản bồi thường thiệt hại, tiền phạt vi phạm và các nghĩa vụ khác theo các Hợp đồng cấp tín dụng, các văn bản cấp tín dụng theo các hình thức cấp tín dụng khác, các văn bản thỏa thuận, cam kết và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có) mà Bên được cấp tín dụng, người đồng trả nợ (nếu có) ký với BAOVIET Bank trước, cùng và sau thời điểm ký kết Hợp đồng này (Sau đây gọi chung là "Thỏa thuận Cấp Tín Dụng").

2. Bên được cấp tín dụng nêu tại Khoản 1 Điều này và trong Hợp đồng này là:

CÔNG TY CP SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẠN TÀI NGỌC MAI

Địa chỉ trụ sở: Số nhà 128, tổ dân phố số 6, Thị trấn Diêm Điền, Huyện Thái Thụy, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

Địa chỉ thông tin, liên lạc: Số nhà 128, tổ dân phố số 6, Thị trấn Diêm Điền, Huyện Thái Thụy, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

Mã số doanh nghiệp: 2900904322 do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Thái Bình cấp lần đầu ngày 11/07/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 03/11/2020

Điện thoại: 0972416622

Người đại diện: Bà Lê Thị Huệ

Chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị

3. Thời hạn thế chấp tính từ ngày ký Hợp đồng thế chấp này đến khi Bên thế chấp và Bên được cấp tín dụng thực hiện xong các nghĩa vụ được bảo đảm nêu tại khoản 1 Điều này, thanh toán hết các khoản phí, chi phí phát sinh khác (nếu có) cho BAOVIET Bank và các bên hoàn tất thủ tục giải chấp tài sản theo quy định của BAOVIET Bank, quy định của pháp luật.

Điều 2. Tài sản thế chấp

1. Tài sản thế chấp: Tàu biển thuộc quyền sở hữu của Bên thế chấp theo Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển Việt Nam số đăng ký HP-BUL-001190-6 do Chi cục Hàng Hải Việt Nam tại thành phố Hải Phòng cấp ngày 08/07/2021, cụ thể như sau:

- Tên tàu biển : TM HẢI HÀ 988
- Hô hiệu / Số IMO : 3WFZ9/9331751
- Loại tàu : M.Tàu chở hàng rời
- Nơi đăng ký : Hải Phòng
- Quốc tịch : Việt Nam
- Nơi đóng : Việt Nam
- Năm đóng : 2012
- Tổ chức đăng kiểm : VR + DNV
- Tên chủ tàu : CÔNG TY TNHH VẠN TÀI THỦY BỘ HẢI HÀ
- Địa chỉ : Số 132, tổ dân phố số 6, Thị trấn Diêm Điền, Huyện Thái Thụy, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

Mẫu 022/2020/ĐKX-TĐ-VPH-TT-BVH

www.baovietbank.vn

NIỀM TIN VỮNG CHẮC, CAM KẾT VỮNG BỀN

H. F
VĂN
ÔNG
PHẠ
Á TR

- Các thông số kỹ thuật chính của tàu biển:
 - + Chiều dài lớn nhất : 190.000 M
 - + Chiều rộng : 32.260 M
 - + Mớn nước : 12.620 M
 - + Tổng dung tích : 32614 GT
 - + Trọng tải toàn phần : 53532.9 MT
 - + Dung tích thực dụng : 18062 NT
 - + Tổng công suất máy chính : 9480 KW
- 2. Hồ sơ tài sản thế chấp:
 - Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển số đăng ký HP-BUL-001190-6 do Chi cục Hàng Hải Việt Nam tại thành phố Hải Phòng cấp ngày 08/07/2021
 - Các bản sao hồ sơ đăng kiểm tàu TM HẢI HÀ 988
 - Các hồ sơ bảo hiểm tàu TM HẢI HÀ 988
 - Và các hồ sơ tài sản đảm bảo khác
- 3. Tổng giá trị tài sản thế chấp do hai bên thỏa thuận xác định là **270.361.000.000** đồng (Bằng chữ: Hai trăm bảy mươi tỷ, ba trăm sáu mươi một triệu đồng).
Các Bên thống nhất rằng việc định giá/định giá lại giá trị Tài sản thế chấp chỉ có ý nghĩa liên quan tới việc xác định giá trị các khoản cấp tín dụng mà BAOVIET Bank cấp cho Bên thế chấp. Việc định giá/định giá lại giá trị Tài sản thế chấp này không dùng làm căn cứ khi xử lý Tài Sản thế chấp.
- 4. Tất cả các phụ tùng, thiết bị, vật phụ... được lắp thêm, thay thế vào Tài sản thế chấp cũng thuộc tài sản thế chấp.

Điều 3. Mua bảo hiểm cho Tài sản thế chấp

1. Bên thế chấp/Bên được cấp tín dụng (trong trường hợp này Bên thế chấp có nghĩa vụ thông tin và yêu cầu Bên được cấp tín dụng thực hiện) có nghĩa vụ mua bảo hiểm vật chất cho toàn bộ và chịu chi phí mua bảo hiểm cho Tài sản thế chấp theo quy định của BAOVIET Bank, quy định của Pháp luật (nếu có) trong suốt thời gian thế chấp và chuyển quyền thụ hưởng cho BAOVIET Bank. Trường hợp Bên thế chấp/Bên được cấp tín dụng không mua bảo hiểm, BAOVIET Bank có quyền nhưng không phải nghĩa vụ thực hiện mua bảo hiểm thay cho Bên thế chấp; Bên được cấp tín dụng đồng ý vô điều kiện nhận nợ đối với số tiền mua bảo hiểm và số tiền này được khấu trừ vào số tiền trả nợ của Bên thế chấp/Bên được cấp tín dụng; BAOVIET Bank được quyền lựa chọn Tổ chức bảo hiểm và quyết định tất cả các vấn đề liên quan khi mua bảo hiểm.
2. Bên thế chấp/Bên được cấp tín dụng và/hoặc BAOVIET Bank thực hiện thông báo cho tổ chức kinh doanh bảo hiểm biết về việc Tài sản đang được thế chấp tại BAOVIET Bank, BAOVIET Bank thực hiện giữ Giấy tờ gốc bảo hiểm¹ và được thụ hưởng toàn bộ số tiền bồi thường bảo hiểm. Trường hợp tổ chức bảo hiểm không chi trả bảo hiểm cho BAOVIET Bank khi xảy ra sự kiện bảo hiểm, thì Bên thế chấp có nghĩa vụ thanh toán số tiền bảo hiểm nhận được cho BAOVIET Bank.
3. Trong trường hợp xảy ra sự kiện bảo hiểm, toàn bộ khoản tiền bồi thường bảo hiểm dùng để thanh toán nghĩa vụ bảo đảm được thỏa thuận tại Hợp đồng này. Nếu số tiền bảo hiểm chưa đủ để thanh toán nợ cho BAOVIET Bank thì Bên thế chấp và/hoặc Bên được cấp tín dụng phải bổ sung tài sản bảo đảm, thay thế biện pháp bảo đảm khác hoặc Bên được cấp tín dụng trả nợ trước hạn.

Điều 4. Quản lý Tài sản thế chấp

¹ Giấy tờ gốc bảo hiểm: hợp đồng bảo hiểm, giấy chứng nhận bảo hiểm, chứng từ biên lai đóng phí bảo hiểm

- a) Bên thế chấp phải chuyển giao cho BAOVIET Bank bản chính (bản gốc) các Hồ sơ Tài sản thế chấp theo thỏa thuận tại Điều 2 của Hợp đồng này trong suốt thời hạn thế chấp. Bên thế chấp có trách nhiệm giữ và bảo quản bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển và các giấy tờ tài sản thế chấp trong suốt quá trình vận hành, khai thác, sử dụng tài sản thế chấp.

BAOVIET Bank thực hiện quản lý Hồ sơ Tài sản thế chấp theo quy định của BAOVIET Bank.

- b) Trường hợp Bên thế chấp có nhu cầu mượn Hồ sơ (hoặc thành phần trong Hồ sơ) Tài sản thế chấp để thực hiện nghĩa vụ của Bên thế chấp với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc Bên thứ ba theo quy định của Pháp luật thì Bên thế chấp thực hiện gửi văn bản đề nghị theo mẫu của BAOVIET Bank (nếu rõ yêu cầu và lý do). BAOVIET Bank có quyền chấp thuận hoặc từ chối chấp thuận yêu cầu của Bên thế chấp phù hợp với quy định của BAOVIET Bank.

Trong trường hợp được BAOVIET Bank chấp thuận đề nghị mượn Hồ sơ (hoặc thành phần trong Hồ sơ) Tài sản thế chấp, Bên thế chấp có trách nhiệm sử dụng Hồ sơ (hoặc thành phần trong Hồ sơ) Tài sản thế chấp theo đúng mục đích được ghi trong yêu cầu mượn và cam kết việc mượn Hồ sơ Tài sản thế chấp không ảnh hưởng khả năng thực hiện, hiệu lực, giá trị pháp lý của Hợp đồng hay xâm hại đến bất kỳ quyền và lợi ích hợp pháp nào của BAOVIET Bank. BAOVIET Bank có quyền giám sát toàn bộ quá trình sử dụng các Hồ sơ Tài sản thế chấp khi cho Bên Thế chấp mượn.

- c) Hồ sơ Tài sản thế chấp sẽ được hoàn trả cho Bên thế chấp khi chấm dứt hiệu lực của Hợp đồng này. Trong thời hạn thế chấp, nếu Bên thế chấp thực hiện chuyển nhượng cho các tổ chức, cá nhân khác và được sự đồng ý bằng văn bản của BAOVIET Bank hoặc BAOVIET Bank xử lý tài sản để thu nợ theo thỏa thuận tại Hợp đồng này và quy định của Pháp luật, thì BAOVIET Bank được quyền chuyển giao Hồ sơ Tài sản thế chấp cho Bên thứ ba thực hiện các giao dịch này. Bên thế chấp cam kết không có bất kỳ khiếu nại, khiếu kiện, tranh chấp gì đối với BAOVIET Bank.

2. Quản lý Tài sản thế chấp

- a) Trong thời hạn thế chấp, Bên thế chấp có trách nhiệm thông báo với BAOVIET Bank bất kỳ thông tin, giao dịch phát sinh liên quan đến Tài sản thế chấp với Bên thứ ba ngay trong ngày phát sinh. Nếu Bên thế chấp không thông báo cho BAOVIET Bank, BAOVIET Bank có quyền chấm dứt Thỏa thuận cấp tín dụng đã ký kết, thu nợ trước hạn và yêu cầu bồi thường các thiệt hại phát sinh.
- b) Bên thế chấp có trách nhiệm thông báo kịp thời trong vòng 12 (mười hai) giờ cho BAOVIET Bank kể từ thời điểm có một trong các sự kiện phát sinh với Tài sản thế chấp, bao gồm không giới hạn: Tài sản thế chấp bị bắt giữ, bị tai nạn, sự cố, mất tích, bị chìm đắm mà không trục vớt được, các sự kiện bảo hiểm
- c) Khi có kế hoạch đầu tư hoặc cho Bên thứ ba thực hiện việc đầu tư để làm tăng thêm giá trị Tài sản thế chấp, Bên thế chấp có trách nhiệm gửi văn bản đề nghị chấp thuận đến BAOVIET Bank. BAOVIET Bank có quyền chấp thuận hoặc từ chối đề nghị của Bên thế chấp. Bên thế chấp chỉ được thực hiện đầu tư làm tăng thêm giá trị Tài sản thế chấp hoặc cho Bên thứ ba đầu tư khi có sự chấp thuận bằng văn bản của BAOVIET Bank. Các bên thống nhất toàn bộ giá trị phần đầu tư xây dựng thêm gắn liền với tài sản bảo đảm, hoa lợi, lợi tức, quyền và lợi ích hình thành từ việc đầu tư khai thác này cũng thuộc về Tài sản thế chấp.

Tất cả các phụ tùng, thiết bị được lắp đặt thêm/thay thế và phần giá trị đầu tư thêm gắn liền với Tài sản thế chấp; Hoa lợi, lợi tức từ việc khai thác/sử dụng Tài sản thế chấp cũng thuộc Tài sản thế chấp theo Hợp đồng này.

- d) BAOVIET Bank định kỳ kiểm tra việc sử dụng Tài sản thế chấp của Bên thế chấp; đánh giá lại Tài sản thế chấp theo quy định của BAOVIET Bank. Việc kiểm tra, định giá lại Tài sản thế chấp được ghi nhận bằng văn bản.

Nhân 02/2020 RDC/TA/PHN 11-04/18

BAOVIET Bank có quyền thực hiện kiểm tra đột xuất Tài sản thế chấp nếu nhận thấy Tài sản thế chấp có nguy cơ bị giảm giá trị, thay đổi hiện trạng... và yêu cầu Bên thế chấp và/ hoặc Bên được cấp tín dụng (trong trường hợp này, Bên thế chấp có nghĩa vụ thông tin và yêu cầu Bên được cấp tín dụng thực hiện) áp dụng các biện pháp cần thiết để khắc phục lại tình trạng của Tài sản thế chấp hoặc thay đổi/bổ sung Tài sản thế chấp. Bên thế chấp, Bên được cấp tín dụng có trách nhiệm hợp tác và tạo điều kiện cho BAOVIET Bank thực hiện quyền này.

- c) Trong thời hạn thế chấp, Bên thế chấp chỉ được chuyển nhượng, tặng cho, cho thuê, cho mượn, góp vốn v.v... đối với Tài sản thế chấp với Bên thứ ba sau khi được BAOVIET Bank chấp thuận bằng văn bản.
- f) Trường hợp Tài sản thế chấp bị thu hồi, trưng mua, trưng dụng, giải tỏa... theo quyết định của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thì BAOVIET Bank được nhận số tiền bồi thường hoặc các lợi ích phát sinh liên quan đến Tài sản thế chấp từ Cơ quan Nhà nước và Bên thế chấp cam kết phối hợp cùng BAOVIET Bank để BAOVIET Bank được nhận số tiền bồi thường và lợi ích phát sinh.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của các bên

1. Bên thế chấp có các quyền và nghĩa vụ dưới đây:

- a) Được khai thác và sử dụng tài sản thế chấp;
- b) Được giữ bản Gốc Giấy chứng nhận đăng ký Tàu biển và hồ sơ tài sản thế chấp trong suốt quá trình vận hành, khai thác, sử dụng tài sản thế chấp;
- c) Được yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với những thiệt hại phát sinh do việc BAOVIET Bank làm mất, hư hỏng hồ sơ Tài sản thế chấp (nếu có);
- d) Bổ sung, thay thế tài sản thế chấp khác hoặc thực hiện các giao dịch đối với tài sản thế chấp nếu được BAOVIET Bank chấp thuận bằng văn bản và/ hoặc theo yêu cầu của BAOVIET Bank;
- e) Được đầu tư hoặc cho bên thứ ba đầu tư vào tài sản thế chấp để làm tăng giá trị của Tài sản thế chấp khi được BAOVIET Bank chấp thuận bằng văn bản. Bên thế chấp cam kết và xác nhận rằng mọi giá trị đầu tư thêm gắn liền với Tài sản thế chấp; Hoa lợi, lợi tức từ việc khai thác/sử dụng Tài sản thế chấp cũng thuộc tài sản thế chấp theo Hợp đồng này và đều đảm bảo cho các nghĩa vụ nêu tại Điều 1 Hợp đồng này.
- f) Được cho thuê, cho mượn tài sản thế chấp nếu được BAOVIET Bank chấp thuận bằng văn bản. Bên thế chấp phải thông báo cho bên thuê, bên mượn biết Tài sản thế chấp hiện đang được thế chấp tại BAOVIET Bank; đồng thời trong hợp đồng thuê, mượn phải thỏa thuận nội dung: việc cho thuê, cho mượn Tài sản thế chấp sẽ chấm dứt trong trường hợp BAOVIET Bank thông báo về việc xử lý Tài sản thế chấp để thu hồi nợ, bên thuê, bên mượn Tài sản thế chấp phải bàn giao vô điều kiện tài sản cho BAOVIET Bank và không có bất kỳ hành vi nào gây cản trở.
- g) Không sử dụng Tài sản thế chấp để thế chấp hoặc bảo đảm cho nghĩa vụ khác với bất kỳ bên thứ ba nào khác ngoài BAOVIET Bank; không được chuyển nhượng, trao đổi, tặng cho, góp vốn; không được làm giảm giá trị, thay đổi mục đích sử dụng hay thay đổi nào khác đối với Tài sản thế chấp trừ trường hợp có sự chấp thuận bằng văn bản của BAOVIET Bank;
- h) Thực hiện các thủ tục liên quan đến biện pháp bảo đảm theo quy định của Pháp luật, quy định của BAOVIET Bank khi BAOVIET Bank yêu cầu và chịu mọi chi phí liên quan đến việc thực hiện các thủ tục này, kể cả trong trường hợp gia hạn, sửa đổi, bổ sung, Hợp đồng thế chấp.
- i) Thông báo bằng văn bản cho BAOVIET Bank về quyền của Bên thứ ba đối với Tài sản thế chấp ngay khi phát sinh quyền này. Nếu không thông báo thì Bên thế chấp phải có nghĩa vụ bồi thường các thiệt hại phát sinh cho BAOVIET Bank;

Mẫu 022/2020/BHX-TD-VPT-TT-BV-B

- j) Cam kết tài sản thế chấp chưa được dùng để bảo đảm cho bất kỳ nghĩa vụ nào tại bên thứ ba nào khác hoặc có bất kỳ giao dịch chuyển nhượng quyền sở hữu tài sản thế chấp nào từ trường hợp có sự chấp thuận bằng văn bản của BAOVIET Bank;
- k) Thực hiện việc xử lý tài sản thế chấp theo thỏa thuận của Hợp đồng này. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý Tài sản thế chấp không đủ để thanh toán toàn bộ nghĩa vụ của Bên được cấp tín dụng đối với BAOVIET Bank, Bên được cấp tín dụng tiếp tục trả nợ bằng các nguồn tài chính khác và Bên thế chấp phối hợp với Bên được cấp tín dụng thực hiện nghĩa vụ này;
- l) Tạo mọi điều kiện thuận lợi cho BAOVIET Bank kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất tài sản thế chấp; thông báo kịp thời cho BAOVIET Bank những thay đổi, biến động nào liên quan và/ hoặc có khả năng ảnh hưởng đến Tài sản thế chấp;
- m) Có nghĩa vụ bảo dưỡng, bảo trì toàn bộ hoặc bất cứ phần nào của Tài sản thế chấp để bảo đảm Tài sản thế chấp luôn ở trong tình trạng hoạt động/sử dụng tốt và áp dụng các biện pháp cần thiết để khắc phục, kể cả việc ngừng khai thác công dụng của Tài sản thế chấp nếu việc tiếp tục khai thác Tài sản thế chấp có thể làm cho Tài sản thế chấp có nguy cơ bị mất hoặc giảm sút giá trị. Trong trường hợp Tài sản thế chấp bị mất hoặc giảm sút giá trị, Bên thế chấp và/ hoặc Bên được cấp tín dụng (trong trường hợp này Bên thế chấp có nghĩa vụ thông tin và yêu cầu Bên được cấp tín dụng thực hiện) phải sửa chữa, khôi phục giá trị, bổ sung Tài sản thế chấp, thay thế biện pháp bảo đảm khác được BAOVIET Bank chấp thuận hoặc trả nợ trước hạn;
- n) Bên thế chấp và/ hoặc Bên được cấp tín dụng (trong trường hợp này Bên thế chấp có nghĩa vụ thông tin và yêu cầu Bên được cấp tín dụng thực hiện) thực hiện nghĩa vụ mua bảo hiểm cho Tài sản thế chấp theo quy định của Pháp luật hoặc theo yêu cầu của BAOVIET Bank (nếu có) và chuyển quyền thụ hưởng cho BAOVIET Bank, chi phí do Bên Thế chấp và/ hoặc Bên được cấp tín dụng (trong trường hợp này Bên thế chấp có nghĩa vụ thông tin và yêu cầu Bên được cấp tín dụng thực hiện) chịu.
- o) Trường hợp Bên thế chấp tổ chức lại Pháp nhân (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi), Bên thế chấp phải có nghĩa vụ thông báo cho BAOVIET Bank về việc tổ chức lại pháp nhân trước khi việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi được thực hiện.
- p) Trường hợp Bên thế chấp có nhiều người, thì tất cả các bên thế chấp phải cùng liên đới thực hiện nghĩa vụ theo quy định của Hợp đồng này. Không phụ thuộc vào bất kỳ quy định hay thỏa thuận nào giữa các bên thế chấp, BAOVIET Bank có quyền yêu cầu bất cứ ai trong số những người thuộc Bên thế chấp phải liên đới thực hiện toàn bộ nghĩa vụ.
- q) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Hợp đồng này, quy định của BAOVIET Bank và quy định của Pháp luật.

2. BAOVIET Bank có các quyền và nghĩa vụ dưới đây:

- a) Được Bên thế chấp cung cấp các thông tin, thực trạng đối với tài sản thế chấp và giám sát, kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất tài sản thế chấp;
- b) Lưu trữ các Hồ sơ tài sản thế chấp;
- c) Được yêu cầu Bên thế chấp thực hiện các thủ tục bảo đảm theo quy định của Pháp luật và theo quy định của BAOVIET Bank;
- d) Trong trường hợp BAOVIET Bank nhận thấy Tài sản thế chấp có nguy cơ bị hủy hoại hoặc giảm sút giá trị, BAOVIET Bank có quyền yêu cầu Bên thế chấp/ Bên thứ ba phải ngừng việc sử dụng tài sản thế chấp, áp dụng các biện pháp cần thiết để khắc phục và/ hoặc yêu cầu Bên thế chấp và/ hoặc Bên được cấp tín dụng thay thế bằng các biện pháp bảo đảm khác. Nếu bên thế chấp/ Bên thứ ba và/ hoặc Bên được cấp tín dụng không thực hiện việc khắc phục và/ hoặc thay thế các biện pháp bảo đảm khác trong thời hạn theo thông báo của BAOVIET Bank, BAOVIET Bank thực hiện việc thu hồi nợ trước hạn;

Mã: 022/2020/BĐC-TĐ-VNPTT-BVH

- e) Có quyền xử lý Tài sản thế chấp để thu nợ theo thỏa thuận tại Hợp đồng này;
- f) Được quyền ủy quyền cho bên thứ ba xử lý Tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo đúng quy định của Pháp luật, quy định của BAOVIET Bank;
- g) Được quyền thụ hưởng số tiền bồi thường bảo hiểm trực tiếp từ cơ quan, tổ chức kinh doanh bảo hiểm để thu nợ;
- h) Thực hiện bảo quản an toàn Hồ sơ Tài sản thế chấp;
- i) Hoàn trả Hồ sơ bản chính (bản gốc) liên quan đến Tài sản thế chấp cho Bên thế chấp/người được Bên thế chấp ủy quyền bằng văn bản sau khi Bên thế chấp đã thực hiện xong tất cả các nghĩa vụ bảo đảm và hoàn tất thủ tục giải chấp với BAOVIET Bank. Trường hợp Bên thế chấp gồm nhiều người (nếu có), BAOVIET Bank có quyền trả lại giấy tờ cho bất kỳ người nào trong số những người thuộc Bên thế chấp, những người còn lại cam kết không có bất kỳ khiếu nại, tranh chấp, khiếu kiện gì. Trường hợp trong thời hạn thế chấp mà Bên thế chấp chuyển nhượng, nhận đặt cọc để chuyển nhượng hoặc thực hiện các thỏa thuận, giao dịch tương tự nhằm mục đích chuyển nhượng Tài sản thế chấp cho tổ chức, cá nhân khác khi chưa được sự đồng ý bằng văn bản của BAOVIET Bank thì BAOVIET Bank có quyền bàn giao các Giấy tờ về Tài sản thế chấp cho tổ chức, cá nhân này sau khi các tổ chức, cá nhân đó thanh toán các khoản nợ của Bên thế chấp; Bên thế chấp không có bất kỳ khiếu nại, tranh chấp, khiếu kiện gì với BAOVIET Bank
- j) Yêu cầu bên thế chấp, bên giữ tài sản thế chấp giao tài sản thế chấp kèm theo đầy đủ giấy tờ, hồ sơ pháp lý của Tài sản thế chấp để xử lý theo thỏa thuận tại Hợp đồng thế chấp và các quy định của Pháp luật về giao dịch bảo đảm. Trường hợp bên thế chấp, bên giữ tài sản thế chấp không giao tài sản cho BAOVIET Bank để xử lý thì BAOVIET Bank được quyền thu giữ tài sản thế chấp theo quy định của Pháp luật;
- k) Các quyền và nghĩa vụ theo thỏa thuận tại Hợp đồng này, quy định của BAOVIET Bank và quy định của Pháp luật.

Điều 6. Xử lý Tài sản thế chấp

1. Trường hợp xử lý tài sản thế chấp:
 - a. Khi đến hạn thực hiện một trong các nghĩa vụ được bảo đảm mà Bên được cấp tín dụng không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đủ hoặc vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo các thỏa thuận/hợp đồng cấp tín dụng đã ký với BAOVIET Bank;
 - b. Bên thế chấp và/ hoặc Bên được cấp tín dụng vi phạm bất kỳ cam kết, nghĩa vụ nào theo quy định tại Hợp đồng này, các thỏa thuận/ hợp đồng cấp tín dụng và các văn bản liên quan đã ký với BAOVIET Bank;
 - c. Khi Tài sản thế chấp bị giảm giá trị mà Bên thế chấp và/ hoặc Bên được cấp tín dụng không thực hiện khôi phục, bổ sung, thay thế được tài sản khác và không thực hiện giảm nghĩa vụ trả nợ tương ứng với phần giá trị tài sản bị giảm sút theo yêu cầu của BAOVIET Bank;
 - d. Xảy ra các sự kiện mà BAOVIET Bank đánh giá là gây ảnh hưởng hoặc có khả năng gây ảnh hưởng đến Tài sản thế chấp;
 - e. Các trường hợp pháp luật quy định tài sản phải được xử lý để Bên thế chấp thực hiện nghĩa vụ khác đã đến hạn;
 - f. Các trường hợp khác do các bên thỏa thuận bằng văn bản.
2. Phương thức xử lý tài sản: thực hiện theo quy định của pháp luật và quy định BAOVIET Bank.
3. Trong thời hạn không quá 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày đến hạn thực hiện nghĩa vụ trả nợ mà các bên không thực hiện được việc xử lý nợ hoặc không có phản hồi về việc xử lý Tài sản thế chấp thì bằng hợp đồng này, Bên thế chấp ủy quyền không hủy ngang, không hạn

Mẫu 02.2.2020 BDC.TD.VPCTT-BV.B

chợ thời gian cho BAOVIET Bank đại diện cho Bên thế chấp thực hiện các công việc sau, từ không cần có thêm bất kỳ thỏa thuận, văn bản ủy quyền nào khác của Bên thế chấp.

- a. Lựa chọn phương thức bán Tài sản.
- b. Quyết định giá bán tài sản.
- c. Thay mặt Bên thế chấp lập, ký tên trên các văn bản, giấy tờ, tài liệu, hợp đồng liên quan tới Tài sản thế chấp và việc bán Tài sản thế chấp với các cá nhân, tổ chức liên quan...
4. Mọi chi phí phát sinh trong quá trình xử lý Tài sản thế chấp sẽ do Bên thế chấp chịu trách nhiệm thanh toán.
5. Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp sau khi trừ đi chi phí xử lý tài sản thế chấp sẽ được thực hiện thanh toán cho nghĩa vụ của Bên được cấp tín dụng tại BAOVIET Bank theo thu tự ưu tiên được thông nhất lại Thỏa thuận cấp tín dụng. Bên thế chấp được quyền nhận lại số tiền còn dư sau khi thanh toán đủ các nghĩa vụ được bảo đảm với BAOVIET Bank.

Trong trường hợp, số tiền thu được từ việc xử lý tài sản không đủ để thanh toán cho các nghĩa vụ của Bên được cấp tín dụng tại BAOVIET Bank thì Bên được cấp tín dụng phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

6. Bằng hợp đồng này, Bên thế chấp tự nguyện từ bỏ mọi quyền khiếu nại, khiếu kiện BAOVIET Bank đối với việc thực hiện xử lý tài sản theo các nội dung thỏa thuận giữa các bên như nêu tại khoản 3 Điều này. Mọi vấn đề liên quan đến việc xử lý Tài sản thế chấp trong trường hợp quy định tại Điều này BAOVIET Bank có toàn quyền thực hiện.

Bên thế chấp tự nguyện chấp thuận việc BAOVIET Bank toàn quyền quyết định và chủ động lựa chọn tài sản xử lý.

7. Trường hợp các nghĩa vụ của Bên được cấp tín dụng nêu tại Điều 1 Hợp đồng này được bảo đảm bằng nhiều tài sản của một hoặc nhiều chủ tài sản khác nhau, các bên thỏa thuận rằng: (i) khi Bên được cấp tín dụng còn bất kỳ nghĩa vụ nào đối với BAOVIET Bank, BAOVIET Bank có quyền quyết định giữ lại tất cả các tài sản này, hoặc giải chấp một, một số tài sản trong số các Tài sản thế chấp tương ứng với phần nghĩa vụ đã giảm đi; (ii) Khi xử lý tài sản để thu hồi nợ, BAOVIET Bank có quyền tự mình hoặc đề nghị cơ quan chức năng xử lý tài sản thế chấp nêu tại Điều 2 Hợp đồng này hoặc bất kỳ tài sản nào để thu hồi nợ, không nhất thiết phải xử lý tất cả các tài sản.

Điều 7. Luật điều chỉnh và Giải quyết tranh chấp

1. Hợp đồng này được điều chỉnh và giải thích theo quy định của pháp luật Việt Nam.
2. Trong trường hợp phát sinh tranh chấp từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này, các bên tiến hành thương lượng để giải quyết trên tinh thần thiện chí, tôn trọng các quyền và lợi ích hợp pháp của nhau.

Trường hợp thương lượng không thành thì một bên/các bên có quyền khởi kiện ra Tòa án có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Thỏa thuận khác

1. Bên thế chấp cam đoan những thông tin về pháp nhân và Tài sản thế chấp đã ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật và tại thời điểm ký Hợp đồng này, Tài sản thế chấp:
 - a) Được phép thế chấp theo quy định của Pháp luật;
 - b) Thuộc quyền sử dụng/sở hữu hợp pháp của riêng Bên thế chấp, không có bất kỳ sự tranh chấp, khiếu nại, khiếu kiện nào;
 - c) Chưa được chuyển nhượng, góp vốn, trao đổi, thế chấp, tặng cho bên nào khác dưới bất kỳ hình thức nào hoặc dùng để bảo đảm cho bất kỳ nghĩa vụ dân sự nào;

Mẫu 02/2020/006/TT-VPH. TT-BVH

- d) Không bị kê biên để bảo đảm thi hành án hoặc có bất kỳ quyết định nào của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hạn chế quyền định đoạt của Bên thế chấp;
- e) Không có giấy tờ nào khác ngoài giấy tờ nêu tại Điều 2 của Hợp đồng này.
2. Các bên cam kết:
- a) Việc giao kết Hợp đồng này là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, lừa dối, đe dọa, nhầm lẫn;
- b) Thực hiện đúng và đầy đủ các thoả thuận trong Hợp đồng này;
- c) Đã hiểu rõ quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp của mình và hậu quả pháp lý của việc giao kết Hợp đồng này và đã hoàn thành các thủ tục pháp lý nội bộ cần thiết để ký kết và thực hiện Hợp đồng này.
3. Trường hợp Bên thế chấp tổ chức lại pháp nhân (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi) khi Hợp đồng này vẫn còn thời hạn thực hiện thì các bên không phải ký kết lại Hợp đồng, chỉ cần lập văn bản ghi nhận về việc thay đổi Bên thế chấp và phải đăng ký thay đổi nội dung biện pháp bảo đảm theo quy định pháp luật (nếu có).
4. Những vấn đề chưa được thoả thuận trong Hợp đồng này sẽ được thực hiện theo quy định của Pháp luật.
5. Các nội dung khác: Không

Điều 9. Hiệu lực của hợp đồng

1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ thời điểm ký.
2. Các Hợp đồng, phụ lục hợp đồng hoặc văn bản, tài liệu, giấy tờ được các bên thống nhất sửa đổi, bổ sung, thay thế một phần hoặc toàn bộ Hợp đồng này hoặc liên quan đến Hợp đồng này là bộ phận kèm theo và có giá trị pháp lý theo Hợp đồng.
3. Trong trường hợp do có sự thay đổi về luật pháp, quy định hiện hành làm cho việc thế chấp tài sản đối với một hoặc một số tài sản nêu tại Điều 2 Hợp đồng này hoặc bất kỳ điều khoản nào trong Hợp đồng này vô hiệu, thì Hợp đồng này vẫn có hiệu lực với những tài sản, điều khoản còn lại.
4. Trường hợp Bản án, quyết định của tổ chức, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền khẳng định Hợp đồng này bị vô hiệu về hình thức, thủ tục thực hiện thì các nội dung đã được thoả thuận thống nhất theo Hợp đồng này vẫn có hiệu lực giữa các bên.
5. Hợp đồng này chỉ chấm dứt hiệu lực theo một trong các trường hợp dưới đây và các bên hoàn tất thủ tục giải chấp Tài sản thế chấp theo quy định của BAOVIET Bank, quy định của pháp luật:
- a) Bên thế chấp và Bên được cấp tín dụng đã hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ được bảo đảm theo quy định tại Hợp đồng này;
- b) Các bên thoả thuận nghĩa vụ được bảo đảm theo Hợp đồng này được bảo đảm bằng biện pháp bảo đảm khác;
- c) Tài sản thế chấp được xử lý để thu hồi nợ theo quy định của Hợp đồng này hoặc theo quy định pháp luật.
- d) Các trường hợp khác do các bên thoả thuận hoặc theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Điều khoản thi hành

1. Các bên tuân thủ và thực hiện theo nội dung đã thoả thuận tại Hợp đồng này;



2. Hợp đồng này được lập thành 05 (Năm) bản gốc, có giá trị pháp lý như nhau, Bên BAOVIET Bank giữ 02 (Hai) bản, Bên thế chấp giữ 01 (Một) bản, Tổ chức hành nghề công chứng giữ 01 (Một) bản; gửi Cơ quan đăng ký giao dịch bảo đảm 01 (Một) bản.

BÊN NHẬN THẾ CHẤP



GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM KINH DOANH
LÊ QUANG HUY

BÊN THẾ CHẤP



TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Tuyết Mai

LỜI CHỨNG CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN

Hôm nay, ngày 19 tháng 10 năm 2021 (Ngày mười chín, tháng mười, năm hai nghìn không trăm hai mươi một), tại Văn phòng công chứng Phan Xuân, địa chỉ: Số 196 Lê Duẩn, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội - Tôi **Phan Thị Thúy Nga**, Công chứng viên, trong phạm vi trách nhiệm của mình theo quy định của pháp luật,

CHỨNG NHẬN:

Hợp đồng thế chấp Tài sản này được giao kết giữa:

Bên thế chấp: CÔNG TY TNHH VẬN TÀI THỦY BỘ HẢI HÀ

Địa chỉ trụ sở: Số nhà 132, tổ dân phố số 6, thị trấn Diêm Điền, Huyện Thái Thụy, Tỉnh Thái Bình

Địa chỉ thông tin, liên lạc: Số nhà 132, tổ dân phố số 6, thị trấn Diêm Điền, Huyện Thái Thụy, Tỉnh Thái Bình

Mã số doanh nghiệp: 1000336805 do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Thái Bình cấp lần đầu ngày 08/09/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 22 ngày 30/12/2020

Người đại diện: Bà Trần Tuyết Mai; Chức vụ: Tổng Giám đốc là đại diện theo Biên bản họp Hội đồng thành viên số: 01/2021/BBHĐTV ngày 15/9/2021 của Công ty TNHH Vận tài Thủy bộ Hải Hà.

Bên nhận thế chấp: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẢO VIỆT (BAOVIET Bank)

Mã số doanh nghiệp: 0103126572 do Phòng Đăng ký kinh doanh số 01 Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 24 tháng 12 năm 2008; đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 24 tháng 11 năm 2017.

Địa chỉ: Tầng 1 và Tầng 5, tòa nhà Corner Stone, số 16 Phan Chu Trinh, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội.

Người đại diện: Ông Lê Quang Huy, chức vụ: Giám đốc Trung tâm Kinh doanh đại diện theo ủy quyền.

(Ông Lê Quang Huy, sinh năm 1990, CCCD số 001090035168 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 16/07/2020)

- Các bên đã tự nguyện giao kết Hợp đồng này;
- Tại thời điểm ký vào Hợp đồng này, các bên giao kết có năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật;
- Các bên giao kết cam đoan chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, tính hợp pháp của các giấy tờ đã cung cấp liên quan đến việc giao kết Hợp đồng này;
- Mục đích, nội dung của Hợp đồng không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội;
- Bên nhận thế chấp đã làm thủ tục đăng ký chữ ký, mẫu dấu và đã ký trước vào Hợp đồng này. Công chứng viên đã đối chiếu chữ ký, mẫu dấu trên Hợp đồng và nhận thấy trùng khớp với mẫu chữ ký, mẫu dấu đã đăng ký tại Văn phòng công chứng Phan Xuân, thành phố Hà Nội;
- Đại diện Bên thế chấp đã tự đọc lại, đồng ý toàn bộ nội dung và ký vào từng trang và đóng dấu vào Hợp đồng này trước mặt tôi; chữ ký và con dấu trong Hợp đồng đúng là chữ ký và con dấu của Bên Thế Chấp nêu trên;
- Văn bản công chứng này được lập thành 05 (năm) bản chính, mỗi bản chính gồm 11 (mười một) tờ, 11 (mười một) trang, có giá trị pháp lý như nhau; người yêu cầu công chứng giữ 04 (bốn) bản, 01 (một) bản chính lưu tại Văn phòng công chứng Phan Xuân, thành phố Hà Nội.

Số công chứng: 5154.2021/HĐTC



CÔNG CHỨNG VIÊN

Phan Thị Thúy Nga

Số 9368/2023/QĐ-BVB

Hà Nội, ngày 10 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về Thu giữ tài sản bảo đảm để trả nợ vay

TỔNG GIÁM ĐỐC

- Căn cứ Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Nghị định 21/2021/NĐ-CP ngày 19/03/2021 về Quy định thi hành bộ luật Dân sự về đảm bảo thực hiện nghĩa vụ;
- Căn cứ Thông tịch số 16/2014/TTLT-BTP-BTNMT-NHNN ngày 06/6/2014 của Bộ Tư pháp, Bộ Tài nguyên và Môi trường và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn một số vấn đề về xử lý tài sản bảo đảm;
- Căn cứ Hợp đồng Tín dụng nguyên tắc số 0003-2022-HĐTD1-BVB007 ngày 09/11/2022 giữa Ngân hàng TMCP BAOVIET và Công ty CP sản xuất thương mại dịch vụ vận tải Ngọc Mai;
- Căn cứ Hợp đồng Tín dụng số 0066-2022-HĐTD1-BVB007 ngày 09/11/2022 giữa BAOVIET và Công ty CP sản xuất thương mại dịch vụ vận tải Ngọc Mai;
- Căn cứ Hợp đồng thế chấp số: 0050/2021/HĐTC/BVB-007 ký ngày 19/10/2021 ký giữa Ngân hàng TMCP Bảo Việt và Công ty TNHH Vận tải thủy bộ Hải Hà, số công chứng 5154.2021/HĐTC tại Văn phòng Công chứng Phan Xuân.
- Căn cứ phê duyệt của Cấp thẩm quyền BAOVIET Bank số 7571/2023/TB-HĐXLRR ngày 15/09/2023.

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1.** Thu giữ tài sản bảo đảm là:

1.1. Tài sản thu giữ: 01 Tàu chở hàng rời có tên là TM HẢI HÀ 988. Số hiệu/Số IMO: 3WFZ9/9331751. Thuộc sở hữu của Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Hải Hà có địa chỉ tại Số nhà 132, tổ dân phố số 6, thị trấn Diêm Điền, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

1.2. Thời gian thu giữ: từ ngày 13/11/2023 đến khi hoàn tất việc xử lý tài sản.

1.3. Địa điểm thu giữ: tại cảng thuộc lãnh thổ Việt Nam.

1.4. Lý do thu giữ: Xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo thỏa thuận trong Hợp đồng thế chấp và theo Nghị định 21/2021/NĐ-CP ngày 19/03/2021.

Điều 2. Giao cho ĐVKD/Phòng Xử lý nợ - Khối QLRR, hoàn thiện các thủ tục và thực hiện việc thu giữ tài sản nêu trên theo đúng trình tự pháp luật quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Phòng ĐVKD/Phòng Xử lý nợ - Khối QLRR, các đơn vị và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- HĐQT (để báo cáo);
- Lưu XLN, VT.

NGÂN HÀNG TMCP BẢO VIỆT
TỔNG GIÁM ĐỐC**CÁO NAM GIANG**



Số: 156/2023/TB-BVB

Hà Nội, ngày 10 tháng 11 năm 2023

THÔNG BÁO

V/v: Thu giữ và xử lý tài sản thế chấp

- Kính gửi:
- UBND huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
 - Công an huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
 - Công ty TNHH Vận tải Thủy Bộ Hải Hà
 - Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch Vụ Vận tải Ngọc Mai
 - Chi Cục Hàng Hải Việt Nam tại TP Hải Phòng
- Căn cứ Bộ luật Dân sự năm 2015;
 - Căn cứ Nghị định 21/2021/NĐ-CP ngày 19/03/2021 về Quy định thi hành bộ luật Dân sự về đảm bảo thực hiện nghĩa vụ;
 - Căn cứ Thông tịch số 16/2014/TTLT-BTP-BTNMT-NHNN ngày 06/6/2014 của Bộ Tư pháp, Bộ Tài nguyên và Môi trường và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn một số vấn đề về xử lý tài sản đảm bảo;
 - Căn cứ Hợp đồng Tín dụng nguyên tắc số 0003-2022-HĐTD1-BVB007 ngày 09/11/2022 giữa Ngân hàng TMCP BAOVIET và Công ty CP sản xuất thương mại dịch vụ vận tải Ngọc Mai;
 - Căn cứ Hợp đồng Tín dụng số 0066-2022-HĐTD1-BVB007 ngày 09/11/2022 giữa BAOVIET và Công ty CP sản xuất thương mại dịch vụ vận tải Ngọc Mai;
 - Căn cứ Hợp đồng thế chấp số: 0050/2021/HĐTC/BVB-007 ký ngày 19/10/2021 ký giữa Ngân hàng TMCP Bảo Việt và Công ty TNHH Vận tải thủy bộ Hải Hà, số công chứng 5154.2021/HĐTC tại Văn phòng Công chứng Phan Xuân;
 - Căn cứ các Biên bản đã làm việc giữa các bên và thông báo nợ quá hạn của ngân hàng.

Ngân hàng TMCP Bảo Việt (BAOVIET Bank) đa cho Công ty Cổ phần sản xuất thương mại dịch vụ vận tải Ngọc Mai (Công ty Ngọc Mai) vay vốn để thực hiện phương án kinh doanh. Tuy nhiên đến thời điểm hiện tại, khoản vay của Công ty Ngọc Mai tại BAOVIET Bank đã bị quá hạn, BAOVIET Bank đã yêu cầu Công ty Ngọc Mai thực hiện nghĩa vụ trả nợ và Công ty Vận tải thủy bộ Hải Hà (bên thế chấp tài sản) tự nguyện bàn giao tài sản tuy nhiên Công ty Hải Hà không tự nguyện bàn giao tài sản. Do đó, BAOVIET Bank phải tiến hành thu giữ TSDB để xử lý.

Vì vậy, bằng văn bản này, BAOVIET Bank xin thông báo tới Quý Công ty và các Quý Cơ quan các nội dung sau:

1. Nghĩa vụ nợ bị quá hạn:

Tổng dư nợ của Công ty Ngọc Mai tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt – Trung tâm kinh doanh tính đến ngày 15/08/2023 là: 331,669,727,454 đồng VNĐ (Bằng chữ: Ba trăm ba mươi mốt

(tức sáu trăm sáu mươi chín triệu, bảy trăm hai mươi bảy nghìn, bốn trăm năm mươi bốn đồng), trong đó:

- Nợ gốc quá hạn : 298,400,000,000 đồng
- Nợ lãi trong hạn : 7,530,720,871 đồng
- Nợ lãi quá hạn : 25,356,561,232 đồng
- Lãi chậm trả : 382,445,351 đồng

2. Tài sản bảo đảm phải thu giữ:

01 Tàu chở hàng rời có tên là TM HẢI HÀ 988. Số hiệu/Số IMO: 3WFZ9/9331751. Thuộc sở hữu của Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Hải Hà có địa chỉ tại Số nhà 132, tổ dân phố số 6, thị trấn Diêm Điền, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

Cụ thể như sau:

- Tên tàu biển : TM Hải Hà 988
- Hồ hiệu/Số IMO : 3WFZ9/9331751
- Loại tàu : M. Tàu chở hàng rời.
- Nơi đăng ký : Hải Phòng.
- Quốc tịch : Việt Nam.
- Năm đóng : 2012
- Tổ chức đăng kiểm : VR + DNV.
- Tên chủ tàu : CÔNG TY TNHH VẬN TẢI THỦY BỘ HẢI HÀ.
- Địa chỉ : Số nhà 128, tổ dân phố số 6, thị trấn Diêm Điền, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

Được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 5154.2021/HĐTC ngày 19/10/2021 giữa BAOVIET Bank và Công ty TNHH VẬN TẢI THỦY BỘ HẢI HÀ, công chứng bởi công chứng viên Phan thị Thúy Nga, tại Văn Phòng công chứng Phan Xuân, số 196 Lê Duẩn, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, số công chứng 5154.2021/HĐTC (Sau đây gọi là Hợp đồng thế chấp tàu biển). Tàu đã được đăng ký thế chấp theo đúng quy định theo Giấy chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu biển số 104.21/ĐKTC.HP/2021 ngày 19/10/2021 do Chi cục Hàng Hải Việt Nam tại TP Hải Phòng cấp.

3. Lý do thu giữ: Xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo thỏa thuận trong Hợp đồng thế chấp và theo Nghị định 21/2021/NĐ-CP ngày 19/03/2021.
4. Thời gian thu giữ tài sản bảo đảm: Vào lúc 10h ngày 13/11/2023 cho đến khi hoàn tất việc xử lý tài sản bảo đảm.
5. Địa điểm thu giữ: Khu neo Gò Gia thuộc Cảng vụ Thành phố Hồ Chí Minh.
6. Thời hạn thu giữ: kể từ thời điểm thu giữ cho đến khi tài sản bảo đảm được xử lý, bán trực tiếp hoặc bán đấu giá hoàn thành để Ngân hàng TMCP Bảo Việt – Trung tâm kinh doanh, thu hồi nợ hoặc đến khi Công ty Ngọc Mai hoàn thành nghĩa vụ trả nợ vay.

7. Giá xử lý tài sản bảo đảm: Do Ngân hàng TMCP Bảo Việt quyết định
8. Phương thức xử lý: Bán trực tiếp hoặc Bán đấu giá
9. Mọi vấn đề xin liên hệ: Ông Trần Xuân Hưng - CV XLN-ĐT: 0989.96.4499, Ông Phạm Tuấn Cường - PTP Kinh doanh ĐT: 0969.71.5775, Ngân hàng TMCP Bảo Việt, địa chỉ: Tầng 5, số 16 Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội.

Trên đây là nội dung thông báo của BAOVIET Bank, đề nghị Công ty Cổ phần sản xuất thương mại dịch vụ vận tải Ngọc Mai và Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Hải Hà nghiêm túc thực hiện và phối hợp với BAOVIET Bank.

Trong quá trình triển khai thực hiện, BAOVIET Bank thông báo và kính mong các Chính quyền địa phương và các bên liên quan hỗ trợ phối hợp thực hiện để thủ tục thu giữ bảo đảm của BAOVIET BANK được thuận lợi và đạt kết quả.

Trân trọng thông báo!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Website BAOVIET Bank;
- Lưu TTKD, XLN, VT.

(Handwritten mark)

NGÂN HÀNG TMCP BẢO VIỆT

Đại diện theo ủy quyền



NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG

Giám đốc Khối QLRR



Hà Nội, ngày 15 tháng 11 năm 2024

THỎA THUẬN VỀ VIỆC BÀN GIAO, XỬ LÝ TÀI SẢN

- Căn cứ Bộ luật dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;
- Căn cứ Hợp đồng tín dụng nguyên tắc số 0003-2022-HĐTD1-BVB007 ngày 09/11/2022 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP BAOVIET (BAOVIET Bank) và Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại dịch vụ vận tải Ngọc Mai (Công ty Ngọc Mai);
- Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 0066-2022-HĐTD1-BVB007 ngày 09/11/2022 được ký kết giữa BAOVIET Bank và Công ty Ngọc Mai;
- Căn cứ Hợp đồng thế chấp số 0050/2021/HĐTC/BAOVIET BANK-007 ngày 19/10/2021 được công chứng tại Phòng công chứng Phan Xuân địa chỉ số 196 Lê Duẩn, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội, số công chứng 5154.2021/HĐTC giữa BAOVIET Bank và Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Hải Hà;
- Căn cứ thực tế xử lý khoản nợ quá hạn của Công ty Ngọc Mai tại BAOVIET Bank

Hôm nay, ngày 15 tháng 11 năm 2024, tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt

chúng tôi gồm:

A. BÊN NHẬN BÀN GIAO TÀI SẢN:**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẢO VIỆT – TRUNG TÂM KINH DOANH**

Địa chỉ: Tầng 1 và Tầng 6, Tòa nhà Corner Stone, Số 16, đường Phan Chu Trinh, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Việt Nam.

Mã số doanh nghiệp: 0103126572 do Phòng Đăng ký kinh doanh số 01 Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 24/12/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 19/08/2021.

Người đại diện: Ông Lê Quang Huy – Chức vụ: Giám đốc Trung tâm kinh doanh

(Theo văn bản ủy quyền số)

(Sau đây gọi là Bên nhận bàn giao tài sản hoặc BAOVIET Bank).

B. BÊN BẢO ĐẢM/BÊN BÀN GIAO TÀI SẢN: CÔNG TY TNHH VẬN TẢI THỦY BỘ HẢI HÀ

Địa chỉ: Số nhà 132, tổ dân phố số 6, thị trấn Diêm Điền, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

Mã số doanh nghiệp: 1000336805 do phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Thái Bình cấp lần đầu ngày 08/09/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 28 ngày 25/10/2024.

Người đại diện: Ông Lê Văn Thân là Người đại diện theo pháp luật – Giám đốc Công ty TNHH Vận tải thủy bộ Hải Hà.

CCCD số 034064007819 cấp tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH ngày 16/3/2022.

(Sau đây gọi là Bên bảo đảm hoặc Công ty Hải Hà)

C. BÊN ĐƯỢC CẤP TÍN DỤNG/BÊN ĐƯỢC BẢO ĐẢM

2. Các giấy tờ của Tài sản:

- a. Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển số đăng ký HP – BUL-001191-6 do Cục Hàng hải Việt Nam tại thành phố hải Phòng cấp ngày 08/07/2021;
- b. Các bản sao hồ sơ đăng kiểm, toàn bộ các bản vẽ kỹ thuật tàu TM Hải Hà 988.
- c. Các hồ sơ bảo hiểm tàu TM Hải Hà 988.
- d. Các hồ sơ khác đi kèm của tài sản bảo đảm.
- e. Chứng nhận định biên an toàn tối thiểu, Giấy chứng nhận dung tích quốc tế (nếu có)

3. Mục đích bàn giao

Bên bảo đảm/Người đang giữ tài sản bảo đảm bàn giao tài sản bảo đảm và toàn bộ hồ sơ tài sản nêu trên cho BAOVIET Bank để thực hiện xử lý thu hồi khoản nợ (nợ gốc, lãi, lãi phạt, phí, nghĩa vụ tài chính khác...) của Công ty Ngọc Mai tại BAOVIET Bank theo Hợp đồng tín dụng đã ký giữa BAOVIET Bank với khách hàng.

II. QUYỀN CỦA BAOVIET BANK

Kể từ thời điểm nhận tài sản bảo đảm theo văn bản thỏa thuận này BAOVIET Bank được toàn quyền quyết định và lựa chọn một, một số hoặc tất cả các phương thức quản lý, xử lý tài sản bảo đảm theo quy định tại Hợp đồng thế chấp và Văn bản này để thu hồi khoản nợ Công ty Ngọc Mai, bao gồm nhưng không giới hạn các quyền sau :

1. Chủ động quyết định phương thức xử lý tài sản bảo đảm dưới đây:
 - a. Bán đấu giá tài sản theo quy định của pháp luật hoặc khi có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan đến vụ án của bà Trần Tuyết Mai;
 - b. Đại diện Bên bảo đảm tự bán tài sản theo quy định của pháp luật hoặc khi có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan đến vụ án của bà Trần Tuyết Mai;
 - c. Nhận chính tài sản để thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ của Bên bảo đảm;
 - d. Phương thức khác do BAOVIET Bank quyết định phù hợp quy định pháp luật.
2. Chủ động quyết định giá trị tài sản trong quá trình xử lý tài sản bảo đảm.
3. BAOVIET Bank được trực tiếp hoặc ủy quyền cho bên thứ ba (tổ chức bán đấu giá tài sản, cá nhân, tổ chức khác) xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật hoặc khi có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan đến vụ án của bà Trần Tuyết Mai.
4. BAOVIET Bank được trực tiếp khai thác hoặc ủy quyền/chi định một bên thứ ba có năng lực trực tiếp khai thác, sử dụng, quản lý Tài sản bảo đảm trong thời gian chờ xử lý tài sản bảo đảm; BAOVIET Bank được trực tiếp thu, nhận các khoản tiền, hoa lợi, lợi tức từ việc quản lý, khai thác Tài sản bảo đảm trong trường hợp này; toàn bộ số tiền thu được từ việc quản lý, khai thác Tài sản bảo đảm sẽ dùng để thu hồi nợ theo Hợp đồng tín dụng;

III. CAM KẾT CỦA BÊN BẢO ĐẢM

1. Không thực hiện bất kỳ hành động/gây ra bất kỳ sự cố nào ảnh hưởng đến tính đầy đủ nguyên vẹn và an toàn của tài sản bảo đảm hoặc thực hiện bất kỳ hành động cản trở nào làm ảnh hưởng đến quá trình xử lý tài sản bảo đảm. Chịu toàn bộ trách nhiệm và bồi thường thiệt hại gây ra cho BAOVIET Bank trong trường hợp vi phạm cam kết này.

2. Miễn trừ mọi trách nhiệm BAOVIET Bank đối với hỏng hóc, tổn thất, sụt giảm giá trị tài sản phát sinh do nguyên nhân hao mòn tự nhiên; vượt quá tuổi thiết bị hoặc lỗi hệ thống, máy móc, thiết bị; do thiên tai, tai nạn bất ngờ và các trường hợp bất khả kháng khác theo quy định pháp luật trong quá trình quản lý, xử lý tài sản bảo đảm.
3. BAOVIET Bank có quyền cử bảo vệ hoặc thuê bảo vệ của Bên thứ ba để trông giữ tài sản bảo đảm. Phí trông giữ tài sản do bên Bảo đảm thanh toán.
4. Đồng ý ủy quyền cho BAOVIET Bank đại diện cho bên bảo đảm quyết định mọi vấn đề và ký kết các văn bản giấy tờ tài liệu phát sinh và/ hoặc liên hệ với Cơ quan chức năng, các cá nhân/tổ chức có liên quan trong trường hợp BAOVIET Bank xử lý tài sản bảo đảm theo quy định tại Hợp đồng thế chấp và Mục II nêu trên.
5. Đồng ý ủy quyền cho BAOVIET Bank trực tiếp nhận tất cả các khoản tiền bán, chuyển nhượng, cho thuê, khai thác tài sản bảo đảm từ Bên thứ ba trong trường hợp quy định tại Mục II nêu trên.
6. Bảo đảm và cam kết rằng những người có nghĩa vụ, quyền lợi liên quan đến Tài sản bảo đảm (nếu có) đồng ý với việc bàn giao Tài sản bảo đảm này và đồng ý các nội dung do Bên bảo đảm thỏa thuận tại Văn bản này. BAOVIET Bank có quyết định xử lý tài sản bảo đảm vào bất cứ thời điểm nào sau ngày bàn giao tài sản bảo đảm theo Văn bản này.
7. Cam kết tạo mọi điều kiện thuận lợi để BAOVIET Bank xử lý tài sản bảo đảm theo Văn bản này. Đối với các văn bản, tài liệu, hồ sơ bắt buộc chủ tài sản phải ký đóng dấu thì Công ty Hải Hà phải có trách nhiệm tích cực trong thời gian sớm nhất ký đóng dấu các văn bản, tài liệu, hồ sơ này.
8. Trong thời hạn xử lý, nếu Tài sản bảo đảm bị thu hồi, bị buộc chuyển nhượng, chuyển đổi theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, Bên bảo đảm đồng ý rằng mọi khoản tiền và/hoặc tài sản được đền bù/bồi thường, hỗ trợ hoặc chuyển nhượng, chuyển đổi (nếu có) sẽ do BAOVIET Bank đại diện Bên Bảo đảm tiếp nhận từ cơ quan nhà nước có thẩm quyền/Bên chi trả (gọi tắt là “Bên chi trả tiền bồi thường”) và BAOVIET Bank được trực tiếp thu giữ và quản lý toàn bộ số tiền này để thu hồi nợ vay, đồng thời Bên bảo đảm ủy quyền cho BAOVIET Bank được yêu cầu Bên chi trả tiền bồi thường chi trả tiền bồi thường và/hoặc tài sản, hỗ trợ, chuyển đổi, chuyển nhượng (nếu có) trực tiếp thanh toán các khoản tiền hoặc giao tài sản cho BAOVIET Bank.
9. Không khiếu nại, khiếu kiện liên quan đến toàn bộ quá trình xử lý/bán Tài sản thế chấp được thực hiện bởi BAOVIET Bank và đồng thời miễn trừ cho BAOVIET Bank mọi khoản bồi thường thiệt hại và trách nhiệm (nếu có), trừ trường hợp có sự cố ý của BAOVIET Bank.

IV. XỬ LÝ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ VIỆC XỬ LÝ TÀI SẢN BẢO ĐẢM

Toàn bộ khoản tiền thu về được từ việc xử lý Tài sản bảo đảm (bao gồm cả hoạt động quản lý, khai thác, sử dụng tài sản trong thời gian chờ xử lý tài sản) được xử lý theo thứ tự quy định tại Hợp đồng thế chấp và Văn bản này, cụ thể xử lý như sau:

1. Các khoản chi phí cho việc bàn giao, thu hồi, cho thuê tài sản, quản lý, giữ gìn, sửa chữa, bảo quản Tài sản bảo đảm, định giá, bán, đấu giá tài sản bảo đảm và toàn bộ các chi phí khác liên quan đến xử lý Tài sản bảo đảm...;

2. Các khoản án phí, phí thi hành án (nếu có) trong trường hợp đang trong quá trình khởi kiện hoặc thi hành án mà Bên bảo đảm tự nguyện bàn giao tài sản bảo đảm cho BAOVIET Bank xử lý dẫn đến việc BAOVIET Bank phát rút đơn khởi kiện hoặc rút yêu cầu thi hành án;
3. Các khoản thuế, lệ phí liên quan đến bán, cho thuê Tài sản bảo đảm.
4. Thanh toán các nghĩa vụ theo Hợp đồng tín dụng mà Bên bảo đảm phải thực hiện đối với BAOVIET Bank theo thứ tự: Nợ gốc, lãi, phí, nợ lãi quá hạn, phạt, bồi thường thiệt hại (nếu có).
Trường hợp số tiền có được từ việc xử lý tài sản bảo đảm sau khi trừ đi chi phí theo khoản 1, khoản 2, khoản 3 mục này lớn hơn nghĩa vụ theo Hợp đồng tín dụng tại khoản 4 thì BAOVIET Bank trả cho Bên bảo đảm số tiền dư này (nếu còn) sau khi đã căn trừ nghĩa vụ bồi thường thiệt hại và các nghĩa vụ khác đến hạn của Bên bảo đảm đối với BAOVIET Bank (nếu có). Các bên thống nhất khoản tiền chênh lệch này là khoản tiền không phát sinh lãi và sẽ cùng thỏa thuận thống nhất phương thức hoàn trả.

V. CAM KẾT, XÁC NHẬN CỦA CÁC BÊN

1. Tài sản bảo đảm nói trên hoàn toàn thuộc quyền sở hữu hợp pháp, hiện không có tranh chấp, không bị kê biên, phong tỏa, cầm giữ hoặc có bất kỳ ràng buộc, hạn chế nào, Bên bảo đảm có toàn quyền sử dụng, định đoạt, sử dụng tài sản để cầm cố/thế chấp cho BAOVIET Bank;
2. Bên bảo đảm đã thực hiện bàn giao cho BAOVIET Bank đầy đủ Tài sản bảo đảm và Hồ sơ Tài sản bảo đảm như ghi nhận tại Mục I của Văn bản thỏa thuận này;
3. BAOVIET Bank chịu trách nhiệm làm việc với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đảm bảo việc xử lý tài sản bảo đảm theo nội dung Hợp đồng thế chấp đã ký và theo Thỏa thuận này tuân thủ quy định của pháp luật.
4. Văn bản thỏa thuận này có hiệu lực kể từ ngày ký và hết hiệu lực theo thỏa thuận của các bên hoặc cho đến khi BAOVIET Bank đã thực hiện xử lý xong tài sản bảo đảm hoặc Công ty Ngọc Mai/Công ty Hải Hà đã hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cho BAOVIET Bank.
Văn bản thỏa thuận này đã được các Bên đọc lại, công nhận ghi đúng sự thật và cùng ký tên xác nhận dưới đây.

Văn bản thỏa thuận này được lập thành 05 (năm) bản, có giá trị như nhau, BAOVIET Bank giữ 03 (ba) bản, Công ty Hải Hà giữ 01 (một) bản, Công ty Ngọc Mai giữ 01 (một) bản.



BÊN BÀN GIAO TÀI SẢN

Lê Văn Thân



BÊN ĐƯỢC BẢO ĐẢM

Lê Thị Huệ



BÊN NHẬN BÀN GIAO TÀI SẢN

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM KINH DOANH
LÊ QUANG HUY

CÔNG TY CP SẢN XUẤT THƯƠNG
MẠI DỊCH VỤ VẬN TẢI NGỌC MAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

0003-2022-HD-TĐ1-BVB007
09/11/2022 ký giữa Ngân hàng TMCP Bảo Việt và Công ty CP sản xuất thương mại dịch vụ vận tải Ngọc Mai.

Thái Bình, ngày 09 tháng 05 năm 2023

Kính gửi: Ngân hàng TMCP Bảo Việt

- Căn cứ Theo Hợp đồng Tín dụng số 0066-2022-HD-TĐ1-BVB007 ngày 09/11/2022 đã ký giữa Ngân hàng TMCP Bảo Việt và Công ty CP sản xuất thương mại dịch vụ vận tải Ngọc Mai.

- Căn cứ Theo Hợp đồng Tín dụng nguyên tắc số 0003-2022-HD-TĐ1-BVB007 ngày 09/11/2022 ký giữa Ngân hàng TMCP Bảo Việt và Công ty CP sản xuất thương mại dịch vụ vận tải Ngọc Mai.

- Căn cứ tình hình kinh doanh thực tế của Công ty Cổ phần Sản xuất thương mại dịch vụ vận tải Ngọc Mai.

Công ty CP sản xuất thương mại dịch vụ vận tải Ngọc Mai gửi lời chào trân trọng tới Quý Ngân hàng.

Hiện nay, kinh tế thị trường chung gặp khó khăn cũng như Công ty gặp khó khăn dẫn đến Công ty thua lỗ và không có khả năng trả nợ gốc và lãi khoản vay tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt. Sau khi Công ty TNHH VTTB Hải Hà (bên thế chấp) và Công ty CP SXTMDV Vận Tải Ngọc Mai (Bên được đảm bảo) bàn bạc và thống nhất nhượng bán tài sản đảm bảo là tàu vận chuyển "TM Hải Hà 988" để trả nợ một phần khoản nợ quá hạn tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt.

Công ty chúng tôi kính đề nghị Ngân hàng TMCP Bảo Việt bán tài sản đảm bảo là tàu "TM Hải Hà 988" để tất toán khoản vay.

Kính đề nghị quý Ngân hàng xem xét và hợp tác.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi

- Lưu văn thư



CHỦ TỊCH HĐQT

Đỗ Văn Thọ

BÊN ĐƯỢC ĐẢM BẢO



CHỦ TỊCH HĐQT

Lê Thị Huệ

Rất mong nhận được sự lưu tâm và hợp tác của Quý Khách.

Trân trọng!

Hà Nội, ngày 19 tháng 03 năm 2023

ĐẠI DIỆN BAOVIET Bank



GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM KINH DOANH
LÊ QUANG HUY

Số: 19.03/2023/TBNQH-HAIHA

THÔNG BÁO CHUYỂN NỢ QUÁ HẠN

Kính gửi: Công ty Cổ phần Sản xuất thương mại dịch vụ vận tải Ngọc Mai

BAOVIET Bank TTKD cảm ơn Quý khách đã sử dụng dịch vụ của ngân hàng chúng tôi trong thời gian qua.

Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 0066-2022-HĐTD1-BVB007 ký giữa BAOVIET Bank TTKD và Khách hàng Công ty Cổ phần Sản xuất thương mại dịch vụ vận tải Ngọc Mai ngày 09/11/2022, chúng tôi xin thông báo đến Khách hàng Công ty Cổ phần Sản xuất thương mại dịch vụ vận tải Ngọc Mai nội dung như sau:

1. Khoản vay của Quý khách hàng phải thanh toán:

- Số tiền phải thanh toán:
- + Gốc: 100.000.000.000 VND
- + Lãi trong hạn (IN): 364.383.562 VND
- Ngày thanh toán: 10/03/2023

Tuy nhiên đến nay khoản vay này vẫn chưa được thanh toán.

2. Ngân hàng chúng tôi buộc phải chuyển nợ quá hạn:

- Ngày chuyển nợ quá hạn dự kiến: 20/03/2023
- Số tiền và lãi suất áp dụng kể từ ngày chuyển nợ quá hạn như sau:

STT	KHOẢN NỢ QUÁ HẠN	SỐ TIỀN (VND)	LÃI SUẤT/PHẠT (%)	SỐ TIỀN LÃI PHẠT QUÁ HẠN/CHẠM TRẢ
01	Gốc	100.000.000.000	(13,3% x 150%)/năm	[]
02	Lãi trong hạn chậm trả	364.383.562	13,3%/năm	[]
03	Lãi quá hạn	998.311	10%	[]

Bằng công văn này, Ngân hàng chúng tôi xin thông báo cho Quý khách được biết và đề nghị Quý khách thanh toán toàn bộ nợ lãi, gốc quá hạn nêu trên chậm nhất ngày 20/03/2023 cùng lãi quá hạn phát sinh kèm theo; Nếu quá thời hạn nêu trên, nếu Quý khách không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, Ngân hàng chúng tôi sẽ tiến hành các thủ tục để thu hồi nợ theo Quy định của Ngân hàng và Pháp luật.

tiếp theo tối đa không quá 5% giá khởi điểm của phiên trước đó để tiếp tục bán đấu giá tài sản đến khi bán thành công.

8. Nếu phiên đấu giá thành công, giao Trung tâm kinh doanh đầu mỗi đàm phán, trình cấp Hội đồng quản trị phê duyệt và thực hiện thanh toán các chi phí phát sinh trong quá trình xử lý tài sản bảo đảm, bao gồm (nhưng không hạn chế): Lương thuyền viên, chi phí giải phóng tàu theo thông lệ, chi phí phát sinh trong quá trình neo đậu, bảo đảm an toàn cho tàu, chi phí thẩm định giá, bán đấu giá...
9. Số tiền thu được từ việc bán tàu sau khi thanh toán tất cả các chi phí phát sinh trong quá trình xử lý tài sản bảo đảm sẽ được hạch toán theo thứ tự: Nợ gốc -> Nợ lãi -> Nợ lãi quá hạn -> Nợ lãi chậm trả lại. Giao Trung tâm Xử lý nợ đầu mỗi trình Tổng Giám đốc thu nợ và giải chấp tài sản bảo đảm.
10. Trung tâm kinh doanh, Khối Quản lý tài chính, Trung tâm Tác nghiệp tín dụng và các bộ phận có liên quan hạch toán thu nợ, xuất hóa đơn theo quy định pháp luật, thanh toán các chi phí liên quan đến việc bán đấu giá, thực hiện hoàn ứng và giải chấp tài sản bảo đảm sau khi bán tài sản thành công.
11. Trung tâm Xử lý nợ phối hợp với Trung tâm kinh doanh thực hiện phương án theo phê duyệt của cấp có thẩm quyền và báo cáo các cấp lãnh đạo thông qua đầu mỗi là Trung tâm Xử lý nợ.

Trân trọng thông báo! *anh*

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS (để b/c);
- HĐQT;
- GĐĐH PT XLN; GĐ K. QLRR;
- Khối Quản lý tài chính;
- Trung tâm Tác nghiệp tín dụng;
- Trung tâm kinh doanh;
- Phó GĐ TTXLN; P.XLNI (để v/h);
- Lưu: VT; TT. XLN.

CHỦ TỊCH HĐQT *u*



PHẠM THỊ LỰA

Số: 1936 /2024/TB-HĐXLRR

Hà Nội, ngày 19 tháng 03 năm 2024

THÔNG BÁO

V/v: Phương án nhận bàn giao tàu Hải Hà 988 của Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Hải Hà để phục vụ công tác xử lý nợ khoản vay của khách hàng là Công ty Cổ phần Sản xuất thương mại dịch vụ Vận tải Ngọc Mai tại BAOVIET Bank – Trung tâm kinh doanh

- Căn cứ Tờ trình số: ...04.../2024/TT-TTXLN ngày 19.../03/2024 của Trung tâm XLN;
- Căn cứ Tờ trình số: ...02.../2024/TT-HĐXLRR ngày 19.../03/2024 của HĐXLRR;
- Căn cứ thông báo số: 1931.../2024/TB-HĐQT ngày 19.../03.../2024 của HĐQT;
- Căn cứ tình hình thực tế, khả năng trả nợ của Khách hàng.

Chủ tịch Hội đồng Xử lý rủi ro thông báo phê duyệt chấp thuận Phương án nhận bàn giao tàu Hải Hà 988 của Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Hải Hà để phục vụ công tác xử lý nợ khoản vay của khách hàng là Công ty Cổ phần Sản xuất thương mại dịch vụ Vận tải Ngọc Mai tại BAOVIET Bank – Trung tâm kinh doanh, cụ thể như sau:

1. Chấp thuận phương án nhận bàn giao tàu Hải Hà 988 để giữ tàu tại Việt Nam (nhận bàn giao đồng thuận theo quyết định thu giữ BAOVIET Bank đã ban hành hoặc bàn giao để BAOVIET Bank quản lý, khai thác và chủ động tìm đối tác bán) với các điều kiện của Công ty Hải Hà đã đưa ra tại công văn về việc bàn giao tàu: bao gồm chi phí neo đậu, trông giữ, chi phí bồi thường khi đơn phương chấm dứt hợp đồng với đối tác nước ngoài (nếu có) và chào bán với giá 12.500.000 USD.

2. Sau khi nhận bàn giao tàu để quản lý, khai thác hoặc bán, Trung tâm xử lý nợ tiếp tục khởi kiện Công ty Ngọc Mai để yêu cầu thanh toán nợ cho BAOVIET Bank song song với việc đàm phán lại với Công ty Hải Hà các điều kiện về chi phí liên quan cũng như giá bán theo đúng các nội dung tại Hợp đồng thế chấp và giá bán tàu phù hợp theo giá thị trường.

3. Giao Tổng Giám đốc trực tiếp chỉ đạo triển khai theo các nội dung phê duyệt trên, bao gồm nhưng không hạn chế các công việc sau:

- Phê duyệt lựa chọn phương án neo đậu, đơn vị trông coi tàu, thanh toán các chi phí phát sinh theo thực tế để duy trì an toàn tối thiểu cho tàu.
- Phê duyệt lựa chọn đơn vị có năng lực tiếp tục khai thác/cho thuê tàu để quản lý nguồn thu, bù đắp chi phí duy trì an toàn tối thiểu và thu nợ cho khoản vay của Công ty Ngọc Mai trong trường hợp BAOVIET Bank chưa bán được tàu.
- Phê duyệt lựa chọn đơn vị Định giá độc lập, Tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp để bán đấu giá tàu trong trường hợp BAOVIET Bank có thể thực hiện bán tài sản. Giao Tổng giám đốc được quyền phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá tàu không thấp hơn giá trị định giá còn hiệu lực của tổ chức định giá độc lập. Nếu phiên đấu giá không thành, giao Tổng giám đốc phê duyệt giảm giá khởi điểm phiên tiếp theo tối thiểu không quá 5% giá khởi điểm phiên trước đó cho đến khi bán được tàu.
- Phê duyệt lựa chọn đối tác mua tàu trực tiếp với giá bán tàu không thấp hơn giá trị định giá còn hiệu lực của tổ chức định giá độc lập.

4. Đơn vị kinh doanh, Trung tâm tác nghiệp tín dụng và Khối Quản lý tài chính có trách nhiệm phối hợp với Trung tâm Xử lý nợ để thực hiện theo các nội dung phê duyệt nêu trên.

5. Trong trường hợp các bên liên quan không hợp tác bàn giao tàu Hải Hà 988, Trung tâm xử lý nợ tiếp tục thực hiện phương án khởi kiện và các biện pháp khác nhằm để nghị cơ quan chức

năng ngăn chặn tàu trong lãnh thổ Việt Nam đồng thời xem xét tố cáo việc làm thất thoát TSĐB là hàng hóa tới CQĐT để xử lý theo quy định của Pháp luật.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- HDQT, BKS (để b/c)
- TTKD, TTXLN, GD Khối QLRR (để t/h)
- Lưu VT, p.XLN

CHỦ TỊCH HĐQT *vu*



Số: ~~7375~~ 7375 /2025/CV-BVB

-----*0*-----

V/v: Lựa chọn tổ chức đấu giá
tài sản bảo đảm

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2025

Kính gửi: Công ty Đấu giá Hợp danh OCD An Thuận Phát

Ngân hàng TMCP Bảo Việt (BAOVIET Bank) xin gửi lời chào trân trọng đến Quý Công ty.

Ngày 22/8/2025, BAOVIET Bank đã nhận được Thư báo giá dịch vụ số 98/2025/CV-OC DATP từ Quý Công ty đối với việc bán đấu giá tài sản là 01 Tàu chở hàng rời có tên là TM HẢI HÀ 988. Hồ hiệu/Số IMO: 3WFZ9/9331751. Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển số: HP-BUL-001190-6 do Chi cục Hàng hải Việt Nam tại TP. Hải Phòng cấp ngày 08/7/2021, thuộc sở hữu của Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Hải Hà (địa chỉ tại Số nhà 132, tổ dân phố số 6, thị trấn Diêm Điền, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình – Nay là xã Thái Thụy, tỉnh Hưng Yên). Giá khởi điểm của tài sản trên là 298,400,000,000 đồng (bằng chữ: Hai trăm chín mươi tám tỷ, bốn trăm triệu đồng), giá khởi điểm này đã bao gồm thuế Giá trị gia tăng.

Nhận thấy với năng lực, kinh nghiệm và sự uy tín trong công tác đấu giá tài sản của Quý Công ty đã đáp ứng đầy đủ các điều kiện của pháp luật cũng như yêu cầu về lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản của BAOVIET Bank.

Vậy bằng văn bản này, BAOVIET Bank trân trọng thông báo về việc đồng ý lựa chọn Quý Công ty là tổ chức đấu giá đối với tài sản nêu trên, đồng thời Ngân hàng chúng tôi cung cấp thông tin để Quý Công ty soạn thảo hợp đồng và xuất hóa đơn cụ thể như sau:

- Ngân hàng TMCP Bảo Việt
- Mã số thuế: 0103126572
- Địa chỉ: Tầng 1 và Tầng 5, tòa nhà Corner Stone, số 16 Phan Chu Trinh, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Các nội dung hợp đồng do BAOVIET Bank đề nghị:
 - Bước giá là 200,000,000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm triệu đồng);
 - Tiền đặt trước: 15% giá khởi điểm.

Mọi vấn đề xin liên hệ Trung tâm Xử lý nợ:

- Ông Trần Xuân Hưng – Phó trưởng Phòng Xử lý nợ 1; SĐT: 098 996 4499; Email: hung-tx2@baovietbank.vn.

+

- Ông Tạ Quang Anh – Chuyên viên Phòng Xử lý nợ 1; SĐT: 0988 575 964; Email: anh-tq@baovietbank.vn.
- Địa chỉ: Ngân hàng TMCP Bảo Việt, Tầng 9, Tòa nhà Pacific Place, Số 83B Lý Thường Kiệt, Phường Cửa Nam, TP. Hà Nội.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: TTXLN, VT.

NGÂN HÀNG TMCP BẢO VIỆT

Tổng Giám đốc



CAO NAM GIANG



①

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness



GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ

CERTIFICATE OF REGISTRY

Chi cục Hàng hải Việt Nam tại thành phố Hải Phòng chứng nhận tàu biển có các thông số dưới đây đã được đăng ký vào Sổ đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam:

Branch of VietNam Maritime Administration in Hai Phong City hereby certify that ship with the following particulars has been registered into The Viet Nam national ships registration book:

Tên: **TM HẢI HÀ 988**
Name
Hô hiệu/Số IMO: **3WFZ9/9331751**
Call sign/IMO number
Loại tàu: **M. Tàu chở hàng rời**
Type of ship: M. Bulk carrier
Chiều dài lớn nhất: **190.000 M**
Length over all:
Chiều rộng: **32.260 M**
Breadth
Mớn nước: **12.620 M**
Draft
Tổng công suất máy chính: **9480 KW**
M.E. power

Trọng tải toàn phần: **53532,0 MT**
Dead weight
Tổng dung tích: **32614 GT**
Gross tonnage
Dung tích thực dụng: **18062 NT**
Net tonnage
Năm đóng: **2012**
Year of building
Nơi đóng: **Việt Nam**
Place of building: Vietnam
Nơi đăng ký: **HẢI PHÒNG**
Place of registry
Tổ chức đăng kiểm: **VR + DNV**
Classification Agency: VR + DNV

NỘI DUNG ĐĂNG KÝ CONTENT OF REGISTRATION

A. ĐĂNG KÝ MANG CỜ QUỐC TỊCH VIỆT NAM

Registration for being Vietnamese flagged ship

Tàu biển **TM HẢI HÀ 988** được phép treo cờ quốc tịch Việt Nam từ ngày 27/06/2012

TM HAI HA 988 is sailing under Vietnamese flag from date 27th Jun 2012

B. ĐĂNG KÝ QUYỀN SỞ HỮU TÀU BIỂN

Registration for ownership

Tàu biển **TM HẢI HÀ 988** thuộc sở hữu của (tên, địa chỉ, tỷ lệ sở hữu): Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Hải Hà, địa chỉ: Số 132, tổ dân phố số 6, Thị trấn Diêm Điền, Huyện Thái Thụy, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam
TM HAI HA 988 is owned by the (name, address, ratio of ownership): Hai Ha WaterWay Transport Company Limited, address: No 132, Group 6, Diem Dien Town, Thai Thuy District, Thai Binh Province, Vietnam

Cấp tại Hải Phòng, ngày 08 tháng 07 năm 2021

Số đăng ký: **HIP-BUL-001190-6**

Number of registration

Ngày đăng ký: **07/05/2021**

Date of registration



CHI CỤC TRƯỞNG

Đoàn Văn Nhung



(3)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness



GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỊNH BIÊN AN TOÀN TỐI THIỂU TÀU BIỂN
MINIMUM SAFE MANNING CERTIFICATE

Cấp theo quy định của Quy tắc 14 Chương V SOLAS 74 và các sửa đổi
Issued under the provisions of Regulation 14 of Chapter V of the SOLAS 74 as amended

Chi cục Hàng hải Việt Nam tại thành phố Hải Phòng chứng nhận (*Branch of VietNam Maritime Administration in Hai Phong City certifies*):

Tên tàu (*Ship's Name*): **TM HẢI HÀ 988**

Hồ hiệu (*Callsign*): **3WFZ9**

Loại tàu (*Type of Ship*): **M.Bulk carrier**

Số IMO (*IMO number*): **9331751**

Tổng dung tích (*Gross Tonnage*): **32614 GT**

Nơi đăng ký (*Place of Registry*): **HẢI PHÒNG**

Vùng hoạt động: **Unrestricted Area of Navigation**
(*Trading Area*)

Công suất máy chính: **9480 KW**
(*Main Propulsion Power*)

Buồng máy không được trực ca thường xuyên (đúng/ không đúng): **Không đúng**

Periodically unattended machinery space (yes/no): No

Doanh nghiệp quản lý, khai thác (*Operating Company*): Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Hải Hà (Hai Ha WaterWay Transport Company Limited)

Tàu biển có tên trong Giấy chứng nhận này được xem xét bố trí định biên an toàn, bất kể khi nào tàu hành trình ra biển đều phải bố trí không được ít hơn số lượng chức danh và trình độ chuyên môn được chỉ ra ở bảng dưới đây (*The ship named in this Certificate is considered to be safely manned if, whenever she proceeds to sea, she carries not less than the number and grades/capacities of personnel specified in the table below*)

Chức danh (Grade/Capacity)	GCNKNCM (STCW Reg.) Hạn chế (nếu có) Limitation applying (If any)	Số lượng (Number)	Chức danh (Grade/Capacity)	GCNKNCM (STCW Reg.) Hạn chế (nếu có) Limitation applying (If any)	Số lượng (Number)
Thuyền trưởng (<i>Master</i>)	II/2	01	Máy trưởng (<i>Chief Engineer</i>)	III/2	01
Đại phó (<i>Chief Officer</i>)	II/2	01	Máy hai (<i>Second Engineer</i>)	III/2	01
Sỹ quan boong (<i>Deck Officer</i>)	II/1	02	Sỹ quan máy (<i>Engine Officer</i>)	III/1	01
Thủy thủ trực ca AB (<i>Able Seafarer Deck Rating</i>)	II/5	01	Thợ máy trực ca AB (<i>Able Seafarer Engine Rating</i>)	III/5	02
Thủy thủ trực ca OS (<i>Rating forming part of a navigational watch</i>)	II/4	01	Thợ máy trực ca Oiler (<i>Rating forming part of an engine-room watch</i>)	III/4	01
Sỹ quan TTVT hoặc Sỹ quan boong có G.O.C (<i>Radio Officer or Deck Officer holding G.O.C</i>)		01			

Ghi chú (*Remark*): The deck officer holding G.O.C and replacing radio officer

Giấy chứng nhận này có giá trị theo Giấy chứng nhận Đăng ký tàu. Khi thông tin về doanh nghiệp quản lý, khai thác thay đổi, giấy chứng nhận này phải được cấp lại (*This Certificate is subject to the validity of the Ship's Certificate of Registry. When information on management and operation company changes, this certificate must be re-issued*)

Số: **TT03-651.HP/DKTB**
No.

Cấp tại Hải Phòng, ngày 08/07/2021
Issued at date



CHI CỤC TRƯỞNG

Đoàn Văn Ngưng



CỤC ĐĂNG KÝ VIỆT NAM
VIETNAM REGISTER

GIẤY CHỨNG NHẬN PHÂN CẤP
CLASSIFICATION CERTIFICATE

Cấp theo các quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia: QCVN 21: 2013/BGTVT và các QCVN liên quan
Issued under the provisions of the National Technical Regulation

THÂN TÀU - HULL

Tên tàu	TM HAI HA 988	Số phân cấp	VR123600
Name of Ship		Class Number:	
Kiểu tàu	M.Bulk carrier	Chiều dài	183.050 (m)
Type of Ship		Length:	
Cảng đăng ký	Hải Phòng	Chiều rộng	32.260 (m)
Port of Registry:		Breadth:	
Quốc tịch	Vietnam	Chiều cao mạn	17.530 (m)
Flag		Depth:	
Hồ hiệu	3WFZ9	Chiều chìm	12.620 (m)
Cal: vệt		Draught:	
Tổng trọng tải	32614	Trọng tải toàn phần	53532.90 (T)
Gross Tonnage		Deadweight:	
Vật liệu vỏ tàu	Steel	Năm và nơi đóng	2012 - Vietnam
Material of Hull:		Year and Place of Build:	
Số IMO	IMO9331751	Năm và nơi hoàn tất	
IMO Number:		Year and Place of Conversion:	
Chủ tàu	Hai Ha Waterway Transport Company Limited		
Shipowner			
Công ty	Hai Ha Waterway Transport Company Limited		
Company:			

MÁY CHÍNH - MAIN ENGINES

Kiểu	6S50MC-C	Tổng công suất	9480 kW
Type		Total Power:	
Số lượng	1	Năm và nơi chế tạo	2007 - Russia
Number		Year and Place of Build:	

Căn cứ kết quả kiểm tra đã tiến hành, chúng tôi nhận rằng tàu này và các trang thiết bị của tàu thỏa mãn các yêu cầu của Quy chuẩn. Do đó tàu được **nhận cấp/ phục hồi cấp (*)** với hồ hiệu dưới đây:

This is to certify that as a result of the survey performed, the ship, her equipment and arrangements are found to be in compliance with the requirements of the Regulations. The class with the following notation is **assigned/renewed (*)** to the ship:

• VRH IWS BCA, J E 1.35T/m³ or 2.4 E ESP.PSCM.
• VRM

Các hạn chế thường xuyên
Permanent restrictions:

Các đặc tính khác
Other characteristics:

Giấy chứng nhận có hiệu lực đến ngày 06 July 2026
This Certificate is valid until

với điều kiện phải có xác nhận hàng năm phù hợp với Quy chuẩn
subject to annual confirmation in accordance with the Regulations.

Cấp tại
Issued at

Hà Nội

Ngày
Date

10 October 2022



Nguyễn Vũ Hải
Vice General Director

* Được bổ sung không thay đổi
/ when as appropriate

VRTB 2022 003411